

I THÁNG I NĂM 1970

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ Ạ I

năm mười ba

VŨ ĐÌNH *một năm sóng gió của quân lực Hoa-kỳ **

CUNG GIỮ NGUYÊN *một thần đồng toán học : Gauss*

* CHU MINH THỤY *máy đánh chữ xưa và nay **

NGUYỄN HIỂN LÊ *người đặt bị cực hình về bút và*

*mực : Honoré de Balzac ** HOÀNG SỸ QUÝ *tính*

*dục trong tình yêu ** BÁCH KHOA *dâm thoại với*

*Giáo sư Lý Chánh Trung (Sống và Viết) ** PHẠM

VIỆT CHÂU *Cộng sản có mặt ** TỪ KỂ TƯỞNG

*ngày về của An ** LÊ VĂN TRUNG *bên trời ** PHẠM

CAO HOÀNG *lúc ngồi trong vườn cây ** PHAN

PHỤNG THẠCH *mùa thu ở Huế ** TỪ TRÍ *thời*

*sự thế giới ** TỪ DIỆP

*thời sự khoa học ** MỤC

LỤC BỘ MÔN từ 301-312

312

MỤC LỤC BỘ MÔN TỪ 301 ĐẾN 312



SINERGYL

SIROP

Réparateur biologique

- Stimule la croissance
- Accroît le métabolisme azoté
- Retarde les manifestations de la sénescence

► *associe :*

- L-LYSINE
- VITAMINES (B1 - B6 - PP et C)
- PANTOTHENATE DE CALCIUM
- GLUTAMATE DE SODIUM.

PRÉSENTATION : Flacon de 150 ml.

POSOLOGIE : 1 cuillerée à soupe 1/4 d'heure avant les 2 principaux repas.

Emplir le gobelet de SINERGYL Sirop jusqu'au trait inférieur (équivalent à 1 cuillerée à soupe) puis d'eau jusqu'au trait supérieur.

LES LABORATOIRES DE L'I.S.H.

97, Rue de Vaugirard — PARIS (6e)

ROUSSEL VIETNAM - 6, Dai-lô Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : PHARMASIA - 246, Rue Công-Quynh - SAIGON



B Á C H

K H O A T H Ò I Đ A I

Số 312 ngày 1 - 1 - 1970

VŨ ĐÌNH <i>một năm sóng gió của quân-lực Hoa-kỳ</i>	5
CUNG GIỮ NGUYỄN <i>toán số với cần khôn : Gauss, một thần đồng toán-học</i>	13
NGUYỄN HIỂN LÊ <i>người đã bị cực hình về bút và mực : Honoré de Balzac (III)</i>	19
CHU MINH THỤY <i>máy đánh chữ xưa và nay</i>	29
Hoành Sơn HOÀNG SỸ QUÝ <i>một cái nhìn Đông phương về vấn đề tính dục : tính dục trong tình yêu</i>	33
BÁCH-KHOA <i>đàm thoại với Lý-Chánh-Trung (Sống và Viết)</i>	37
PHẠM VIỆT CHÂU <i>trăm Việt trên vùng định mệnh : Cộng sản có mặt</i>	47
TỪ KỂ TƯỜNG <i>ngây về cửa An (truyện)</i>	55
LÊ VĂN TRUNG <i>bên trời (thơ)</i>	66
PHẠM CAO HOÀNG <i>lúc ngồi trong vườn cây (thơ)</i>	66
PHAN PHỤNG THẠCH <i>mùa thu ở Huế (thơ)</i>	67
TỪ TRÌ <i>thời sự thế giới</i>	69
TỬ DIỆP <i>thời sự khoa học</i>	70
MỤC LỤC BỘ MÔN TỪ 301 ĐẾN 312	73

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

Tòa soạn :

160, Phan-Đình-Phùng Saigon

Điện-thoại : 25.539

H. T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI

133, Võ-Tánh Saigon

GIÁ: 40 đ Công sở : giá 80 đ

Cao Nguyên và Miền Trung :

thêm cước phí máy bay

HỢP THƯ

Tạp chí Bách-Khoa đã nhận được bài của quý bạn s u đây :

Vũ Bằng; Trần dza Lữ; Hà nghiêu Bích; Đinh xuân Hoa; Trần Hoài Thư; Ưt văn Thung; Thái Thần Kinh; Hoàng Hoài Hương; Lữ Quỳnh; Phan Tấn Uân; Mang Viên Long; Lê Tâm; Mai Hương Dương; Thái Ngọc San ; Lãng Tử; Nguyễn Dục; Duy Năng; Vương Phong Lan; Nguyễn Hương; Nhật Đan; Nguyễn Tường Văn; Từ Hoài Tấn; Hà Thị Kỳ Nam; Thế Vũ; Gia Hiến; Nguyễn Quang Bằng; Nguyễn Vạn Linh; Hoàng Lộc; Cung Tường Du; Đoàn Mai Châu; Hạ Đình Thao; Nguyễn Thái Yên Chi ; Hạc Thành Hoa; Đặng Đức Bích; Hoàng Đình Huy Quan; Võ Thị Thanh Roòn; Hồ Văn Dương; Hoàng Ưu Ý; Lê Văn Trung; Lạc Thức; Phạm Cao Hoàng; Ý Yên.

Xin trân trọng cảm ơn quý bạn. Những bài nào đăng được, chúng tôi sẽ trả lời bằng thư riêng hoặc nhắn tin trên mục Hộp thư này trên số Bách Khoa kỷ niệm 13 năm và số Tân niên.

Ô Trần Dza Lữ. Sẽ đăng "Xuân tha phương" và "Xuân nhớ" Theo như ý anh muốn trong thư.

O Lê văn Trung (Quảng Ngãi). Đã nhận được thư của anh và từ nay sẽ xin gửi báo về Phan Bội Châu Quảng Ngãi. Sẽ

lựa đăng dần những bài thơ anh đã gửi. Mong Thơ Xuân của anh vào số Tết và Tân niên.

— *Ô.Ô. Trần Huỳnh An, Hoàng Ngọc Châu, Lữ Quỳnh, Hoàng Lộc, Phạm Cao Hoàng, Hạ đình Thao, Ý Yên....*
Đã nhận được sáng tác và rất cảm ơn các anh. Sẽ cho đăng vào số Tết và số Tân niên.

Ô.Ô. Lê Bá Lăng và Trần Hoài Thư
Vi kệt chỗ nên đến phút chót đành phải gác lại «Tin Vui» và quảng cáo sách. Xin cáo lỗi cùng hai anh và sẽ đăng vào số kỷ niệm 13 năm Bách-Khoa.

CÁO LỖI

Trên Bách-khoa số 311 (15/12/69) bài «*Khoa học không gian và chương trình Apollo*» của kỹ sư BUI BẢO SƠN, chúng tôi đã in lầm tên tác giả ở ngoài bìa và trên Mục-lục là : BUI BẢO TRÚC (! Trên Bách-khoa này – số 312 vì lý do kỹ thuật những «Sách báo mới» gửi tặng đã không được giới thiệu kịp và phải dành lại số tới.

Xin trân trọng cáo lỗi cùng Ô. Bùi Bảo Sơn, các tác giả và nhà xuất bản đã có nhã ý tặng sách và quý vị độc giả của Bách Khoa.

Tòa soạn Bách-Khoa Thời-Đại

BÁCH - KHOA SỐ KỶ NIỆM 13 NĂM cũng là số **XUÂN CANH TUẤT** (số 313 - 314 ngày 15-1-70 và 1-2-70) sẽ ra mắt quý bạn vào 0-1-70.

Trình bày những vấn-đề trọng-đại trong năm qua trên các địa hạt : chính trị, kinh tế, văn học, xã hội v.v...

— *Tập trung đông đảo các cây bút biên-khảo, nghị luận, văn nghệ đã được bạn đọc tin yêu nhất trong suốt 13 năm qua.*

— *Sẽ làm bạn đọc vui thích trong suốt thời gian đón chờ năm mới.*

Một năm sóng gió của Quân lực Hoa - kỳ

VŨ - ĐÌNH H

Từ ngày thành hình, chưa bao giờ Quân-lực Hoa-kỳ gặp một năm nhiều rắc-rối như năm 1969.

Trước đó quân-đội được coi như đứa con cưng của xã-hội Hoa-kỳ, nhất là sau thế-chiến thứ hai, qua hình-ảnh các danh-tướng và cuộc chiến-thắng vẻ-vang trên hai mặt trận Âu-Châu và Thái Bình-Dương, bộ quân-phục lại càng được ngưỡng mộ.

Người ta không ngạc-nhiên khi sự công-kích phát-xuất từ giới sinh-viên, trí-thức, các nhóm chủ hòa và tân tả. Nhưng đầu năm 1969 giông tố nổi lên từ nhiều phía, đến cả những người hữu khuynh và một vài tướng lãnh hồi hưu cũng chỉ-trích quân-lực một cách gay gắt. Sự chống đối đã gây ra nhiều cuộc tranh luận sôi nổi, tạm lắng dịu vì chiến tranh Việt-Nam, nhưng còn hứa hẹn nhiều màn gây cản trong tương lai, có thể làm cho nước Mỹ thay đổi đường lối quân-sự hoặc đi đến một sự phân-hóa trầm-trọng.

Lý-do đưa đến những cuộc tranh luận rất phức-tạp, nhưng người ta có thể rút ra một số vấn-đề chính.

Sự phát-triển và ảnh-hưởng quá lớn

Suốt mười mấy năm sau đệ nhị thế chiến, khối Cộng-sản còn duy-trì được sự đoàn-kết, và luôn luôn khuấy động nhiều nơi trên thế-giới. Hoa-kỳ coi đó

là một hiểm họa, nên không ngừng phát triển quân-lực trong thời bình.

Năm 1949, quả bom nguyên-tử đầu tiên của Nga-sô làm Hoa-kỳ ngạc nhiên không ít, vì nó nổ sớm hơn thời-gian dự đoán rất nhiều. Sau khi vệ-tinh Sputnik 1 khởi-hành chuyến bay thì Hoa-kỳ lại càng sửng-sốt về tiến bộ khoa-học của Nga-sô. Hoa-kỳ đã gấp rút dồn nhiều tài - nguyên và nhân-lực vào công cuộc thi đua võ-trang. Quân-lực mỗi ngày một lớn mạnh. Hiện nay, Hoa-kỳ có đến 3.500.000 người phục vụ dưới cờ và gần 4.000 căn-cứ quân-sự lớn, nhỏ. Theo đà phát triển, quyền lực trong tay quân-lực cũng mỗi ngày một gia-tăng đến độ nó có thể lũng đoạn được cả quốc-hội. Một nhân vật của Ngũ giác đài tiết lộ : «Các nghị-sĩ ở quốc-hội không cần phải đòi hỏi, quân-đội rất biết điều với họ. Chẳng hạn Thượng nghị-sĩ Richard Russell (Cựu chủ-tịch ủy-ban quân-lực thượng-viện) không cần phải ngỏ ý muốn một căn-cứ quân sự đặt tại Georgia. Điều cần thiết là ông làm thế nào để được bầu vào chức vụ chủ-tịch ủy-ban quân-lực căn-cứ quân-sự sẽ mọc lên trong tiểu-bang của ông».

Đối với các nước dân-chủ Âu-Mỹ, dân chúng, nhất là giới trí-thức, trông gương Đức, Ý, Nhật với nạn quân-phiệt, không chấp-nhận một trường-hợp lũng đoạn như thế. Họ hô hào chế-ngự ảnh

hưởng quân-đội và mang nó trở lại vị trí quân-sự thuần-túy. Khoa-học gia Herbert York báo-động : "Người Mỹ sẽ phải đương đầu với con quái-vật có thể tiêu-diệt nước Mỹ."

Có dư-luận gán cho quân-lực một phần trách-nhiệm về chính-sách can thiệp quân-sự của Hoa-Kỳ. Người ta nói Tổng-Thống Kenedy chấp thuận cuộc đồ-bộ ở vịnh Con Hỏ vì các Tham-mưu trưởng liên-quân tán thành hoạt-động của C.I.A, và cũng chính các vị này đề nghị đồ quân ở ạt vào Việt-Nam năm 1965. Họ cho rằng các tham-mưu-trưởng đã thúc giục chính-phủ gửi 20.000 quân đến Dominican, trong khi tình hình ở đó đòi-hỏi rất ít quân-đội Mỹ. Tướng hồi hưu James.M.Gavin cảnh cáo : "Ảnh hưởng quân-đội quá lớn trong việc hoạch-định chiến-lược quốc-gia và chính sách đối ngoại" Tướng David Shoup, cựu Tư-Lệnh T.Q.L.C, tố cáo quân-lực có khuynh-hướng gây chiến để bành trướng và đang biến Hoa-kỳ thành một quốc gia quân-phiệt và hiếu-chiến.

Những người cấp-tiến, tuy cũng đả-kích sự phát-triển quá độ của quân-lực, nhưng họ quy trách-nhiệm vào các thành phần mà họ gọi là tập-đoàn thư-lại bao gồm cơ quan C.I.A, bộ Ngoại-giao, các ủy-ban quân-lực tại quốc-hội và một số khoa-học gia của các đại-học. Theo những người này thì sự phát-triển quân-lực là hậu-quả của quan-điểm thư-lại về tình-hình thế giới. Quan-điểm đó coi cuộc xung đột võ-trang với Cộng-sản là một trận chiến cuối cùng của loài người, nên phải tích-cực bành trướng quân-lực, chạy đua với Nga xô trên địa-hạt vũ-khí nguyên tử, và đem quân đến giúp bất cứ chính phủ nào mang nhãn hiệu chống cộng. Những gì quân-lực đề-nghị, đòi hỏi

đều được C.I.A. và các viên-chức ngoại-giao ở hải ngoại biện-minh, căn-cứ vào ước tính tình hình về hoạt-động và mưu toan của cộng sản.

Câu hỏi chung của các phe chống đối là tầm vóc quá lớn của quân-lực có còn cần-thiết đối với tình-hình hiện-tại không !

Phe bị đả kích dựa vào sự phát-triển vũ-khí nguyên-tử của cộng-sản, các vụ khiêu-kích của Trung-cộng đối với Ấn Độ ở biên thùỵ Trung-Ấn, và cuộc xâm lăng của quân-đội Xô viết vào Tiệp-Khắc để biện minh cho sự cần-thiết duy-trì một guồng máy quân-sự thật mạnh, và công cuộc thi đua phát-triển vũ-khí hạch tâm. Họ lập luận : thực tại sức mạnh trong thời-đại nguyên-tử rất xấu xa, nguy-hiểm, nhưng là một thực-tại thiết-yếu. Thực-tại đó che-chở các quốc-gia nhỏ bé, và duy trì nền hòa-bình thế-giới. Qua các hành động gây hấn nói trên của Nga-sô và Trung-cộng, người ta khôn thể tin-tưởng vào thiện-chí hòa-bình của cộng sản một khi sức mạnh quân-sự Hoa-Kỳ thiếu, vắng. Tuy sức mạnh Hoa-Kỳ có giới hạn của nó, sự tin-tưởng quá đáng vào kỹ-thuật không thích ứng với chiến-tranh du-kích ở Việt-Nam, nhưng sức mạnh đó đã tạo nên được một cán cân thăng bằng ở Tây Âu và Trung đông.

Nếu thế-chiến thứ ba xảy ra, Hoa-Kỳ sẽ không có thời-gian để động-viên như các cuộc chiến-tranh quy-ước trước đây. Cách tốt nhất làm nản ý-định gây-chiến là chứng tỏ cho đối-phương biết mọi cuộc tấn-công đều bị trả đũa thích đáng. Trong một bài diễn văn đọc tại Thượng-viện, nghị-sĩ Barry Goldwater nói : "Dù

phe tả gán cho nó một hình ảnh hiếu chiến, quân-phiệt, mục-tiêu cuối cùng của quân-lực vẫn là hòa-bình trong thời-đại chúng ta ».

Những người biện-hộ cho quân-lực bác bỏ lời buộc tội quân-lực đã có một phần trách nhiệm về việc đưa quân đến VN. Các tham-mưu-trưởng đã đề-nghị, nhưng Tổng-Thống JOHNSON và các cố vấn dân sự cao-cấp của ông quyết-định việc đó. Sau này, tất cả những quyết-định quan-trọng về chiến tranh VN cũng do Tòa Bạch-Oc ban-hành. Hơn nữa tại quốc-hội chỉ có một số ít nghị-sĩ phản-đối quyết-định của chính-phủ năm 1965, mãi đến khi chính-sách chiến-tranh VN hiển nhiên trở nên vô-hiệu, từng đàn bồ câu mới xuất-hiện ở điện Capitol. Sự đã-kích của quốc-hội nhằm vào quân-lực đúng ra là một cuộc tìm kiếm vật hy-sinh. Trong buổi nói chuyện ở Chicago Bộ-trưởng quốc-phòng Melvin Laird đã lên tiếng bênh-vực quân-lực : « Hiện nay, nhiều sự chỉ-trích quân-lực một cách nặng nề đã không được đặt đúng chỗ. Chính dân-sự quyết-định hính-sách an-ninh quốc-gia, và chiến lược chúng ta theo đuổi Chính dân-sự quyết-định tầm vóc các lực-lượng, và điều hành bộ-quốc-phòng. Các quân-nhân nam, nữ của chúng ta chỉ thi-hành các chính-sách đó với lòng can-đảm, quyết-tâm và trung-thành ».

Liên-minh quân-sự Kỹ-nghệ quốc-phòng.

Trong bài diễn văn đọc trước khi rời tòa Bạch-Ốc, Tổng-Thống Eisenhower đã cảnh-giác dân Mỹ phải coi chừng sự gia tăng ảnh-hưởng của

khối Quân-sự — Kỹ-nghệ mà ông gọi là Military-Industrial Complex (MIC). Bây giờ MIC được định-nghĩa và phân-xét tùy theo quan-điểm chính-trị của mỗi người Mỹ. Từ đầu tháng 6-1969, MIC trở nên đầu đề của những cuộc tranh-luận nảy lửa tại Quốc-Hội và trên báo- chí Hoa-Kỳ.

Phe khuynh tả và cấp-tiến coi MIC như một liên-minh giữa các Tướng lãnh hiếu chiến và các kỹ-nghệ gia lợi-dụng chiến - tranh. Công cuộc phát-triển quân-lực tạo cho họ một mục-đích chung : làm giàu lẫn nhau. Các xí nghiệp kỹ - nghệ Quốc-phòng phải đại-diện đến hoạt - động ở Hoa-thịnh - Đốn. Họ la cà ở các hội-quán sang trọng, các sân dã cầu, hay hứng gió trên các du-thuyền lộng-lẫy. Họ tìm cách gắp-gỡ, thương-lượng với các Tướng. Tá quan-trọng của Ngũ-giác-đài. Nếu tiền bạc quá nguy-hiêm thì họ dùng đến đàn bà hay hứa hẹn nh ng địa vị tốt đẹp trong xí-nghiep.

Năm 1960, có 691 Sĩ quan hồi-hưu cấp bậc từ Đại-Tá trở lên được 10 xí-nghiep kỹ-nghệ Quốc-phòng lớn nhất thu-dụng, riêng hãng General Dynamics đã nhận 186 người. Đầu năm 1969, Thượng Nghị - sĩ Proxmire cho biết có 2.72 Tướng, Tá hồi-hưu đang hợp-tác với 100 hãng sản-xuất quân-dụng. Cuộc điều-tra của ông cũng phát-giác một hợp-đồng mờ-ám của Không-quân và hãng Lockheed. Hợp-đồng có mang lại cho hãng Lockheed những món lời khổng-lồ ngay trong đợt đầu cung-cấp phi-cơ vận-tải phản-lực C-5A.

Năm 1954, hai khoa học gia không-gian Simon-Ramo và Deanwooldrige tình-nguyện làm cố-vấn cho Không-quân.

Bốn năm sau, họ biến một số vốn 13.500 Mỹ-kim thành nhiều triệu Mỹ-kim, và đã tạo được chỗ đứng khả quan trong giới kỹ-nghệ chiến-tranh. Năm 1967, tổng-số hợp đồng của họ ký-kết với quân-lực, trị giá tới 121 triệu Mỹ-kim.

Người ta đặt nghi-vấn về nhiều nhân-vật dân-sự của Ngũ-giác-đài và các nghị-sĩ trong Ủy-ban quân-lực tại Quốc-hội, xuất thân từ MIC. Đương kim thứ trưởng quốc - phòng David Packard đã từng giữ chức-vụ giám-đốc công-ty Hewlett-Packard. Phương-pháp đặt hàng của Ngũ-giác-đài cũng bị chỉ-chỉ-trích nặng-nề vì điều-kiện sách lỏng lẻo gây phí phạm nhiều tỷ Mỹ-kim. Đầu năm 1969, một số nghị-sĩ đã nổi giận khi biết Ngũ-giác-đài đã làm lợi cho cơ-sở Atomic Energy Commission hơn 1 tỷ Mỹ-kim trong chương-trình hỏa-tiến ABM. Bộ trưởng quốc-phòng Laird đã phải đề-cử nhiều nhóm nghiên-cứu hợp-đồng cung cấp quân-dụng và kiểm-soát công-tác. Thượng nghị-sĩ John Stennis thậm chí lập tiểu ban kiểm-tra công-tác do các xí nghiệp thực-hiện cho quân-lực.

Một tờ báo hữu khuynh định nghĩa MIC như một thực-thể không có hệ-thống tổ-chức và chỉ huy. Nó là một khối vô-hình gồm các thành phần chính : Ngũ-giác-đài, các chủ xí-nghiệp sản-xuất vũ-khí, công nhân trong các xí-nghiệp đó và nghiệp-đoàn của họ, các nhà lập-pháp hưởng lợi chính-trị do hoạt - động của ủy-ban quân - lực tại Quốc hội, các khoa-học-gia của nhiều đại-học và các cơ-sở khảo-cứu được Ngũ-giác-Đài tài-trợ. Hành phần phụ của MIC cũng rất đông-đảo : Các chủ đất do quân-lực mượn, các tiệm buôn

gần căn-cứ quân-sự, các nhà cung-cấp thực-phẩm, v.v...

Phe MIC nói rằng không có gì chứng tỏ các sĩ-quan cao cấp hồi hưu hiện đang hợp-tác với các xí-nghiệp, đã giúp chủ nhân của họ trúng thầu khi họ còn tại chức. Ông Lee Atwood, chủ nhân hãng North American Rockwell, lên tiếng : «Chúng tôi muốn các sĩ-quan hồi hưu vì họ xứng đáng. Nhưng thật là ngớ ngẩn nếu nói rằng giữa chúng tôi không có sự giao hảo, thân hữu khi họ còn bận quân-phục».

Một nhân vật của MIC nói kỹ-thuật mỗi ngày một rắc rối, vũ-khí càng ngày càng phức tạp, cho nên không có sự tính toán giá cả nào chính xác ; sự cộng tác giữa quân-lực và các xí-nghiệp chỉ có thể trông cậy vào sự lương-thiện của xí nghiệp và sự tin tưởng của quân-lực

MIC và nền kinh tế Hoa-kỳ

Trong thời-gian chiến tranh lạnh MIC chi tiêu 80 tỷ Mỹ-kim mỗi năm (1 phần 10 tổng sản-lượng quốc-gia). Theo ước lượng mới đây, 21 phần trăm công nhân chuyên nghiệp và 16 phần trăm chuyên viên trong nước làm việc với MIC. Hàng trăm đại-học đảm nhận công việc khảo-cứu, phác-họa kế-hoạch hoặc sản-xuất đầu đạn nguyên tử cho MIC. Có nhiều thành phố hoàn toàn sống nhờ vào hoạt động của MIC.

Trong số 435 ghế tại Hạ-nghị-viện, những Hạ nghị-sĩ được bầu bởi các đơn-vị hưởng nhiều lợi-tức do hoạt-của MIC mang lại, chiếm 363 ghế. Riêng đơn-vị của Hạ-nghị-sĩ L. Mende Rivers, chủ-tịch ủy-ban quân-lực hạ-viện, có đến 12 căn-cứ quân-sự lớn và 4 cơ-sở xí-nghiệp kỹ-nghệ quốc-phòng. Lương

bồng hàng năm của quân-nhân đồn-trú trong 12 căn-cứ đó là 2 tỷ Mỹ kim. Ông Rivers thường cho biết thành phố Charleston, quê-hương ông, phần-thịnh nhờ xưởng đóng tàu và các căn-cứ Hải-quân

Một số Thượng-nghị-sĩ muốn chiết giảm ngân-sách quân-sự nhưng lại muốn tiểu-bang của họ thịnh vượng hơn. Vì vậy, đôi khi quốc-hội đã cung-cấp-cho Ngũ-giác-đài những ngân-khoản vượt quá mức cơ-quan này yêu-cầu. Thượng-nghị-sĩ Nelson đã phản nản trước một phiên họp thượng-viện: "Một ngân-khoản quân-sự thì được quốc-hội thông qua trong mấy giờ, nhưng một chương trình giúp-đỡ các nước kém mở mang hay một ngân-khoản phát-triển xã-hội thường bị tra xét, mổ xẻ, tu-chỉnh đi, tu-chỉnh lại hàng tuần có khi hàng tháng".

Những năm gần đây, dân số các đô-thị càng ngày càng gia tăng, thành phố lớn nào cũng không thiếu những khu dân cư nghèo nàn (Slum). Nhu cầu cải thiện xã-hội trở nên cấp-bách, nhưng chính phủ Mỹ chưa giải quyết được bao nhiêu vì phải đổ quá nhiều tiền vào chi phí quân-sự. Tổng thống Johnson đã không thực hiện nổi một "Đại-Xã-Hội" (The Great Society) như ông hứa hẹn từ khi mới lên cầm quyền. Trong một cuộc điều trần, Thượng-nghị-sĩ Proxmire nêu một câu hỏi: "Chính-phủ Liên-bang bỏ ra một tỷ rưỡi Mỹ-kim cho các hàng-không mẫu-hạm mới, nếu chi-phí giáo-dục dưới số tiền đó, có phải là một điều hợp-lý không!".

Cuộc thăm dò tháng 10-1969 của viện Harris cho biết: 86% dân chúng than-phiền thuế quá cao và không hợp-lý, 60% cảm thấy mức sống trong 10 năm qua mỗi năm một sa-sút, tỷ-lệ lạm-phát gia-tăng 7,2% mỗi năm. Đa

số dân-chúng không tán thành chương-trình ngoại-viện, chương-trình không gian và chi-phí quân-sự quá lớn. Một bà nội trợ ở Baltimore nói: "Tôi không thích họ lấy tiền mua thực-phẩm cho con nít để phóng lên mặt trăng".

Tháng giêng 1969, trước khi bàn giao chức-vụ Tổng-thống, ông Johnson gửi đến quốc-hội một báo-cáo về viễn-ảnh nền kinh-tế Hoa-kỳ. Ngân-sách quân-sự năm 1969 là 78 tỷ rưỡi, sẽ tăng 3 tỷ trong năm 1970. Nếu chiến-tranh Việt-Nam chấm dứt, quân-đội Mỹ rút khỏi Á-châu, ngân-sách quân-sự vẫn tăng vì phải đài thọ một loạt vũ-khí và cơ-sở phòng-thủ mới. Đó là trường-hợp Ngũ-giác-đài không đòi hỏi thêm chi-phí cho những vũ-khí sẽ được phát-minh trong tương-lai, ngoài số đã được dự-trù và chấp-thuận, điều mà không ai tin sẽ không xảy ra. Trong chiến dịch tranh-cử, Tổng thống Nixon lại hứa xây-dựng một ưu-thế quân-sự tuyệt-đối (sau này, trong cuộc họp báo đầu tiên, ông Nixon thay thế «ưu-thế tuyệt-đối» bằng «hữu-hiệu».) Ông J. Leland Atwood, giám-đốc một trong những xí-nghiệp quốc-phòng lớn nhất, ca-ngợi ông Nixon hiểu biết tầm quan-trọng của công-cuộc phát-triển lực-lượng quân-sự và chương-trình không-gian hơn các vị tổng-thống tiền-nhiệm. Ông Bộ-trưởng quốc-phòng Laird khi còn ở quốc-hội cũng là một người hăng-hái ủng hộ việc gia-tăng ngân-sách quân-sự, Thứ-trưởng David Packard của ông lại là một tay xuất thân từ giới kỹ-nghệ quốc-phòng. Như vậy chi-phí quốc-phòng của Hoa-kỳ sẽ gia-tăng hay giảm xuống!

Chỉ vài năm trước đây, tại quốc-hội, thái-độ nghi-ngờ những gì quân-lực

đòi hỏi, được coi như sự phản-bội «OUR BOYS». Nhưng sau nhiều loạt biểu-tình của sinh-viên và dân-chúng chống chương-trình hỏa-tiên ABM, quốc-hội đã có một sự thay đổi lớn lao. Đầu tháng 6-1969, lần đầu tiên quốc-hội kịch-liệt đả kích một hệ-thống vũ-khí do Tổng-thống đề-nghị. Nhiều ngân-khoản quân-sự năm 1970 bị chiết giảm. Thượng nghị-sĩ Mike Mansfield mở cuộc điều-tra để rút bớt căn-cứ quân-sự tại 30 quốc-gia hải-ngoại. Một nhóm 125 thượng và hạ nghị-sĩ thành-lập một tổ-chức, thuê chuyên-viên vũ-khí nghiên-cứu các đòi hỏi của quân-lực. Một nhóm 45 thượng và hạ nghị-sĩ khác công bố một bản đề-nghị thành-lập văn-phòng kế-toán quốc-hội với nhiệm-vụ duyệt-xét lại chi-phí quân sự và một ủy-ban hỗn-hợp thượng và hạ nghị-viện cứu xét ưu-tiên quốc-gia và chương-trình phòng-thủ. Những sáng kiến này đều nhằm chế-ngự ảnh-hưởng của MIC đối với xã-hội Mỹ và chính-sách đối ngoại. Thượng-nghị-sĩ Edward Kennedy tuyên bố: «Thời đại mà ngân-khoản quân-sự được phê-chuẩn một cách tắc-trách đã qua». Thượng nghị-sĩ Froxmire cũng nói «Thời đại của ngân - phiếu trắng đã chấm dứt».

Khuy-nh-hướng chống chính-sách quân-sự và một số sai-lầm của quân-lực

Sinh-viên và giáo-sư trẻ là thành phần chống chính sách quân-sự quyết-liệt nhất. Họ phản-đối chương-trình huấn-luyện Sĩ-quan Trừ-bị dành cho đại-học, đốt thẻ trưng binh, tẩy chay việc tuyển-mộ của quân-đội và GIA tại đại-học, gây áp-lực buộc nhiều đại-học phải duyệt lại vai trò khảo-cứu cho quân-lực. Lớn lên trong khung-cảnh thanh-bình, nên họ coi

đế-quốc Sô-viết như một con ngáo ộp do MIC nguy tạo để biện-minh cho chủ nghĩa quân-phiệt. Họ nói cứ làm tan rã MIC và phá-hủy vũ-khí nguyên-tử, thế giới sẽ có hòa-bình và tự-do. Những người chỉ-trích quân-lực nhiều nhất tại quốc-hội cũng không chấp-nhận điều đó và coi sự đe-dọa của Cộng-sản là một thực tại, vũ-khí nguyên-tử vẫn cần thiết cho một lực-lượng gián-chỉ bảo vệ hòa bình thế-giới.

Thành-phần trí-thức cấp-tiến cũng kịch-liệt đả phá chính-sách quân-sự, nhưng họ chia mũi dùi vào «tập-đoàn thư-lại». Họ nói tình-hình thế-giới đã biến chuyển, khối Cộng-sản không những đã mất đi sự nhất-trí, mà còn bị rạn nứt trầm-trọng. Nếu chiến-tranh xảy ra ở Đông Âu, Nga-sô không còn trông cậy vào lực-lượng quân-sự của khối Varsovie được nữa. Tập-đoàn thư-lại càng đông đảo thì càng có nhiều đe-dọa của Cộng sản do tập-đoàn này nguy-tạo. Về vũ khí nguyên-tử, họ cho rằng sau 20 năm thi đua võ-trang, an-ninh của Mỹ-quốc vẫn bấp-bênh, ngay cả hệ-thống ABM (Hỏa-tiên chống hỏa-tiên). nếu được thiết lập với chi-phí trên 400 tỷ Mỹ k m, cũng không hoàn-toàn bảo-đảm cho Mỹ-quốc, trước sự tấn-công ào-ạt của Nga-sô bằng vũ-khí nguyên-tử. Nga-sô cũng như Hoa-kỳ đều nhận-thức sự tàn phá khủng-khiếp của nó. Một thỏa-ước về kiểm-soát và hạn-chế phát-triển loại vũ-khí này sẽ tránh cho loài người họa diệt-vong. Dựa vào lời biện-hộ hệ-thống ABM của thượng nghị-sĩ Russell: «Nếu chỉ còn một người đàn bà trên trái đất thì tôi muốn hai người đó-phải là người Mỹ», họ lên án chính-sách quân-sự của «Tập-đoàn thư-lại» mà họ tin rằng sẽ đưa nước Mỹ đến thảm-họa.

Theo Tướng Shoup, đường lối quân sự của Hoa-kỳ chịu ảnh-hưởng của các tướng-lãnh rất nhiều. Quan điểm chiến tranh của Ngũ-giác-đài là một cuộc phiêu lưu nguy-hiêm, một lối thoát cho hoạt-động buồn tẻ của quân-lực thời bình, một cách duy-trì thế-lực chính-trị và kinh-tế. Quan-điểm đó đưa Hoa-kỳ đến sự can thiệp quân-sự ở ngoại quốc.

Vụ đổ bộ thất-bại ở vịnh Con Heo quân-lực được CIA chia xẻ trách-nhiệm và chỉ bị chỉ-trích nhẹ-nhàng vì uy-tín còn rất vững. Nhưng sau đó, sự tin-tưởng của dân Mỹ đối với quân-lực dần dần suy-giảm vì những thất bại: hàng loạt vũ-khí lỗi thời được sản-xuất, gây phí-phạm trên 9 tỷ Mỹ-kim, súng XM 16 ra đời quá muộn để đáp-ứng với địch-thủ AK 47 của nó vụ tàu Pueblo đầu hàng Bắc Hàn không một tiếng súng kháng-cự. Năm 1969, trong khi tang gia bối-rối, quân-lực Hoa-kỳ lại liên-tiếp gặp những chuyện có hại cho uy-tín và danh-dự của nó không ít. Tháng 4, chiếc phi-cơ do thám EC 121 trang bị máy móc điện-tử, phi-hành đoàn gồm 31 quân-nhân Hải-quân và Thủy-quân Lục-chiến, bị các phi-cơ Mig của Bắc Hàn bắn hạ ngoài khơi biển Nhật bản. Tháng 5, trận đánh Ấp Bia gây cho Sư-Đoàn 101 Nhảy dù Hoa-kỳ 84 quân-nhân tử-thương và 480 bị thương, Theo lời binh-sĩ dự trận đánh, đại-

đội B thuộc Tiểu-Đoàn 3 mất tinh-thần đến nỗi nhiều quân-nhân không tuân lệnh tiến quân. Thượng Nghị-sĩ Edward Kennedy, chỉ-trích cuộc hành-quân: "vô nghĩa và vô trách-nhiệm". Tháng 8, những vụ xung-đột máu da liên-tiếp xảy ra ở các trại lính: Fort Bragg, Kaneohe và Lejeune. Cũng trong tháng này, báo-chí Mỹ rầm rộ khai-thác vụ đại-đội A thuộc tiểu-đoàn 3 lữ-đoàn 196 khinh-binh không tiến quân được ở núi lớn (Quảng-Nam), vì một số binh-sĩ phản-kháng lệnh của Trung-úy đại-đội trưởng Eugene Shurtzjr. Tháng 9, Tư-Lệnh Lực-Lượng Đặc-biệt Hoa-kỳ tại Việt-Nam và 6 quân-nhân thuộc hạ bị truy-tố về vụ thủ-tiêu Thái-Khắc-Chuyên. Tháng 11, vụ thăm-sát Mỹ-Lại được phanh-phui, gây dư-luận xôn-xao trên khắp thế-giới.

Nhưng nói chung, uy-tín của quân-lực Hoa-kỳ suy-giảm một phần lớn vì tình-hình quân-sự ở Việt-Nam. Các tướng-lãnh luôn luôn tuyên-bố thắng-lợi, trong khi «ánh-sáng ở cuối đường hầm» vẫn chưa xuất-hiện. Trước kia dân Mỹ tin-tưởng vào Eisenhower, Mac Arthur bao nhiêu, thì bây giờ nghi-ngờ tài năng các Tướng-lãnh đang điều khiển cuộc chiến bấy nhiêu,

oOo

Tranh-luận về vấn-đề liên-quan đến quân-lực chắc-chắn còn tiếp-tục vì sau

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

chiến-tranh Việt-Nam, Hoa-kỳ sẽ phải có những quyết-định quan-trọng về sự phát-triển vũ-khí hạch-tâm để chạy đua với Nga sô, về một tầm vóc quân-lực và một chính-sách đối-ngoại thích-hợp với hiện tình thế-giới. Mâu-thuẫn nội-bộ có thể được giải-quyết một phần lớn nhờ một thỏa-uớc hạn-chế vũ - khí nguyên-tử và một sự ổn-định ở các quốc-gia nằm trong vùng ảnh-hưởng Hoa-kỳ. Viễn-tượng tốt đẹp cho cả hai công việc đó hầu như không có, khi lập-trường hai khối đối-ngịch trên thế-giới còn quá khác biệt.

Người ta chưa biết mâu thuẫn nội-bộ của Hoa-kỳ sẽ đưa quân lực đi về đâu, nhưng những cuộc tranh-luận trong năm 1969 đã mang lại cho nó một hậu-quả rất tai-hại. Nhiều quân-nhân không những mất đi niềm kiêu-hãnh truyền-thống mà còn mang một tâm-trạng hoang-mang «bị mọi người ghét bỏ» (Every-body-hates-us psychosis).

Richard Rose, một sĩ-quan Hải-quân, kể lại thái-độ của một nhóm trí-thức đối với anh trong một cuộc họp mặt tại Los-Angeles : « Họ coi tôi như một phần-tử của quân-đội phát-xít. Họ bảo tôi bị tẩy não, tin vào sự dối-trá, và có phản ứng máy-móc ». Theo Tướng Wheeler, những chi-phí lớn cho các vũ-khí tối-tân cũng làm cho dân-chúng không ưa quân-đội, vì bộ quân-phục và một hỏa-tiến ABM rất dễ bị đồng-nhất.

Đối với những phần-tử cấp-tiến thì chính một số cơ-cấu lỗi-thời của xã-hội Hoa-kỳ đã gây nên khủng-hoảng kinh tế, sự cấu-kết bất-chánh của quân-lực và kỹ-nghệ quốc-phòng, một chính-sách đối-ngoại và một đường lối quân-sự nguy-hiêm. Duyệt xét và cải-tổ những cơ-cấu đó sẽ mang lại ổn-định cho Mỹ quốc. Như vậy, quân-lực chỉ là một biểu-tượng, chứ không phải đối-tượng chống-đối của họ.

VŨ-ĐÌNH

REGAST.T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức Hòa-Lan

THUỐC BÒ

ACTIVIT

TRỊ LAO LỰC, BỔ MÁU, BỔ PHỔI
BỒI BỔ CƠ THỂ

CÓ CHAT GAN BÒ TƯƠI CỦA HÒA-LAN

Toán số với càn khôn

Một thần đồng toán học

Sự nghi ngờ và hoang mang đã làm một trí những nhà bác-học Hy-lạp khi gặp học-thuyết Pythagore, rồi cũng làm nhưc đầu chính phái Pythagore khi họ tìm ra cạnh huyền của tam giác vuông không phù-hợp với lý-thuyết nguyên số. Nghi ngờ và hoang-mang cũng tái diễn khi toán-gia thế-kỷ 19 thấy sự xa cách hay đối nghịch giữa những ý-niệm toán học với lẽ phải thông thường. Lagrange từ bỏ trong nhiều năm toán-học vì thấy sâu quá, và bạn của Lagrange là d'Alembert chẳng giải quyết được những khó khăn π với vẫn khuyên môn-đệ mình nên cứ đi tới, rồi đức tin sẽ đến. Trong lúc một luồng bi-quan thổi trên thế-giới toán-học, một nhà toán và thiên-văn lỗi lạc nhất của thời-đại đã đem lại niềm tin-tưởng. Năm 1779, Carl-Friedrich Gauss, mới lên ba, nhìn thấy bản lương của cha lập đề trả tiền cho thợ nề, chỉ cho cha thấy một chỗ toán sai (1). Suốt đời thần-đồng Gauss sẽ xem toán số như một trò chơi. Thời Gauss, toán đã lớn mạnh khá nhiều, nhưng Gauss đã hướng toán học đến một đường mới với một phương-pháp tư-duy hết sức chặt chẽ. Những sự khám phá của Gauss về hình-học và phân-tích dẫn đến thuyết tương-đối và thuyết nguyên-tử năng của thế-kỷ 20. Tên gauss đặt cho đơn-vị điện-từ, danh-từ hàng hải cũng có chữ

degaussing chỉ sự phản-ứng điện-từ của một chiếc tàu để chống mìn. Ngoài phát-minh về điện-học, Gauss cùng với Weber, cũng là người Đức, đã làm ra đường độn-tín hai năm trước Morse. Gauss biết về toán số trước khi biết nói! Ở lớp học khi thầy giáo biểu cộng tất cả số từ 1 đến 100, Gauss viết ngay 5050 trên bảng đen trong khi các bạn mất rất nhiều thì-giờ mà cộng cũng sai. Đến 14 tuổi, nhờ sự giúp đỡ của quận-công Brunswick, Gauss tiếp-tục học đến đại-học. Không những học các môn hình-học, đại-số, toán-vi-phân, bảng lô-ga-rít ông thuộc lòng, Gauss cùng học nhanh chóng nhưng kỹ lưỡng Hi-văn, La-văn, Pháp-ngữ, Anh-ngữ, Đan-ngữ. Những sở tay của Gauss lúc 19 tuổi đầy cả toán mới do

(1) Trong thế-kỷ này cũng được nghe nói đến những 'thần đồng' về toán học như Friedman, người Hoa-kỳ, 19 tuổi, đã là giáo-sư toán ở đại-học, cô Maybel Thompson người Anh-quốc biết đọc khi 2 tuổi, làm toán vi-phân hồi 4 tuổi và đọc được ba ngoại-ngữ khi 6 tuổi. Gần đây, Elmer Euder, thiếu niên người Áo mới 13 tuổi vừa là học-sinh trung-học và sinh-viên đại-học, có thể lấy π một lần, nếu được đặc-cách cho thi, cả bằng tú-tài và cử-nhân khoa-học trong một năm. Elmer Euder lúc 7 tuổi đã biết toán tích-phân và vi-phân, 9 tuổi nắm vững thuyết tương-đối của Einstein và diễn thuyết về vấn đề ấy tại đại-học Erlangen. Nhưng những trường-hợp đáng phục ấy chỉ là trường-hợp khả-năng hấp-thụ đặc-biệt, không phải là những thiên-tài phát-minh,

Ông nghĩ ra, định-lý mới trong thuyết về số, lược-đồ để phổ-biến phương-pháp hình-học. Trong những giấy tờ Gauss để lại khi chết, có nhiều phát-minh chưa được khai thác cho thấy bề sâu rộng của trí-óc vĩ nhân. Chữ-ngôn của Gauss là : *ít mà chín chắn*. Gauss rất thận-trọng không vội cồng-bổ điều-gì hay về vấn-đề nào mình chưa thấu triệt. Nhưng người cũng ý-thức được khả-năng thật-sự của mình. Khi Viện Hàn-lâm Khoa học Pháp đặt giải-thưởng để tặng cho ai chứng minh hay bác bỏ được một định-lý của Fermat, Gauss không tham dự. « Định-lý ấy không ích-lợi gì cho tôi, vì tôi cũng có thể đặt ra vô số đề mà chẳng ai chứng minh hay bác bỏ được »

Gauss còn gác lại một cố ý nghĩ của mình chỉ vì sự kh ng hợp với « chính-thuyết ». Như Gauss không thấy lý do tiên-thiên nào khiến phải hình dung không-gian bằng đường thẳng, theo lối từ Euclide đến nay ai cũng làm thế. Tại sao không-gian không cong ? Dù sao, một đường dài có thể cong và một diện-tích với hai chiều cũng cong được, không-gian ba chiều cũng vậy. Trừu-tượng thì dễ dàng nhưng làm sao biểu-thị không-gian lối ấy ? Gauss không tiết lộ quan-niệm, cho là sự suy-nghĩ không được lành mạnh. Gauss biết trừu-tượng rất cao nhưng không quên thực-tế.

Gauss đã tìm ra số phức-tạp để dọn đường cho thứ đại-số cao hơn nữa. Số tạp gồm một số thường với một bội-số của đơn-vị ảo căn-số bậc hai của -1. Luận-án tiến-sĩ trình năm 1799 đưa ra những điều lạ ấy cùng với định-lý căn-bản của đại-số, đã nói trước kia, là một phương-trình có bao nhiêu nghiệm

số tùy theo bậc của phương-trình. Tiếp đến, khi khai-diễn những số tạp, Gauss đề nghị một lối nhìn khác về hình-học, và cũng như Descartes bày ra tọa-độ, Gauss bày ra vec-tơ để chỉ những đoạn đường biểu-thị cho sức, vận-tốc, gia-tốc v.v. ; vector thành một dụng-cụ quan trọng vật-lý-học. Phân-tích vector về hai chiều, năm 1819, Gauss bày ra một lớp số mới để chỉ sức, vận-tốc, gia-tốc v.v. hoạt-động trong nhiều chiều hơn, đó là số tối-phức-tạp (nombres hypercomplexes) ví dụ $a+bi+cj+dk$ trong đó khi nhân đơn-vị i, j, k với nhau, tích-số sẽ là -1 . Luật số-học đã bị phá quấy bởi thứ số lạ lùng ấy. Vì cũng một số tối-phức-tạp nhân với nhau lại có tích-số khác nhau, số tối-phức-tạp a nhân với số tối-phức-tạp b không phải luôn luôn bằng tích-số của số tối-phức-tạp b nhân với số tối-phức-tạp a ! Tìm ra một đại-số thích ứng với loại số ấy, các toán-gia phải bày ra luật mới về số-học. Và cứ theo đà ấy, nhiều thứ đại-số, với luật-lệ, ký-hiệu, phương-trình riêng phát triển mau chóng

Quan-niệm khác về vũ trụ

Cũng là một nhà thiên-văn, Gauss dùng toán-số giúp cho những nhà thiên-văn khác tìm ra hành-tinh nhỏ gọi là Cérés (cũng như Le Verrier về một mặt hơi khác đã có công tìm ra hành-tinh Neptune). Năm 1805 nhà thiên-văn Ý Piazzi tình cờ cho biết hiện-diện của một hành tinh nhỏ, thường hay biến mất đi nơi phía gần mặt trời. Những nhà thiên-văn không tính được vì quá khó, nhưng Gauss, với bảng lô-ga-rít đã thuộc lòng, chỉ trong vài tuần đã vạch ra cả quỹ-đạo lý-huyết của hành-tinh Cérés, và các nhà thiên-văn đã tìm ra hành-tinh này đúng lúc và đúng nơi Gauss cho biết.

Hai năm sau, Gauss làm giám-đốc sở Khâm-thiên ở Đại học Göttingen (Đức quốc) và cho đến khi chết được các toán gia Âu-châu trọng như bậc thầy mà mỗi lời nói về toán như thế là một lời tiên tri Gauss, với Riemann và Einstein là ba bậc trí thức đã đem lại cho nhân loại quan-niệm khác lạ về vũ-trụ. Nhưng trong giới toán-học và bác-học, Gauss được xem là một trong ba vĩ-nhân giỏi nhất và có công-trình nhiều nhất cho cả thế-giới từ cổ chí kim, hai bậc kia là Archimède và Newton.

Những ý Gauss có từ lúc thiếu-thời sau này mới có người tìm được và khai thác, như ý-niệm về không-gian cong, như hình-học phi-Euclide. Năm 1831, một bạn học, Farkas Bolyai, gửi thư cho Gauss xin ý-kiến về dự-định của người con là Janos muốn bỏ định-đề Euclide (về đường song song) và dựng lên một hình-học phi-Euclide, ngày nay được gọi là hình-học hyperbole. Gauss trả lời cho rằng Janos Bolyai có ý hay mà ý này chính Gauss đã suy nghĩ đến nhiều năm rồi, bây giờ có khen ngợi cũng như trở lại khen ngợi mình. Janos Bolyai thất vọng, và ít lâu sau đó, khi nghe toán-gia người Nga Nikolai Lobachevsky cũng đã có công-trình về hình-học phi-Euclide, Janos từ bỏ toán-học.

Người theo hình-học mới và đi xa hơn là một học-trò của Gauss ở đại-học Göttingen. Đó là Bernhard Riemann. Đề được tuyển dụng làm giáo-sư, Riemann trình ba đề-tài đề thuyết-trình. Theo thủ-tục, ban giáo-sư khảo-thí sẽ chọn một trong hai đề trên. Trong trường-hợp Riemann, chủ-khảo Gauss định cho Riemann thuyết-trình về đề thứ ba « các giả-thuyết làm nền tảng

hình-học ». Đó là một địa-hạt mới, đầy tranh-luận, đầy nguy-hiểm, và phải đi vào hình-học phi-Euclide. Nhưng Riemann, khi thuyết-trình, không dùng một giả-đồ nào, một công-thức nào, đã đưa ra một quan-niệm hoàn toàn mới về hình-học không-gian. Quan-niệm đã dựa vào ý của Gauss lúc thiếu-thời. Có lẽ không mấy người hiểu bài thuyết-trình của Riemann, từ một mình Gauss. Riemann đã vạch rõ thêm đường của thế-giới đến 4, 5, 6 chiều hay nhiều chiều hơn nữa. Thêm vào những công-trình toán-học lớn lao của mình, Gauss có thể ghi thêm một công-trình không kém phần quan trọng là giúp đỡ và phát-huy một trí óc xuất chúng nơi môn đệ Riemann.

Nửa thế-kỷ sau, nhà vật-lý Einstein dùng bao nhiêu ý trù-tượng của Gauss, Riemann trong Thuyết Tương-đối để miêu-tả vũ-trụ. Thế-giới của Einstein là một vũ-trụ cong với bốn chiều, thời-gian là chiều thứ tư, và hiện-hữu của vật-chất có ảnh-hưởng đến vòng cong của không gian. Kết-quả dễ thấy của những khái-niệm hay thuyết-lý trù-tượng và bí-hiểm mới an lòng được một số người thường muốn đập vỡ những « tháp ngà » hay « nhà kiếng » của các toán gia hay bác học. Với những ảnh-hưởng gây chuyển hay những nối-tiếp liên-tục hay ngẫu-nhiên, với sự trợ-lực quý-giá của kỹ thuật đã tiến-bộ song song với khoa-học, những phương-trình và đồ-thị ở bảng đen được chuyển thành những phát minh cụ-thể đem lại cho người ngoài đường có khi là sự khâm-phục, thường thường là sự ngạc-nhiên. Một nhà khoa-học thuần-túy như Einstein chắc hẳn không băn khoăn về hữu ích hay vô ích mà chỉ lo điều mình xây dựng trong

trừu-tượng có hợp lý, chính xác hay không. Việc áp-dụng, khai-thác, làm tiền nữa, hay đem phục-vụ cho Thận hay cho Ác, là bất cứ ai, không phải sự lo âu của ông trong khi ông đặt tâm-trí nơi thuyết Tương đối. Nếu xét một cách thiết-thực thì Einstein chỉ gần dân-chúng một cách rõ ràng là khi ông làm một thứ công-chức trung-cấp một nhân viên của Sở Ghi bằng phát-minh tại Berne ở Thụy-sĩ. Sở dĩ ông phải nhận công việc tầm-thường ấy là vì Einstein xin mãi mà không được một chân *privat-dozent*, giáo-sư ở đại-học tư-thực. Ông thiếu bằng cấp, chứng chỉ của thầy dạy cho ông có khả năng về toán, không được "thủ-tục" chấp nhận. Einstein đã nhắc lại những sự việc ấy không có chút gì chua chát trong tự-sự ông viết sau này (*Autobiographical Notes* trong bộ sách của Schilpp, *Albert Einstein : Philosopher-Scientist*, 1959). Nhưng năm 1905, khi phần thứ nhất của Thuyết Tương-đối được công bố, danh vọng của Einstein lan rộng khắp Âu-châu. Bảy năm sau, tuy không có bằng cấp, ông được nhận vào chức giáo-sư bảy lâu mong ước tại Đại-học Berne. Nhiều đại-học khác lại muốn được vinh dự ông đến dạy. Năm 1913, ông dạy ở Zurich, Năm ấy, từ Đức Max Planck qua Thụy-sĩ với mục đích duy nhất mời cho được Einstein trở về Bá-linh. Ông sẽ là giáo sư thực thụ mà chẳng phải có hồ sơ với đầy đủ bằng cấp và giấy tờ. Lương-bổng hậu. Ông chỉ dạy nếu Ông thích, bằng không Ông cứ lo việc nghiên cứu. Chỉ có đôi điểm làm cho Einstein lưỡng-lự. Đại-học Bá-linh tuy có những người khá như Hemholtz, Planck, vẫn là một trung-tâm văn hóa ngọt ngào khó thở. Chính Đức-quốc, quê-hương của ông, làm cho ông khi

còn trẻ, đã sung sướng mà xa lìa. Sau khi thảo-luận, Einstein không trả lời ngay cho Planck. Mãi sau ông mới nhận và không bao lâu thể-chiến thứ nhất bùng nổ. Einstein xem sự quyết-định của mình hồi ấy là một điều quái gở trong đời.

Thuyết Tương-đối, kết quả tổng-hợp của công-trình nhiều nhà bác-học, đã thay thế thuyết của Newton bây giờ thuộc về vật-lý-học cổ-diễn, đối với tân-vật-lý-học mà thuyết Einstein mở đường. Nhờ nó, thuyết về nguyên-tử được vững chắc, và ảnh-hưởng xa xôi, và bất ngờ, tuy dễ hiểu hơn, là những trái bom thả trên đất Nhật và kết liễu thể-chiến thứ hai. Thuyết gồm hai lý-thuyết xây dựng cách nhau khoảng mười năm : Tương-đối đặc-biệt hay đơn-giản năm 1905 và Tương-đối tổng-quát (1916). Cả hai dựa trên tiền-đề là tất cả đo lường khoa-học liên-hệ với bộ tiêu-chuẩn của người quan-sát, vì chẳng có một điểm cố-định nào trong vũ-trụ để cho nhà khoa-học khởi đo những khoảng-cách và miêu-tả một cách chính-xác điều gì xảy ra trong không-gian ở nơi nào và lúc nào. Thuyết đơn-giản viết lại những phương-trình cơ-học của Newton, để chỉnh-lý những miêu-tả không còn thích-ứng nữa về năng-lượng và đối-vật — những ngân-hà và mảnh nhỏ của nguyên-tử — chuyển-động theo tốc-độ gần bằng tốc-độ ánh-sáng. Phương-trình quá quen mà không phải dễ hiểu $E = mc^2$ (E = năng lượng, m = khối lượng, c = vận-tốc ánh-sáng) là một hệ luận của Thuyết Tương-đối đơn-giản. Thuyết tổng-quát theo đuổi đề-tài trên một cách chặt chẽ hơn nữa. Trong thuyết trước, Einstein đã xét lại những luật Newton để có thể áp dụng cho những

vật chuyển-động nhanh-chóng với vận tốc đều theo đường thẳng. Trong thuyết sau Einstein nói rộng các phương-trình để áp-dụng cho vật-thể chuyển-động với vận-tốc biến-đổi trên đường vòng. Các phương-trình ấy không những dùng cho mọi trường-hợp chuyển-động mà miêu tả được lối xử-thể của vũ-trụ của ta hay của mọi vũ-trụ đã qua, hiện nay, mai sau, có thể quan-niệm được! Năm

được mấy phương-trình — một số ký-hiệu khó khăn có giá-trị hiểu-biết tương đương với hằng pho sách triết — cũng lung lay trí-óc và làm cạn trí tưởng tượng. Điều đáng ghi nơi đây là Einstein đã đạt đến những kết-quả kỳ-diệu ấy chỉ nhờ chấp-nhận những ý-huyền-hoặc của Riemann về không-gian vòng.

(Còn tiếp)

CUNG-GIỮ-NGUYÊN

VIÊN THUỐC HỒNG
CÓ SINH-TỐ C

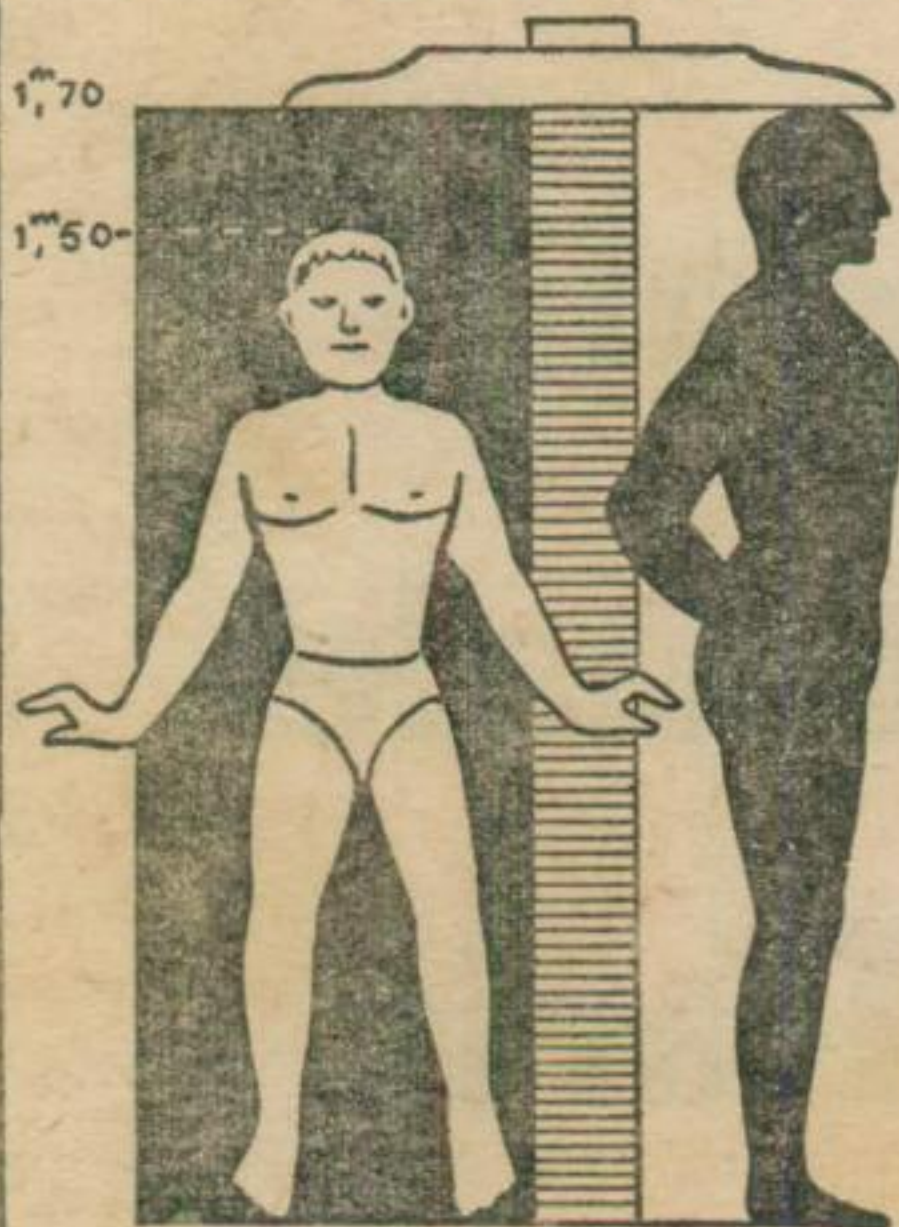
NeuroTonic

KH. 783/STT/QCĐP/16.4.4b

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C _ D _ PP _ B2 _ B6 _ B12



- CON NÍT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHỔI.
- MỆT MỎI .

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON _ VỪA BỔ.

S6 KN 78 MBYT/QCĐP

קניין

*A votre service
tous les services de la*

**banque
nationale
de Paris**



Người đã bị cực hình về bút và mực :

HONORE DE BALZAC

● NGUYỄN-HIỂN-LÊ

(Xin xem B K.T.Đ. từ số 310)

Mơ mộng rồi thất vọng

Ở Ý về số nợ của Balzac tăng thêm 53.000 quan, tổng cộng là 162 000 quan. Một chủ nợ, Duckett có ý muốn bỏ tù ông. Ông phải trốn chui trốn nhủi, một tình nhân của ông vì ghen tuông, tố cáo chỗ ẩn náu của ông. Nhân viên công lực tới bao vây nhà, một người bạn thân mặc dầu túng thiếu phải trả giùm cho ông một ngàn rưỡi quan để ông khỏi vô khám vì nợ.

Chính trong những lúc nguy như vậy, ông càng sáng tác được mạnh, và hay. Ông diễn được các ấn tượng của ông trong khi qua Ý, và truyện *Massimilla Doni* tả được nỗi buồn thắm thía mà nên thơ của giới quý phái Venise thời vàng son của thành Venise thời cổ, thời mà ánh đèn tỏa ra từ mọi các cửa sổ điện Memmi, cả trăm chiếc "gông-đôn" (1) cột ở dưới thềm các lầu đài, sóng vỗ bập bênh, và các nhà quý phái thanh nhã, diễm lệ chen chúc nhau trong các phòng tiệc lộng lẫy du dương tiếng nhạc và tiếng hát của trạc phu từ mặt nước đưa lên.

Vừa thoát được cảnh bị bắt giam, ông tính lần này trốn ra ngoại ô Paris, mua một căn nhà lá không xa đô thị lắm để lúc nào cần tiêu khiển có thể về Paris mà không tốn thì giờ. Tiền đâu? Điều đó ông không hề nghĩ tới. Hễ muốn là làm liền. Ông coi đời sống như một tiểu thuyết, cứ tưởng tượng rồi sẽ dựng được truyện. Và ông tưởng tượng một công việc làm ăn rất phát đạt: ông sẽ cho in toàn thể tác phẩm của ông: những độc giả ngưỡng mộ ông — số đó nhiều lắm — tất sẽ đặt tiền mua trước nếu ông đề giá rẻ họ họ. Thế là thu trước được một số tiền bộn bộn rồi. Rồi ông sẽ viết hai ba vở hài kịch, có thể là bốn, năm vở nữa. Mà viết kịch thì mau làm giàu lắm. Lại còn gia sản của bà "quả phụ" Hanska nữa chứ, vì ông tin chắc rằng ông chồng suy nhược như vậy chẳng bao lâu sẽ từ bỏ cõi trần mà bà sẽ sống trên núi vàng.

Như vậy đủ đảm bảo quá rồi. Ông bèn kiếm một khu đất ở làng Ville-d'Avray,

(1) Thuyền nhỏ (gondole), nhẹ, mà rất đẹp đặc biệt của tỉnh Venise, một tỉnh xây cất trên nước, ở bờ biển.

trên đường đi Versailles, và mới đầu ông tính dựng một căn nhà lá thôi, thì bây giờ ông bảo kiến trúc sư cất cho ông một biệt thự tốn 40 000 quan. Ông đưa trước cho nhà thầu 1.500 quan và công việc bắt đầu.

Tại biệt thự đó ông viết truyện *César Birotteau* và *La Maison Nucingen*.

César Birotteau cũng là một tác phẩm nổi danh. Ông châm biếm những tham vọng của giai cấp «huốc gioa» (bourgeois) thời đó. Birotteau nhờ làm nghề chế tạo dầu thơm mà thành đại phú, như vậy chưa mãn nguyện, còn muốn mua chút vinh dự nữa, cho có đủ cả phú lẫn quý, rồi cuộc thành con bò vắt sữa cho bọn xảo quyệt. Tác phẩm đầy những chi tiết nhiều khi nhằm về mách khéo buôn bán, đầu cơ trục lợi, nhưng có nhiều đoạn miêu tả nhân vật và phong tục một cách sắc sảo.

Ông cũng bán non tác phẩm đó và để viết cho kịp hạn ông phải ngâm chân vào nước hột cải cho máu khỏi dồn lên đầu. Tóc bạc nhiều Ông thấy kiệt sức, lại phàn nàn với Zulma Carraud.

«Chỉ còn một phương thuốc bá ứng là chết, và anh không sợ chết».

Bác sĩ khuyên ông nghỉ ngơi ít tháng vì phổi ông đau, nghe có tiếng khừ khừ rồi. Nghỉ? Ai mà chẳng biết toa thuốc đó. Nhưng làm sao nghỉ được? Phải viết cho xong *César Birotteau* đã chứ, mà xong *César Birotteau* lại còn *La Maison Nucingen* nữa.

«Tôi đã tới lúc không còn tiếc đời nữa, hy vọng thì xa lắc xa lơ; mà chịu cực khổ cũng không tìm được sự yên tĩnh. Nếu được làm việc có điều độ thì tôi không phàn nàn gì cả; nhưng tôi có nhiều nỗi buồn rầu và nhiều kẻ thù quá».

40 ngày và đêm viết xong năm tập truyện

Viết xong *César Birotteau*, ông ra đảo Sardaigne ở Địa Trung Hải để xin khản một mỏ bạc vì lần trước đi Milan, Venise, có người giới thiệu cho ông mỏ đó. Chuyến đi này cực kì khó nhọc: toàn đường mòn trong rừng «sên» không có xe, phải đi ngựa, cũng không có quán trọ, không có thức ăn. Tới Argentiera thì hay một công ti ở Marseille đã xin được phép khai mỏ rồi, công ti đó sau phát đạt.

Nhưng cuộc hành trình không phải là vô ích vì trước khi ra Sardaigne, ông ghé thăm nữ sĩ George Sand ở Nohant, được bà kể cho nghe tình sử của nhạc sĩ Franz Liszt và Marie d'Agoult mà bà không thể viết được. Tuyện tình đó, sau ông chép lại trong tiểu thuyết *Les Galériens de l'amour*.

Về Paris ông hay tin tình nhân của ông, nữ sĩ D'Abrantès chết trong cảnh nghèo nàn. Bà nhờ Balzac hướng dẫn, viết được vài cuốn trung bình, seu thất bạn. Hồi bà còn khá, các văn sĩ như Hugo, Broglie, Noailles, Théophile Gautier thường tụ họp nhà bà. Tới khi tác phẩm bán không được, túng thiếu, bà phải dọn lại một căn phòng nhỏ xiu, sau cùng chết trong một nhà thương thí. Hugo, Chateaubriand, Dumas, Bà Récamier đi đưa đám, mỗn dựng cho bà một mộ bi, nhưng chính phủ không chịu giúp đỡ.

Biệt thự ở Ville-d'Avray cất xong, ngoài có một tấm bảng bằng cẩm thạch đen với hai chữ vàng *Les Jardies*. Phí tổn không phải là 40.000 quan như đã dự tính, mà tới 100.000 quan! Vì đất đồi dốc quá, ông phải san phẳng thành

từng lớp, xây tường ngăn cho nước mưa khỏi xối mà trồng trọt được. Ông tính cắt một nhà kiếng ủ cây để trồng trăm nghìn gốc khóm. Mỗi trái khóm thời đó ở Paris bán được 20 quan (hai ngàn bạc Việt Nam hiện nay), ông sẽ bán rẻ 5 quan thôi, cũng được 500 000 quan mỗi năm, trừ phí tổn đi còn lời được 400.000 quan "mà khỏi phải viết lách gì cả". Khỏe ru !

Cuộc làm ăn đó cũng hóa ra mộng nữa — suốt đời ông chỉ ôm ảo tưởng — và ông đành trở về ba dự định cũ : Viết truyện và kịch, in toàn thể tác phẩm và đợi cho bà Hanska thành quả phụ.

Viết thì ông viết rất hăng : Kiếm một người cộng tác, Charles Lasailly đọc cho chàng ta chép những đoạn phác các tình tiết trong truyện *L'Ecole des Ménages*. Nhưng ai mà làm việc theo nhịp điệu của ông được. Mới vài ngày đầu Lasailly đã hoảng hồn, chạy trốn. Một giờ khuya bắt chàng thức dậy, ngồi chép lia lịa tới bảy giờ sáng, uống xong tách cà phê rồi lại chép nữa. Hạng thường nhân đâu có thể sống chung với siêu nhân được. Có lần trong 40 ngày và đêm, ông viết xong năm tập truyện !

Ông kiếm người cộng tác khác, Laurent Jan, nhưng chàng này chẳng giúp ông được gì, vẽ được ít tấm hình cho tác phẩm của ông còn thì nói giỡn cho vui. Được một đức là trung thành, nên ông không nỡ đuổi.

Sau *L'Ecole des Ménages*, ông viết *Le Curé de village* để trình bày những tư tưởng về chính trị của ông cũng như truyện *Le Médecin de Campagne*, rồi tới kịch *Vautrin*,

Kịch thất bại vì ông không có tài soạn kịch. Mới diễn được một lần thì

bị cấm ! Nhà cầm quyền cho là thương luân bại lý và động chạm tới nhà vua.

Sau vụ đó, các chủ nợ lại càng réo, Balzac phải bán *Les Jardies* để trả nợ. Ông dùng một mảnh khoé gian xảo : cho đấu giá, và nhờ một người bạn kiến trúc sư đứng ra mua với giá 17 550 quan (nhà và vườn đã tốn cho ông 100 000 quan) ; số tiền đó chia cho các chủ nợ ; vì thông lưng với kiến trúc sư, ông vẫn còn được làm chủ nhà, tuy không ở đó nữa.

Lần này ông trốn rất kỹ : mượn một căn nhà ở một nơi hẻo lánh, trên sườn một ngọn đồi lỏm chỏm tại Passy cũng gần Paris. Có một cầu thang khuất đưa lên phòng ông. Lại có hai cổng. Thừa phát-lại tới cổng trước thì ông lên ra cổng sau. Bạn bè cũng phải thuộc mật khẩu mới được vô. Tóm lại ông như con thỏ ở trong hang vậy.

Chủ nhà là thím Louise Breugnot, kém ông năm tuổi, gốc gác nông dân nhưng hoạt động, lanh lẹ, chuyên làm nghề quản gia cho các văn sĩ độc thân; bề ngoài là quản gia nhưng bề trong chắc còn cái gì hơn vậy nữa.

Balzac đã chán các bà quý phái rắc rối không bình dị nên an phận với thím ta, lại phong tước cho thím nữa, gọi thím là bà De Breugnot.

Thím giúp cho ông được nhiều; trông nom mọi việc nội trợ, lại lo việc ngoại giao với các nhà xuất bản, nhà in, tòa báo vì thím thông thạo các loại hợp đồng của nhà văn. Thím rất tận tụy với ông, được ông dắt đi du lịch, hứa hẹn đủ thứ, thím tưởng rằng mình là tình nhân của danh sĩ Balzac, hãnh diện lắm, có biết đâu ông vẫn còn ước ao được làm chồng «quả phụ» Hanska

**Cúi đầu chào tôi đi
tôi sắp thành
một thiên tài đây**

Năm 1841, vận của Balzac có vẻ lên.

Đầu năm ông ký với một nhóm nhà sách (Dubocher, Furne, Hetzel và Paulin) một hợp đồng đề xuất bản toàn thể tác phẩm của ông, mà ông đặt cho nhan đề *La Comédie humaine* (Hài kịch nhân loại). Cuối năm, ông Hanski mất. Như vậy là những mộng của ông sắp thực hiện được.

Từ năm 1833, ông đã có một dự định vĩ đại. Một hôm ông lại nhà em gái và em rể (ông bà Surville) bảo họ: «Cô và dượng phải cúi đầu chào tôi đi, tôi sắp thành một thiên tài đây» và ông trình bày kế hoạch của ông cho họ nghe: từ trước, các tiểu thuyết của ông có tính cách rời rạc, bây giờ ông tính gom cả lại, bổ túc thêm xây lại thành một tòa văn chương.

Năm sau ông khoe với bà Hanska rằng tòa văn chương vĩ đại đó sẽ gồm ba phần:

— phần *Nghiên cứu phong tục* gồm những tiểu thuyết tả lòng con người, tính tình, lối sống từ tuổi trẻ tới tuổi già...

— phần *Nghiên cứu triết lý* gồm những tiểu thuyết giảng tại sao con người lại có những tình cảm như vậy.

Vậy phần trên là hậu quả thì phần này là nguyên nhân.

— sau cùng là phần *Phân tích* để tìm ra các qui tắc; như trong cuốn *Physiologie du Mariage* (sinh lý của hôn nhân).

Ông tính sẽ viết 24 cuốn trong phần đầu, 15 cuốn cho phần nhì và 9 cuốn cho phần ba. Dĩ nhiên những truyện

ông đã viết từ trước, có thể cho vào trong bộ đó sau khi sửa lại chút ít, thay đổi vài cái tên vài ngày tháng. Ông sẽ viết thêm nhiều truyện nữa cho đủ bộ, và đây là sáng kiến của ông: một số nhân vật đã hoạt động trong các tiểu thuyết trước sẽ xuất hiện lại trong các tiểu thuyết sau, như các bác sĩ Bianchon, Desplein, các cảnh sát Corentin, Peyrade, các nhà lý tài Nucingen, Keller; các người cho vay nặng lãi Gobseck, Palma vân vân... Như vậy toàn thể tác phẩm của ông sẽ là một bức bích họa vĩ đại tả mọi giới trong hai thế hệ. Năm 1834 ông áp dụng ngay ý đó và cho một số nhân vật cũ xuất hiện trở lại trong truyện *Le Père Goriot*.

Bây giờ (1841) ông mới tìm được nhan đề *La Comédie humaine* cho toàn bộ, nhờ nghĩ tới tác phẩm bất hủ *La Divine Comédie* (Hài kịch thần thánh) của Dante. Ông đã viết được nhiều cuốn trong các mục *Scènes de la vie privée* (cảnh đời tư) *Scènes de la vie parisienne* (cảnh đời sống ở Paris), *Scènes de la vie de province* (cảnh đời sống ở tỉnh), *Etudes de mœurs* *Etudes philosophiques* và một cuốn *Physiologie du mariage* trong mục *Etudes analytiques*.

Ông viết lời mở đầu cho toàn bộ bảo rằng ông có dự tính lớn lao đó từ khi đọc công trình nghiên cứu của nhà sinh vật học Geoffroy Saint Hilaire (1772-1844) mà nẩy ra ý này: trong xã hội có đủ các hạng người cũng như trong thiên nhiên có đủ các loài vật; một nhà tư bản, một người thợ, một quân nhân, một nhà lý tài, một thi sĩ có những bản tính khác nhau cũng như một con sư tử, một con lừa, một con chồn, một con cừu...

Nhưng *Hài kịch nhân loại* phức tạp

hơn nhiều. Trước hết, trong loài vật, con đực và con cái bao giờ cũng cùng giống: sư tử đực sống với sư tử cái, bò đực sống với bò cái; còn trong loài người, người chồng có thể là còp, người vợ có thể là cừu, hoặc người vợ có thể là sư tử mà người chồng có thể là con lừa, con trâu. Lại thêm, loài vật không thay đổi nhiều: một con còp suốt đời là còp, sinh con đẻ cái, cả vạn năm sau cũng vẫn là giống còp. Con người khác hẳn: một văn sĩ có thể thành một chính khách, một nhà lý tài; một con buôn có thể thành một nghị sĩ quốc hội, hoặc một người thợ, một quan nhân; mà một người cha giáo viên có thể có năm sáu người con, mỗi người ở trong một giới. Sau cùng, nhờ bàn tay và bộ óc loài người tạo được những dụng cụ làm thay đổi đời sống, thay đổi nền văn minh do đó tính tình, tập quán cũng thay đổi.

Balzac có tham vọng nghiên cứu, phân tích hết các hạng người trong thời đại của ông. Ông tạo được hai ba ngàn nhân vật, cho họ tác động lẫn tới nhau, yêu nhau, ghét nhau, hãm hại nhau, giúp đỡ nhau, gặp nhau, xa nhau...; thôi thì đủ cả: quí phái, « bước gioa », công chức, quân nhân, con buôn, nhà báo, chính khách, luật sư, chưởng khế, bồi bếp, đào kép..., tới nỗi Engels phải phục rằng đọc tiểu thuyết của Balzac học được nhiều hơn là đọc tác phẩm của các sử gia, kinh tế gia, thống kê gia chuyên môn. Sự thực chương trình của Balzac vĩ đại quá, ông không đủ thì giờ thực hiện hết được, và ông chỉ tả tâm lý, phong tục của hai giai cấp: quí phái, « bước gioa » là kỹ nhất, còn giai cấp thợ thuyền và nông dân, ông chưa phân tích được nhiều.

Cảnh trong truyện ông tả cũng rất đúng. Ông biết rõ các khu ở Paris, chỗ nào ông cũng len lỏi tới: phòng khách của các bá tước, hầu tước phu nhân, quán ăn các sinh viên, hậu trường các hi viện, phòng riêng của các kỹ nữ, tiệm thợ may, tiệm bán đồ cổ, phòng vẽ của một họa sĩ... Ở tỉnh nào, ông cũng ghi chép phong cảnh, các lâu đài, giáo đường, nhất là không khí trong miền, tâm trạng các giai cấp chống đối nhau trong các biến cố từ 1789 tới 1830.

Cũng như đa số các đại tiểu thuyết gia khác, chẳng hạn Tolstoi, Victor Hugo... ông thường xen vào tiểu thuyết nhiều đoạn bàn về chính trị, tôn giáo... thành thử có vẻ nặng nề, nhưng chính những tư tưởng đó làm cho toàn thể có tính cách lớn lao. Xét chung thì chủ trương của ông là đề cao sức mạnh của ý chí khi nó tập trung vào một mục tiêu duy nhất. Cho nên về chính trị ông muốn có một chính thể mạnh, có thể độc tài miễn là đắc lực, sáng suốt, đưa dân tộc tới đường vinh quang. Ông ngưỡng mộ Napoléon và bất bình rằng nước Pháp đã làm « một cuộc cách mạng lớn lao mà để cho rơi vào tay vài con người quá tầm thường ».

Về tôn giáo, ông muốn trở về sự thần bí của Ki-tô-giáo hồi nguyên thủy. Nhưng ông không khinh vật chất, nhận rằng sinh lý ảnh hưởng tới tâm hồn; tinh thần và vật chất cùng tác động tới nhau, không thể tách rời ra được.

Do đó, về ái tình và hôn nhân, ông mong có một trái tim và một lâu đài chứ một nhà lá với một trái tim thì không đủ.

Như vậy, dĩ nhiên ông đề cao kim tiền. Một phần do ảnh hưởng của gia

đình: thân mẫu ông thường bảo « có nhiều tiền, thật nhiều tiền là có tất cả »; thân phụ ông suốt đời chỉ nhằm mỗi một mục đích thành công về của cải và địa vị, em gái và em rể ông, ông bà Surville, cũng vậy, bỏ số lương kỹ sư mà ra kinh doanh để mau làm giàu, nhưng thất bại. Một phần nữa do ảnh hưởng của thời đại: nhờ cách mạng kỹ thuật giới đại tư bản bắt đầu lên, các công ty thành lập và phát triển mạnh. Xã hội châu Âu bị kim tiền chi huy, ông không cưỡng lại nổi phong trào.

Tóm lại nhân sinh quan của ông chẳng có gì là cao, chỉ là thực tế thôi, đôi khi trắng trợn nữa. Ông cho một nhân vật, Vautrin, thốt câu này: « Có hai thứ sử: sử chính thức, gồm toàn những lời sai ngoa, đem những tình cảm cao thượng để giảng các hành động, và bí sử trong đó cứu cánh biện hộ cho phương tiện, chỉ có thứ sử này mới đúng sự thực. Xét chung thì con người theo thuyết vận mệnh, họ thích các đại sự, họ đứng về phe kẻ thắng. Vậy bạn cứ thành công đi, rồi người ta sẽ cho hành động của bạn là phải. Hành động của bạn tự nó không có giá trị, ý nghĩa gì cả; người khác cho nó một giá trị, một ý nghĩa ra sao thì nó thành ra như vậy. Cứ có một bề ngoài cho đẹp đẽ, giấu cái mặt trái của đời bạn đi mà đưa ra cái phần nào hào nhoáng ấy. Cái gì cũng ở trong hình thức cả. »

Vậy ta chỉ nên nghe bài học của ông về nghị lực thôi. Chưa nhà văn nào có nghị lực kinh dị như ông: có hồi sửa ấn cảo mười lăm mười sáu lần, viết mười tám giờ một ngày! Còn về mục tiêu của đời sống thì chúng ta có thể nghĩ khác ông được.

Ông là một con người siêu việt, đam

mê phi thường nên những nhân vật chính của ông cũng có những nét như ông, sống một cách mãnh liệt, khác hẳn hạng người trung bình; quá khích trong hành động, thờ con Bò vàng thì như Gobseck, ham danh vọng thì như César Birotteau, cung con thì như Goriot.

Những nét ông tả họ đậm quá nhưng vẫn giống sự thực. Ông bảo « nghệ thuật là cô động thiên nhiên lại ». Ông mượn ba bốn cá tính chung quanh ông để tạo cá tính nhân vật; rồi ông sửa đổi cá tính đó cho hợp với truyện; sau cùng tô đậm, « bóp méo » để nhân vật « hóa thân » đi, mà thể hiện được một ý của ông là đam mê, tới mức hóa ra tàn nhẫn hoặc nhu nhược. Vì vậy mà nhiều chỗ văn ông khoa trương, phóng đại tới lỗi bịch (Vitor Hđgo cũng có tật đó), nhưng xét toàn thể tác phẩm *Hài kịch nhân loại* chứ đừng xét từng tiểu tiết, từng truyện một, thì ai cũng phải nhận rằng sức tưởng tượng sáng tạo của ông thực vĩ đại.

Từ 1831, ông viết tiếp được hết các bộ *Splendeurs et misères des courtisanes* (Cuộc đời vàng son và cùng khổ của các kỹ nữ) *Illusions perdues* (Những ảo tưởng đã mất) và mười truyện khác. Còn 53 truyện nữa ông mới chỉ định được nhan đề, ghi được sơ lược nội dung chứ chưa kịp viết, như *Les héritiers Boisrouge*, *Les Grands*, *L' Hôpital et le Peuple*, *Entre Savants*, *Le Théâtre comme il est*, *L'Anatomie des corps enseignants...* Nếu ông sống được bảy chục tuổi mà thực hiện xong chương trình đó thì ông thực đáng là một đấng Tạo hóa trong văn học.

Sở nguyện gần đạt được

Mấy năm 1838-1841, bà Hanska thừa

viết thư cho Balzac có lẽ ngại ông chồng ghen. Balzac lo lắng, đi coi bói, và thầy bói bảo chỉ trong sáu tuần sẽ nhận được một bức thư làm thay đổi cả đời sống của ông.

Bọn thầy bói không phải luôn luôn đoán bậy. Ngay mừng năm tháng giêng năm 1842, Balzac nhận được một bức thư viết đen gửi từ Ukraine cho hay ông Wenceslas Hanksi mất tháng 11 năm trước. Balzac mừng rơn nhưng trong thư chia buồn với quả phụ, vẫn giữ được giọng trang nhã kín đáo :

« Mặc dầu biến cố đó làm cho tôi đạt được sở nguyện tha thiết của tôi non mười năm nay, nhưng có bà và Thượng Đế chứng giám, tôi có thể tự hào rằng lòng tôi luôn luôn hoàn toàn phục tùng ý chí Thượng Đế, và cả trong những lúc đau khổ nhất, tâm hồn tôi không bao giờ bị những ước vọng xấu xa làm cho dơ bẩn. Có những lúc bất giác xúc động, không sao ngăn cản được. Tôi thường nói : « Sống với nàng thì đời mình sẽ nhẹ nhàng biết bao ! » Không có hy vọng thì người ta không thể giữ đức tin, tấm lòng, cả cái bản chất thâm kín của mình được... Nhưng tôi hiểu nỗi buồn của bà... »

Có điều ông không ngờ là quả phụ đó thành thực tiếc ông chồng già đã che chở mình, hiểu mình và ân cần với mình đó. Ông ta đã làm di chúc để cho bà trọn quyền hưởng gia tài tới suốt đời. Gia đình bên chồng phản đối, cho như vậy là không hợp lệ; vụ đó đưa lên Nga Hoàng quyết định. Bà lại còn sợ nếu gia đình bên chồng nắm được những chứng cứ về mối tình của bà với Balzac thì sẽ không cho bà giữ cô Anna, người con duy nhất của bà nữa :

Vì vậy bà rất thận trọng, lãnh đạm trả lời Balzac : « Ông được tự do. » Như vậy là đoạn tuyệt rồi ư ? Cái mộng mười năm nay tưởng sắp thực hiện được thì tan rã ư ?

Balzac liền viết cho bà những bức thư tình đẹp đẽ, cảm động, thành thực nhất, khuyên bà đi Fetersbourg để theo dõi vụ kiện, và lần lần những bức thư của bà thân mật hơn. Nhờ vậy ông hăng hái viết kịch *Le Ressources de Quirola* (thất bại nữa) và vài truyện cho bộ *Splendeurs et Misères des Courisanes*, *David Séchard*...

Ông mơ mộng về tương lai : hai ông bà giữ biệt thự Les Jardies, mua một căn nhà nữa ở Paris, mỗi năm có 24.000 quan lợi tức thêm 15.000 quan của Hàn Lâm viện, mỗi ngày viết sáu giờ thôi, kiếm thêm được 20.000 quan nữa.

Năm sau ông qua Pétersbourg thăm bà Hanksi, bà thắng trong vụ kiện. Trở về Paris ông đau, mà vẫn không nghỉ, suốt ngày hết sửa ấn cáo bộ *La Comédie humaine* lại viết nốt tập *Illusions perdues*. Ông vận động đề ứng cử vào Hàn Lâm Viện. Victor Hugo, Charles Nodier, Dupaty... bên vực ông, nhưng Hàn Lâm Viện là « viện của bọn nhà giàu, có thể bầu một tên ăn cắp mà khéo xoay xở để khỏi ngồi khám và có một sản nghiệp vĩ đại, còn đối với một thiên tài mà nghèo thì viện gạt ra không thương xót chút gì cả ». Được Charles Nodier trả lời như vậy, Balzac có một thái độ rất đáng hoàng, rút đơn ra liền :

Lúc này sức ông bắt đầu suy, thường phàn với bạn :

« Tôi phải sáng tác, sáng tác hoài ! Chính Thượng Đế kia mà cũng chỉ sáng tạo có sáu ngày thôi. »

Tôi đã thành cái máy tạo câu, cơ hồ cơ thể tôi bằng sắt».

«Sống bằng cây viết, thật là điên khùng, ghê gớm quá». Tiểu thuyết của Dumas và Eugène Sue đương lên, tranh mất một số độc giả của ông, ông lại càng chưa thể nghỉ được, rần viết cho xong bộ tiểu thuyết tràng giang *Splendeurs et misères des courtisanes*.

Trọn năm 1845, ông đi du lịch với mẹ con bà Hanska ở Dresde, rồi đưa họ qua Pháp, đi thăm các miền Touraine, Marseille, Naples, nên chỉ viết được mỗi uốn *Un homme d'affaires*.

Năm sau họ lại cùng nhau đi du lịch Ý, Thụy sĩ, Đ. c. Bà Hanska có mang, nhưng đứa con hoang của họ không nuôi được.

Năm 1847, bà Hanska sắp gả được con gái nghĩa là sắp được t. do, Balzac tính lập tổ uyên ương để sống chung với bà. Ông mua ngôi nhà ở đường Fortunée, vùng tiền ra xây cất lại, sắm những đồ cổ không có giá trị đem về bày chật nhà rồi qua Francfort đón bà về ở. Mới vào nhà bà đã nổi dóa. Ở xa ông, đọc văn của ông thì bà quý ông được, từ khi biết rõ ông hơn, bà ngán ngẫm; con người đó quê mùa, thiếu giám thức, thiếu cả lương thức, tiêu tiền một cách vô lối. Vì vậy ở ít lâu, bà lại về Ukraine.

Tháng chín, Balzac phải qua Ukraine kiếm bà, đề nghị làm hôn lễ, bà không chịu.

Năm đó là năm cuối cùng ông còn sáng tác được mạnh, sau truyện *La Cousine Bette* tới *Le Cousin Pons*, *Le Député d'Arcis*.

Tháng hai năm sau ông về Paris thì Cách mạng 1848 nổ. Từ đây bắt đầu những ngày tàn của ông.

Giường cưới là Giường ông tắt

Tháng hai năm 1848 cả nước Pháp sùng sục lên đả đảo nội các Guizot quá bảo thủ chỉ bên vực phe tư bản mà đàn áp thợ huyên Thiers bảo nội các như một con thuyền bị nước vô, mỗi phút một chìm xuống. Ngay Vệ quốc quân cũng đứng về phe dân chúng hô hào cải cách.

Balzac từ hồi làm chủ nhiệm tờ *Chronique de Paris* đã mặt sát Guizot. Ông mong một chánh quyền mạnh hơn, có tài năng hơn. Nhưng lần này Louis Philippe bị hạ bệ, ông không mừng mà còn ngại sẽ có nhiều cuộc xáo động trong nước. Nhất là khi hay tin một chính phủ Cộng Hòa sắp thành lập ông càng sợ không lập lại được trật tự, sẽ có cướp bóc tàn phá đói kém.

Tuy nhiên khi bầu Quốc Hội, ông cũng ra ứng cử ở Paris, chỉ được có hai mươi phiếu! (Lamartine được 259 800 phiếu) vì ông đưa ra một chính sách chuên chế, mạnh mẽ, mà dân chúng không ưa.

Trong thời cách mạng, người ta hội họp, hoan hô, đả đảo, diễn thuyết, xung đường chứ ai mà đọc tiểu thuyết và coi diễn kịch. Tiền bạc thiếu thốn, vật giá leo thang, ông chán nản, muốn trở qua Ukraine nữa. Nhưng ít nhất phải xoay được lộ phí đã.

Ông rần viết cho xong kịch *La Matrière* mặc dầu mắt ông đau, coi một mà thành hai (có lẽ do dây thần kinh ở mắt có tật). Ông hy vọng sẽ thu được năm, sáu trăm ngàn quan, nếu không thì nguy. Kịch được đem diễn. Các nhà phê bình như Théophile Gautier, Jules Janin khen là hay, «tự nhiên mà

có nghệ thuật, duyên dáng mà mạnh mẽ. Lần đầu tiên ông thành công về kịch, nhưng lại không gặp thời dân chúng tán cư rất đông Paris vắng hoe, ngày thường có mười ngàn chiếc xe ở Champs Elysées thì bảy giờ chỉ có năm chục chiếc. Đêm tối ít ai dám ra khỏi cửa. Kịch chỉ diễn được mỗi một lần. Và ông chỉ thu được có năm trăm quan. Ông hy vọng khi trả tự vẫn hồi sẽ diễn lại. Và ông dự tính viết bốn, năm kịch khác: *Les Petits Bourgeois*, *Mercadet Orgon...* sẽ đưa *La Comédie humaine* lên sân khấu. Ừ, tại sao không? Như vậy mới thật đúng với nhan đề chứ.

Trong khi chờ đợi, ông vận động với Lamartine ở tòa đại sứ Nga, xin được phép qua Ukraine nữa và lần này ông ở bên cạnh bà Hanska, tại Wierzchownia từ cuối năm 1848 tới đầu năm 1850.

Ông dẫn bạn thân tiếp xúc với các cụ Hàn để ông được bầu vào Hàn Lâm Viện thay chân Chateaubriand mất tháng bảy năm 1848. Vitor Hugo tận lực giúp ông nhưng tới khi bầu, công tước de Noailles được 25 phiếu, Balzac chỉ được hai! Tám ngày sau lại có một ghế trống nữa ở viện, ghế của Vatout. Balzac lại vẫn được có hai phiếu của Hugo và Vigny, thua bá tước De Saint Priest, một vị bất tử mà ngày nay chẳng ai còn nhắc nhở tới nữa. Laurent Jain báo tin đó cho Balzac, bảo, «Hình như các ông bá tước tồi lại là những ông Hàn tốt».

Balzac thúc bà Hanska làm lễ cưới Bà phải xin phép Nga Hoàng. Tháng chín 1849, Balzac đau tim nặng, không đi được nữa, hơi cử động là muốn nghẹt thở. Bà Hanska và con gái, cả chàng rể nữa tận tâm săn sóc ông. Bệnh tim chưa hết thì tới bệnh phổi. Ông nằm liệt giường hai mươi ngày.

Sau cùng, tháng ba năm 1850, Nga Hoàng cho phép bà Hanska tái giá; ngày 14. họ làm lễ cưới ở giáo đường Sainte-Barbe de Berditcheff. Mười giờ tối họ mới về tới nhà: Chú rể 51 tuổi đau tim và phổi, muốn nghẹt thở; cô dâu 50 tuổi bị bệnh phong, nhức nhối, tay chân sưng vù không còn cử động được nữa, ngày nào cũng phải theo lời bác sĩ thọc chân vào trong bụng đã phanh ra của một con heo sữa mà cũng không bớt.

Ta phải nhận rằng Eveline (tức bà Hanska) không đồng tâm với Balzac bằng De Berny, từ khi thành quả phụ (1842) đã mấy lần do dự không muốn kết hợp đời mình với đời của Balzac vì thấy tính tình ông kì cục; nhưng lần này, bà tỏ ra rất can đảm, có lòng hy sinh cao; bà biết bệnh của ông khó mà hết được, cưới rồi bà cũng đóng cái vai khán hộ rồi lại sẽ thành quả phụ nữa thôi, mà bà vẫn tỏ ra vui vẻ. Vui nhất là Balzac: sau mười sáu năm chờ đợi bây giờ mới thực hiện được cái mộng cưới một người vợ quý phái, giàu có «người duy nhất mà ông đã yêu, và sẽ yêu mỗi ngày một hơn lên cho tới khi chết», như ông nói. Chính ông cũng biết rằng giường cưới của ông sẽ là giường ông tắt thở. Nên ông nóng về Pháp để được chết tại nhà.

Một tòa lâu đài xây trên nền hoa cương

Một buổi tối tháng năm một chiếc xe ngừng lại ở ngôi nhà Fortunée: một ông già muốn hết hơi, hồn hể, sờ soạn bước xuống xe, vì mắt gần như đui; phía sau là một người đàn bà còn khá đẹp. Trong nhà đèn sáng chực và đầy hoa nhưng kéo chuông mấy lần mà không ai ra mở cửa. Ý như một ác mộng! Người đánh xe phải chạy đi kiếm một

người thợ khóa lại mở cửa. Thì ra người đầy tớ coi nhà, Francois Munch, thình lình hóa điên, phá phách lung tung rồi chặn kỹ cửa lại. Hai ông bà mỗi người vào một phòng riêng để nghỉ! "Miếng da lừa" của của Balzac đã thu lại, chỉ còn bằng đầu ngón tay!

Đau tim, đau phổi, đau bao tử, mắt lòa, lại thêm chân bị chứng hoại thư sưng vù lên, thối thối ra, chảy nước tanh hôi tới buồn mửa.

Bà can đảm tận tâm săn sóc chồng. Nghị lực của bà thật mạnh. Ông muốn viết thư thăm ai thì đọc cho bà chép rồi ông ký tên ở dưới. Bệnh có lúc tưởng như giảm, nhưng bác sĩ cho rằng không sao qua khỏi được, có ngày để một trăm con đĩa trên bụng ông cho chúng hút bớt máu.

Hugo lại thăm, ái ngại cho ông bà, thấy bà sau ba tháng thức đêm, dạc người đi.

Giữa đêm, ngày 18 tháng tám ông tắt nghỉ.

Ngày 21 trước huyệt ở nghĩa địa Pere Lachaise, Hugo đọc diếu văn:

"Ông De Balzac là một người đứng đầu trong số những người vĩ đại nhất, một người đứng cao nhất trong số những

người tốt nhất.. Tất cả các sách của ông hợp thành một cuốn duy nhất, một cuốn linh động, chói lọi sâu sắc, tả tất cả nền văn minh hiện đại của chúng ta, một cuốn sách kỳ diệu mà thi sĩ đặt cho nhan đề là *Hài kịch*, và cũng có thể gọi là *Sử ký* được (...)

Đó sự nghiệp ông để lại cho chúng ta đó, sự nghiệp cao đẹp và vững chắc, một lâu đài xây trên những lớp hoa cương; từ nay danh ông sẽ chói lọi trên đỉnh lâu đài đó..."

Sau Hugo tới Baudelaire, Dosziewicz, Browning, Proust, Alain, Maurois, Somerset Maugham.... và bây giờ thì cả thế giới đều nhận rằng Balzac là người đứng đầu trong số các tiểu thuyết gia của nhân loại.

Một hành động đẹp nữa của bà Balzac là nhận lãnh gia sản của chồng, mặt dầu ba bết rằng nó không đủ để trả nợ cho ông Bà không trở về Ukraine, ở lại Pháp trả hết nợ cho ông và lo xuất bản tất cả di cảo của ông: *Les Petits Bourgeois*, *Le Député d'Arcis* do một nhà văn, Charles Rabou viết tiếp cho hoàn thành

NGUYỄN HIỂN-LÊ

Saigon ngày 15-7-1969

trích trong cuốn «Đời nghề sĩ»

sắp xuất bản.

REGAST. T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức của Hòa-Lan

Máy đánh chữ xưa và nay

CHU-MINH-THUY

Cô thư ký đánh máy giỏi có thể đánh 11 chữ trong 1 giây đồng hồ. Các máy «*imprimantes*» nhanh nhất có thể đánh 2000 chữ trong khoảng thời gian ấy. Vậy mà chưa đủ. Ở nhiều nước Âu Mỹ người ta tìm cách chế tạo các loại máy đánh (hoặc in thì đúng hơn) mau hơn nữa.

Chiếc máy chữ đầu tiên được thương mại hóa là của Christopher Latham Sholes, ở tiểu bang Milwaukee (Mỹ), năm 1873. Máy được ráp trên một cái sườn của máy may. Bàn đạp chiếc máy may giữ nhiệm vụ trả cây trục về bên lẽ trái. Loại ấy chỉ có chữ cái và người ta không nhìn thấy các chữ đánh lên giấy.

Tuy nhiên, dù khi so với các kiểu tân tiến bây giờ, nó có vẻ cổ lỗ, nhưng vẫn chứa đựng nhiều tánh chất chung cho máy đánh chữ. Từ hình thù kềnh càng dị hợm, nặng nề dễ trục trặc, máy đánh chữ trở nên tinh vi, sạch sẽ, dễ sử dụng, bớt khua động và nhay hơn. Có loại nhỏ và nhẹ, dễ xách đi đây đi đó.

Như vậy, người ta thấy chiếc máy đánh chữ đã hội đủ các điều kiện mà người sử dụng mơ ước. Cần gì phải chế tạo những máy có thể đánh hàng trăm chữ một giây đồng hồ? Có cô thư ký nào nhanh tay tới mức đó đâu? Nhưng rủi thay (hay may thay?) loại «*ordinateur*» ra đời. Đó là một thứ «óc» điện tử, có nhiệm vụ thay người điều hành máy móc (trong một cơ xưởng

chẳng hạn). Giữa máy *ordinateur* và chuyên viên điều khiển, sử dụng máy ấy (*informaticien*), cần phải có một trung gian, giữ nhiệm vụ thu nhận mau lẹ các ký hiệu và diễn tả ra ngay dưới một hình thức dễ hiểu đối với con người.

Vì vậy, người ta canh tân máy đánh chữ cổ điển thành những «siêu - máy đánh chữ» có tên «*imprimantes*», có khả năng in lên mấy trăm chữ trong 1 phút.

Lúc đầu, các *imprimantes* đáp ứng thỏa mãn sự đòi hỏi của chuyên viên *informaticien*. Nhưng càng ngày, các *imprimantes* không còn theo kịp đà làm việc của các *ordinateurs*. Khả năng cung cấp của một máy *ordinateurs* là vài trăm ngàn tới vài triệu ký-hiệu trong 1 giây đồng hồ trong khi một máy *imprimante* chỉ có thể đánh 60 ngàn chữ mỗi phút.

Để cho tiện, nhà chế tạo có lẽ gọi một loại máy *imprimante* có năng-xuất là mấy hàng trong 1 phút. Chẳng hạn máy A có năng xuất 100 hàng mỗi phút là cứ 1 phút máy đó đánh được 100 hàng chữ. Nếu lấy trung bình 1 hàng gồm 80 chữ, các *imprimante* hiện bán trên thị trường không thể vượt quá 1200 hoặc 1500 hàng một phút. So với *ordinateur*, ta thấy tỷ-lệ chênh lệch quá xa: 1 đối với 100 hay 1 đối với 1000.

Sự cải tiến không ngừng của những dụng cụ khác (chẳng hạn máy *ordinateur*) khiến tình trạng này càng ngày càng trở nên bi đát. Người ta gọi đùa đó là tình trạng của cái quặng, nước rớt vô thị

nhiều mà lỗ quặng lại quá nhỏ. Tại sao có sự kiện vừa nói trên ? ý do chính là vì, dầu có những ưu điểm rõ rệt, máy imprimante vẫn được chế tạo dựa theo mấy nguyên tắc căn bản dùng thực hiện máy đánh chữ cổ điển. Đối với máy đánh chữ, cô thư ký đọc một loại chữ tốc ký (hoặc viết tay) nào đó rồi chuyển nó lên giấy dưới hình thức chữ in. Máy imprimante thì đổi các ký-hiệu trên trên băng nhựa có nam châm thành những chữ trên giấy. Với máy đánh chữ, cô thư ký đọc và nhớ một đoạn, rồi đánh từng chữ lên giấy. Máy imprimante thì có thể «nhớ» nguyên 1 hàng trước khi «in» chữ lên.

Việc áp dụng kỹ thuật của đĩa hạt này qua đĩa hạt khác không phải là hiếm. Xe hơi là một bằng chứng : người ta bắt chước sức lực con ngựa làm quay bánh xe, di chuyển một khối lượng nào đó về một hướng. Tuy nhiên, đối với kỹ thuật đánh chữ, việc áp dụng nguyên tắc cũ qua đĩa hạt mới không còn thích hợp.

Cần phải nhảy vọt tới trước; tìm những phương pháp «in chữ» mới mẻ hơn. Con đường đã được dọn sẵn : chỉ cần thay bộ phận cơ động (mécanique) hoặc cơ động điện (électro-mécanique) bằng một hệ thống điện-tử. Và đó là đường hướng mà các nhà sản xuất đang theo.

Ống tròn và giây sên

Máy imprimante có 2 loại : loại dùng ống tròn và loại dùng giây sên. Loại dùng ống tròn xuất hiện trước tiên. Nguyên tắc vô cùng giản dị, na ná như trò chơi in đồng tiền kim khí lên giấy của trẻ con. Các chữ được gắn trên một ống tròn quay liên tu theo tốc độ 300 tới 1000 vòng mỗi phút. Có 64 kiểu chữ và ký-hiệu



« imprimantes » cỡ nhỏ

khác nhau, mỗi kiểu gồm 120 bản giống hệt đặt kế cận thành một hàng dài trên ống tròn. Hàng đầu là 120 chữ A, hàng kế là 120 chữ B,... Hết chữ thì tới số, rồi các dấu, v.v.. Trước mặt ống tròn ấy là cuộn băng thấm mực và tờ giấy, rồi tới một hàng gồm 120 chiếc búa. Khi ống trục quay tròn, điện-tử điều khiển những búa nào cần đập vô tờ giấy, cùng một lượt cho mỗi hàng. Hết xong chữ A, tới chữ B, rồi chữ C. v.v.. cứ quay 1 vòng thì ống trục đã đưa qua trước mặt hàng búa tất cả 64 kiểu chữ số và ký hiệu, và hàng chữ cũng được «đánh» xong. Vì ống trục luôn luôn quay, các cây búa phải đập mau và mạnh vô tờ giấy, để tránh bị trượt (vào khoảng 5'00 giây). Phương pháp này được dùng nhiều và là nhanh nhất : nó có thể đạt tới 1500 hàng mỗi phút. Nhưng có một bất tiện : nếu chẳng may, chỉ một chữ bị hư mẻ thì phải thay nguyên cả ống tròn. Vì vậy lắm khi người ta chuộng thứ dùng giây sên. Với loại này, các chữ được sắp thành bộ, và chỉ cần 5 bộ ráp dài theo sợi sên. Tổng số chữ cần thiết

là 25 lần ít hơn. Những chữ hư mẻ có thể thay thế riêng rẽ được. Cách thức «in chữ» cũng giống loại đầu, với bộ búa gồm 100 tới 132 cây, đập vô giấy.

Trong cả 2 loại imprimantes, cách «in chữ» không được liên tục. Phải đánh từng hàng một. Cuộn băng giấy chỉ chạy tới giữa 2 thời gian «in», nên sự chuyển động của nó bị ngắt quãng. Các «cây búa» đập vô giấy trong khi ống chữ di chuyển, tuy rằng đó là một giải pháp kỹ-thuật-hóa táo bạo, nhưng lại trái với các định-luật cơ-học.

Vì vậy, ta hiểu được rằng những cải tiến hiện tại đối với các máy imprimantes là cần thiết, trong lúc chờ đợi ngày mà cơ-động điện trở nên lỗi thời, bị đào thải. Loạt cải tiến đầu tiên nhằm mục đích loại bỏ sự chuyển động của các cây búa, để thu hẹp tổng số bộ phận chuyển động cùng những sự lệ thuộc giữa chúng (chẳng hạn bớt đi được một số nam-châm điện). Nhờ đó tiếng động do mấy cây búa gây nên chấm dứt, và đỡ lo hư giấy. Nhưng thay thế các cây búa bằng thứ gì? Nếu suy nghĩ về công dụng thiết sự của chúng, ta thấy mấy cây búa dùng để chuyển chất than trên giấy băng qua tờ giấy. Nếu dẹp bỏ cây búa, thì hoặc là, ta bỏ chất than đi, hoặc nhét nó vào trong giấy. Trong trường hợp sau, chữ sẽ hiện ra nhờ một hóa chất có tác dụng như chất rửa hình. Một số máy imprimantes dùng giấy nhiệt ứng (*thermo-sensible*) được chế tạo, chạy rất êm. Chất than hiện ra khi chạm nhằm các mặt chữ được đốt nóng lên bằng điện. Một phương pháp khác, mà về sau bị loại bỏ, được dùng song song, là sự phân chia hóa chất bằng dòng điện. Tỷ dụ dùng phép điện-giải đối với vài dung-dịch, ta sẽ thấy hiện

ra vài hóa chất có màu, chẳng hạn như *ferrocyanure ferrique*. Chỉ cần tích điện các chữ nito có đoạn áp chúng lên một tờ giấy có chứa dung dịch điện-giải thích hợp, là có chữ hiện lên. Cách thức thực giản dị và không tạo ra tiếng động vô ích. Tuy nhiên, mục tiêu của máy imprimante là phải làm việc nhanh, dễ sử dụng. Nhưng vì phải cần thứ giấy đặc biệt, nên phần lợi bị giảm đi nhiều. Giá cả của giấy đặc biệt ấy thường thường quá cao, cách sử dụng máy cũng không đơn giản. Trong trường hợp dùng giấy điện giải, giấy phải ẩm ướt. Tóm lại, tốt hơn là cứ giữ cuộn băng than...

Loạt cải tiến thứ 2 chứa nhiều hứa hẹn hơn. Một mặt, người ta tìm cách loại bỏ sự chuyển động không liên tục của tờ giấy, mặt khác, loại bỏ sự xê dịch của các hàng chữ và sự chờ đợi vô ích của chúng (dù chỉ là trong thời gian thiết ngắn trước khi xuất hiện trước các cây búa. Tất nhiên, sẽ có vài khó khăn cần giải quyết. Trong trường hợp thứ nhất, nếu cuộn giấy chạy liên tục, hình thể của các chữ có thể bị ảnh hưởng vì sự chuyển động. Nó cách khác, chữ có thể lu, rung. Trong trường hợp thứ hai, tức loại bỏ sự xê dịch của hàng chữ trước mấy cây búa phải làm sao trình diện các chữ ta cần, đúng lúc và đúng vị trí mong muốn.

Giải pháp được chọn lựa do một khái-niệm toán học (đã trở nên cổ điển) cung cấp: đó là toán tích - phân (*calcul intégral*):

Từ «chấm» tới «vệt».

Nếu cuộn giấy, cứ mỗi giây chạy tới 1 thước, thì trong 1 phần triệu giây nó chỉ chạy có 1/1 000 ly. Đơn vị thời gian này hết sức ngắn. Việc in cũng được

phân ra : không phải nguyên cả 1 chữ được in trong 1/triệu giây, mà là chỉ một phần nhỏ. Động tác đó được lặp lại cho tới khi in xong nguyên cả chữ.

In bằng cách nào ? Người ta ráp các chấm li ti với nhau, giống các họa sĩ Signac, Seurat dùng chấm màu đặt cạnh nhau tạo nên tác phẩm. Hoặc cũng giống như kỹ thuật của máy truyền ảnh (*héliographe*) mà nhà báo thường dùng.

Người ta sử dụng 1 khuôn chữ gồm 7 hàng và 4 cột, để tạo 64 chữ cùng ký hiệu. Tiến xa hơn thay vì chỉ in một kiểu chữ cố định, người ta bôi bỏ nó sau khi dùng, đoạn tạo ra một kiểu chữ mới khác. Tùy theo nhu cầu và sở thích của người mua, nhà sản xuất chế tạo một hoặc nhiều bộ chữ riêng biệt. Nhập chung 2 sự cải tiến (in bằng chấm và chế tạo kiểu chữ theo ý khách hàng) người ta làm ra những máy *imprimantes* giản dị mà hữu hiệu.

Kỹ thuật in như sau : mỗi hàng chữ được chia làm 7 hàng theo chiều ngang và từng lô gồm 4 cột theo chiều dọc. Máy sẽ in từng hàng một, từ hàng đầu tới hàng thứ 7. Vì mỗi hàng chỉ mất 1/7 thời gian in nguyên chữ, nên trong khoảng khắc ngắn ngủi ấy, tờ giấy hầu như đứng yên một chỗ.

Ở Pháp, phòng thí nghiệm Nghiên cứu Vật-lý ở Limeil Brévannes đã thử với kết quả khả quan một máy *imprimante* chế tạo theo nguyên-tắc trên. Mỗi hàng chữ chỉ mất 14 phần ngàn giây đồng hồ, tức 40 hàng mỗi giây, 2.400 hàng mỗi phút. So với các loại trước, tốc độ đã tăng gấp đôi.

Cách thức vừa nói sử dụng cơ-động điện. Một cách thức na ná, nhưng hiệu năng chậm hơn, dùng nhiệt lượng và in theo hàng dọc, chỉ đạt tới 330 chấm mỗi giây đồng hồ, trên thứ giấy nhiệt ứng (*thermosensible*). Ở Mỹ, chiếc máy của hãng NCR cũng dùng nhiệt lượng,

nhưng tờ giấy đứng yên và mỗi giây in được 25 hàng. Máy có thể in liên tục 14 ngày không nghỉ. Hãng Motorola thì chế tạo lại máy đứng giữa nguyên tắc giấy sen và chấm. Giấy sử dụng là loại điện ứng (*electrosensible*) gồm 3 lớp : lớp đầu là nền, lớp thứ hai chất nhôm, lớp thứ ba dẫn điện. Các tia lửa đốt cháy tờ giấy từng chấm nhỏ, tạo ra chữ. Máy đánh lần máy "đọc" chỉ cân nặng 30 kí lô, thể-tích khá gọn, chạy rất êm và liên tục. Hiện nay, khả năng của nó là in 300 hàng mỗi phút.

Tuy nhiên, như ta đã thấy, các máy vừa kể còn lệ thuộc vào một bộ phận cơ-động Lý tưởng là làm sao chế tạo thứ máy mà trong đó bộ phận di động duy nhất chỉ còn là ống tròn đầy giấy tới.

Hãng Tel type thí nghiệm đầu tiên trong chiều hướng này, với phương pháp thời tiết thứ mực tĩnh-điện (*électrostatique*) tương tự như nguyên-tắc của máy vô tuyến thu hình. Giọt mực khi đi ngang các điện cực của ống âm cực (*tube cathodique*), sẽ bị lệch (lên trên, xuống dưới, hoặc qua trái, qua mặt) tạo nên các chấm — [hay đúng ra là các «vết» của một chữ.

Muốn in một chữ, tất nhiên phải dùng nhiều giọt, nhưng mỗi vòi mực có thể in được 2 chữ. Như vậy, một hàng gồm 80 chữ (hoặc ký hiệu) phải cần 40 vòi. Với phương pháp này, chỉ tờ giấy là di động, còn những bộ phận khác nằm yên, điện-tử điều hành tất cả. Hơn nữa hề thay đổi điện-thế, mức lệch của giọt mực sẽ nhiều hoặc ít hơn, và máy in lên một kiểu chữ khác hơn. Chỉ tiếc khó mà xịt mực ra từng giọt đều đặn, theo nhịp điệu cực mau nên hiện nay tốc độ in chưa vượt hơn 120 chữ mỗi giây.

Còn nhiều phương pháp khác đang ở trong vòng nghiên cứu, chẳng hạn như áp dụng nguyên tắc của máy sao tài liệu (*xérophage*), hoặc của tia «*laser*»...

CHU MINH THỤY
(viết theo Sciences et Vieir)

Một cái nhìn đông-phương về VẤN ĐỀ TÍNH-DỤC

III. — TÍNH DỤC TRONG TÌNH YÊU (*)

Chọn lựa và hạn chế

Khảo sát phía trong tế bào của một sinh vật nhiều ít đã trưởng-thành, đôi khi chúng ta mục kích một hiện tượng là lạ như của sự thấm nhập thể-dịch. Cũng khi ấy, chúng ta bắt đầu thấy nổi lên ở đó những bọt huyết tương và chúng tự phân đôi ra. Sự kiện này khiến chúng ta có thể nghĩ rằng tính dục xuất hiện liền với sự sống, và bắt đầu ngay từ tế bào.

Nếu quả có như thế, thì ở sự sinh sản bao giờ cũng có hạn chế, vì sinh sản lệ thuộc vào hai bên, chứ không do một bên. Sự hạn chế này càng lớn thêm lên, khi phái tính cũng xuất hiện rõ rệt hơn và khi sinh hoạt tính dục do đó cũng hoàn toàn hơn. Vậy cái hay không phải là ở phóng túng, nhưng ở một thứ «khổ hạnh» (ascèse) nào đó.

Dù sao chăng nữa, sự phóng túng vẫn còn hầu như hoàn toàn, bao lâu cá tính của sinh vật chưa rõ rệt hẳn, và do đó sinh hoạt tính dục mới chỉ là tiếp hợp giữa hai phái-tính, chứ không phải giữa hai cá thể. Phải, khi ấy cá thể chỉ là những mốc đánh dấu sự đi qua của sự sống và chủng loại, đến nỗi dường như sinh sản không phải là để làm nên những sinh vật

nữa. Khi ấy, sự sống, dinh dưỡng, tăng trưởng và sinh sản, tất cả còn lẫn lộn : tăng trưởng thì xem như sự gia tăng thành phần cho chủng loại, và sinh sản chỉ là lớn vượt qua cá thể. Và như thế, có thể nói là sinh sản và chủng loại đã chiếm hết chỗ của cá thể, đã thu hút và tiêu hao hoàn toàn cá thể, đến nỗi cá thể trở thành một căn nhà trống, một cái bóng mờ dưới gót chân đi qua của chủng loại. Cổ nhiên, bản vị con người chưa thể xuất hiện trong những điều kiện sinh lý như thế, và cũng chưa thể có e-then nó nhằm bảo vệ cá thể và bản vị.

Nhưng dần dần, cái bóng ấy càng ngày càng trở nên rõ hơn, cứng chắc hơn, và sự sinh ra của đứa con không còn là sự chết đi của cha mẹ nó nữa. Khi ấy trong sinh hóa, cái lượng cũng kém vế đi, và cái phẩm được chú ý đến trong sự lựa chọn giữa hai phái để tiếp-hợp.

Nơi động vật đã khá hoàn hảo, cá tính càng trở nên vững chắc, cố định và quan yếu. Khi ấy, việc chọn lựa «cái nửa mình» càng được thi hành một cách cẩn

(*) Về những tiếng sanskrit trong bài này, xin xem PHIÊN ÂM ĐÚNG ở cuối chương I trong số báo trước.

thận hơn, và vẻ đẹp cũng như sự mạ h
khoẻ đượ chú trọng nhất, do đó mới
có tranh giành và đánh ghen. Nếu trước
kia, việc chọn nhau là của hai phái trong
đối cực, tương tự với việc chọn
nhau của các hóa chất, thì bây giờ nó
là của cá thể, và tiêu chuẩn để chọn
cũng là ưu điểm của cá thể trước tiên,
rồi mới đến của sinh sản. Khi ấy là lúc
mà sự tiếp hợp đã phân ra khỏi thụ tinh
rồi, và trong giao hợp, con vật nhằm
chính cảm giác sướng khoái của mình,
trong khi mà những điều kiện cần bản
cho tiếp hợp giao tử được thành công
đã trở nên khó cảm giác thấy hơn, và
do đó sự thụ tinh khá bất bênh.

Nơi những động vật thượng đẳng,
bắt đầu xuất hiện một thứ cảm giác
buồn buồn hay hay, nó sẽ gây nên e-
thẹn sau này nơi con người. Những cảm
giác ấy được gián tiếp tổ cáo qua sự
chơi dõn và vuốt ve mơn trớn, và có
khi cả làm đom hay «làm bộ» nữa.

Xem như thế, thì cùng đích của tiến
triển tính dục là bản vị (la personne)
hơn là dòng giống, và cái hay của sinh
hoạt tính dục là ở chừng mực do hạn
chế và chọn lựa chứ không ở phóng túng

Nơi con người, và có lẽ nơi những
động vật thượng đẳng khác cũng thế,
đôi khi gặp những trường hợp «tiếng
sét ái tình», và đó là trường hợp
tương ngộ giữa hai kẻ bù trừ vừa
vặn đúng cho nhau theo kiểu phân
cực, khiến cho luồng điện tính
dục được thông đi suốt mà không hề
gặp cản trở nào. Và đó là trường hợp
«chọn lựa» tối đa trong tính dục, cái
chọn lựa trong đó một kẻ chỉ còn vừa
đúng cho một kẻ khác mà thôi. Cái người
yêu ấy, mãi mãi sẽ không ai có thể thay
thế được. Hoàn hảo của cái chọn cũng

là tối đa của hạn chế vậy. Và tuyển lựa
một người ở trường hợp đây cũng là
chọn lựa vĩnh viễn về người ấy.

Có thể gọi đó là một thứ hôn nhân tự
nhiên và lý tưởng, đầy đủ tính cách độc
hôn và bất khả tiêu. Như thế, hiện
tượng thuần tính dục, hiện tượng
« tiếng sét ái tình » không còn là
của người đàn ông và người đàn bà
như chính ông tưởng nữa, mà là của một
người đàn ông và một người đàn bà,
cái con «một» hết sức đậm nét và hoàn
toàn.

Nói một cách chung, không hề có sự
«ấn khớp» hoàn toàn giữa hai cá thể,
cho nên người ta có thể ngã về một
người nào hơn và khá bền bỉ chứ
không tuyệt đối ngã về người ấy, cái
tuyệt đối bao giờ nó cũng bao hàm khía
cạnh trường tồn nữa.

E-thẹn, một hạn chế có tính cách sinh lý và thiện-lý

Cái cảm giác «buồn buồn, hay hay, nó
thế nào ấy» chưa phải là e-thẹn (pudeur).
Nhưng chỉ khi nào có cảm giác nó trên
thì con người mới biết đến e-thẹn như
một phản ứng lại sự lôi cuốn của nó.

Khi cảm giác buồn buồn thay đổi vị
trí, thì e-thẹn cũng thay đổi theo. Ở e-
thẹn, chỉ có e-thẹn về thể xác, về nững
đòi hỏi thông-thường ở phần «hạ đẳng»
phần «không nên» của thể xác. Một khi
bắt đầu đã có kích thích ở những vùng
tính dục, thì e-thẹn còn mặc thêm một
sắc thái khác nữa. Nhưng cho đến lúc
này, e-thẹn vẫn còn liên hệ đến cái cảm
giác nửa ngáy hơn là đến một người
khác phái, và nó có công-dụng là giữ cho
đưa «rẻ khỏi thủ-dâm» (masturbation)

Người ta chỉ hướng về người khác và
khác phái một cách rõ rệt khi đã đến
tuổi dậy thì, khi mà cái cảm giác nửa
ngáy kia đã tiến đến chính ngọc hành

hay âm đạo Cũng khi ấy, mới có e-then về kích-thích ở chính phần «đáng xấu hổ», và đó là cảm giác e-then tính dục theo ý-nghĩa chuyên biệt của nó.

Sự e-then tuy là một cảm giác, nhưng đồng thời cũng là một tâm tình. Nó là cái gì rất tự nhiên, là do bản năng của con người. Ở các dân tộc bán khai, đã thấy rõ có rồi, và đâu đâu cũng có, dù ngay khi người ta chưa biết đến quần áo. Thực ra, không phải chỉ có quần áo mới là cách phản-ứng của e-then. Có trường hợp cái khố hay cái quần lại trở nên một cái gì đánh dấu chỗ «đáng xấu hổ», khiến cho người mán nội cảm thấy ngượngngùng và lần tránh con mắt người khác. Còn nơi một số những phụ-nữ Âu-Mỹ, quần áo che nửa vòì được dùng như phương thế để kêu gọi mạnh mẽ hơn. Cố nhiên chúng ta không chối cãi rằng, nói một cách chung, thì quần áo là một phản-ứng rất thanh cao của e-then.

Ở lứa trẻ thơ cũng như ở những dân tộc bán khai, e-then là một cảm giác mơ-hồ hơn là một tâm-tình. E-then chỉ trở nên rõ rệt và tâm tình khi mà ý thức bản vi đã khá phát-triển.

E-then vốn có một chức vụ tính dục rất tự nhiên. Khi cảm giác ngứa ngáy đã iễn tới những vùng sinh-dục, thì nó sẽ ngăn trở lứa trẻ thủ dâm, nhờ đó ngăn trở năng lượng tính dục khỏi bị tán tỏa và suy giảm đi, khiến phương hại cho sinh hoạt tính dục ở tuổi trưởng thành và phương hại cho cả sức khỏe nữa. Thủ-dâm, đó chính là đồ đồn libido về mình, và đó là phủ nhận phái tính khác cũng như người khác. Cho nên, những người năng thủ dâm thường sống một lối sống lảm-lì, kém cởi mở, một lối sống phản xã-hội.

E-then, vì bảo tồn năng lượng tính dục, dành nó cho một cởi mở sang người khác, tức cho sự tương ái trong phân cực, sẽ góp phần vào việc hình thành một bản năng tính dục bình-thường có lợi cho tình yêu, cho sinh sản và cho sức khỏe.

Cảm-giác e-then vừa mạc khải con người của ta, vừa mạc khải con người khác phái đối diện với ta, do đó lắm khi trở nên một thứ ra-đa khá hiệu nghiệm để dò tìm ý-trung-nhân. Ngoài ra, e-then còn bảo vệ duy-nhất-tính của sự sống và của chính con người đương sự. Bằng chứng là trong số những người bệnh tâm trí, có tới 50 phần trăm bị suy-giảm rất nhiều về cảm giác e-then.

Do đó, e-then quả là một «kiểm duyệt» rất đáng quý, theo tiếng nói của Freud. Đây là một «kiểm duyệt» cần thiết và hữu ích, vì e-then là chính «sự lệ thuộc của tính dục vào lợi ích của toàn bộ sinh lý» (1) và tâm lý, và hơn thế, của toàn bộ con người.

oOo

Như chúng ta đã nói ở trên, e-then không phải là chính cảm giác ngứa ngáy, nhưng là phản ứng lại sự lôi cuốn của cảm giác ấy; nó cũng không phải chỉ là một cảm giác xương, mà còn là một tâm tình nữa. Cho nên, không thể gán cho nó một vai trò tự vệ thuần sinh lý.

Cũng không phải nó chỉ nhằm bảo vệ duy nhất tính siêu hình của con người, mà còn để giác một căng thẳng siêu hình trong con người ấy. Phải, chỉ nơi con người mới có e-then, vì chỉ con người mới đồng thời là súc vật và tinh thần, là hai sức mạnh đối diện nhau. Max Scheler nói:

() Max Scheler, *La pudeur*, Aubier, Paris 1921.

— “Sở dĩ con người mặc quần áo vì nó xấu-hỗ. Nó xấu hổ trước hết về những phần thân thể vốn liên-hệ nó một cách sâu xa với một thể giới sinh lý hạ đẳng mà nó có cảm-tưởng chế-ngự từ trên cao». (1)

Cho nên, cái xấu-hỗ ấy, chẳng chừng là xấu hổ với người khác mà còn là **với chính mình** nữa. Cổ nhiên, con người không coi tính dục tự nó là xấu, nhưng vì đó là một sức mạnh lôi cuốn rất lớn lao, khiến cho con người như bị dlu đi theo, không còn chọn lựa tự mình để thích ứng sinh lý với cái «chiều cao» của mình nữa, nên nó cảm-giác thấy «con thú» ở trong mình, và nó xấu hổ. Trái lại, trong hết thấy các nhu cầu dù «hạ đẳng» nhứt, khi con người đã chế ngự được chúng do ý chí và khổ công rèn luyện nhân cách, để dù làm tất cả mà trong tinh thần vẫn siêu thoát tất cả, làm tất cả nhưng chỉ làm vì những mục đích cao đẹp, thì khi ấy, nó không còn xấu hổ thực sự với mình nữa, mà ngược lại chỉ có thể tự hào thôi.

Phải, con người không phải chỉ là súc vật mà còn là tinh thần, không phải chỉ là bản năng mà còn là lý trí để nhận định lẽ phải và ý chí tự do để chọn lựa làm theo lẽ phải. Nên một khi chịu để bản năng lôi cuốn mình, không đếm xỉa đến lẽ phải, thì nó đã làm ngược lại bản tính người của mình, và xấu hổ chính là do đó. Nói cách khác, cái là tự nhiên ở nơi con vật, chưa chắc bao giờ cũng là tự nhiên (tự nhiên theo ý nghĩa: hợp bản tính) ở nơi con người.

Vậy phản ứng e-thẹn, tuy ích lợi và khẩn thiết trong địa hạt sinh lý và tính dục thực đấy, nhưng không thể giải thích đầy đủ được nếu không nhìn nhận khía cạnh thiện-lý (éthique) của nó. Đây không phải là phản ứng của súc-vật-tính nơi con người mà thôi, nhưng là phản ứng của tất cả con người, phản ứng gây

nên do ý-thức của nó về cái «chiều cao» của mình. Cũng vì thế mà ý thức bản vị càng phát triển bao nhiêu, thì e-thẹn cũng trở nên tâm linh hơn bấy nhiêu ; và con người càng thanh cao bao nhiêu, thì e-thẹn nó cũng mãnh liệt và tế nhị hơn lên (2)

Theo nhiều học giả nhận xét, thì e-thẹn nơi người đàn ông có tính cách thiện lý hơn. Trong lịch sử, có lẽ đàn ông cũng dùng quần áo trước cả đàn bà. Lý do là vì người đàn ông sống tinh thần hơn, và con người của họ bị giằng xé nhiều do sự phân biệt rõ rệt giữa tinh thần và thể xác, cái phân biệt nó khiến cho tinh thần trở nên lý trí và thể xác kia trở nên súc vật. Do đó, khi người đàn ông sống thể xác thì dễ dàng họ sống theo thú tính hơn là người đàn bà.

Người đàn ông là tinh thần, còn người đàn bà là sự sống, là tâm hồn. Con người của phụ nữ duy nhất hơn là của đàn ông, và do đó họ cũng khó phân biệt giữa hai địa hạt tình và lý. Vì thế, e-thẹn nơi họ giàu tính cách tính dục hơn là thiện lý, và hướng nhiều về tự-vệ. Do bản năng, e-thẹn ấy nhằm bảo vệ chẳng những lợi ích sinh lý và chống những hậu quả tai hại người đàn bà phải gánh chịu trong trao đổi, mà nó còn nhằm bảo tồn sức quyến rũ của họ do đồng trinh, tính chất của bản nhiên, của vực thẳm âm-u mà chúng ta từng đã bàn đến ở chương trước. Tuy thế, e-thẹn nơi người đàn bà thường tế nhị và mãnh liệt hơn là nơi người đàn ông rất nhiều, bởi lý do người đàn bà sống tình cảm hơn, thụ động nhiều hơn, và trong sinh hoạt tính dục, cần phải tự vệ cũng nhiều hơn.

(còn tiếp)

Hoành-sơn HOÀNG-SỸ-QUY

(1) ibid., trg 23.

(2) Càng thanh cao, thì con người càng ý thức hơn về cái «chiều cao» của mình.

SỐNG VÀ VIẾT

BÁCH-KHOA

Đàm-thoại với Lý-Chánh-Trung

Ô. Lý-Chánh-Trung sinh năm 1928 tại Saigon và hiện là giáo sư Triết học tại Đại-học văn khoa Saigon và Đại-học Dalat.

Ông đã cộng tác với các báo Sống Đạo, Hành Trình, Tiếng gọi Miền Tây, nhật báo Tiếng nói Dân tộc, tạp chí Bách Khoa và hiện là chủ bút tập san Đất Nước Những sách đã xuất bản của ông là Cách mạng và đạo đức (1966) Ba năm xáo trộn (1966) Tìm về dân tộc (1966) Cuốn mới nhất vừa xuất bản tháng trước đây là Tìm hiểu nước Mỹ (1969), còn một cuốn Hòa bình cho dân tộc đang nằm chờ kiểm duyệt đã khá lâu ở Bộ Thông Tin.

Ô. Lý-Chánh-Trung làm Đồng lý Văn phòng Bộ Quốc gia Giáo dục hai lần (các năm 1964 và 1966). Lần thứ nhì ông đã tranh đấu hết mình cho việc bỏ trường Pháp.

Những bài báo ông viết, sách của ông xuất bản được rất nhiều người chú ý, bàn luận (tán thành hoặc chống đối) và độc giả cảm mến ông, đa số là giới sinh viên và những người trẻ tuổi ở trong và ngoài nước.



Tuổi học trò

«Vĩnh Bình là quê tôi, cách Saigon đúng 204 cây số...» đó là lời tâm sự của anh Lý Chánh Trung trong thiên hồi ký mở đầu cho cuốn «Tìm về dân tộc». Tuổi học trò của anh được thuật lại tỉ mỉ ở những trang này. Người ta được biết tác giả «Tìm về dân tộc» sinh ở Saigon nhưng đã sống cả thời thơ ấu ở nơi quê ngoại của anh :

«Ở tỉnh Trà Vinh, đất Phật vàng (1)
Đường thêu bóng mát, rộng thênh thang

Chiều chiều sương xuống, đèn lên đỏ
Rộn rã tung bừng tiếng gáo vơng...»

(Thơ Lý Chánh Trung)

Nhưng rồi cậu nhỏ Lý Chánh Trung học hết bậc tiểu học cũng phải rời xa đất Phật vàng mà lên Saigon năm 1940 theo học trường Nguyễn văn Khuê, một trường mà phía sau, cách vài trăm thước

(1) Theo tác giả «Tìm về dân tộc» thì Trà Vinh từ chữ Prabang mà ra, và Prabang hình như có nghĩa là Phật vàng.

có con đường Lơ-Pheo (Lefebvre) với những giấy nhà chứa điểm công khai nên các học sinh lớn, các "anh lớn", đã từng có câu châm ngôn là "vô lậu bất thành nhơn"! "Lậu" đây là bệnh lậu, bệnh phong tình. Do đó mà khi lìa bỏ cái không khí "hoang đàng" của trường Nguyễn Văn Khuê về học trường Taberd với "kỷ luật, trật tự, tổ chức", cậu nhỏ Lý Chánh Trung lại thấy thoải mái, dễ chịu... Rồi tới năm 1943, cậu lại được gửi ra Huế để học ở trường Providence (Thiên-Hựu) luôn mấy năm liền. Tới 1945 Nhật đảo chánh Pháp. Lý Chánh Trung giả biệt Huế "quẩy hòm xiềng về quê với cái viễn tượng thích thú của một mùa bãi trường bất tận" (1) Trở lại Trà Vinh, sau ít lâu anh gia nhập Thanh niên Tiền phong. Rồi Cách mạng tháng 8, rồi Nam bộ kháng chiến, anh cũng rời bỏ gia đình, vô Trung đội "du kích" địa phương (đoàn thanh niên Tiền phong địa phương cải tiến) để đi kháng chiến... Lúc đó anh mới lên 16 tuổi.

BÁCH-KHOA : Rồi anh trở về thành trong trường hợp nào ?

LÝ-CHÁNH-TRUNG : Hồi đó tôi đau quá xá, mà đoàn ngũ thì tan rã cả, tôi rét rừng nằm ụ ở Bến-Tre mãi, mà chẳng thấy ai hỏi tới mình nữa. Rồi bà già tôi ở Trà Vinh, hay tin tôi nằm ở một nơi nào đó ở Bến Tre, bà liền đi tìm. Lúc đó chính quyền chẳng còn, mà Tây cũng chưa chiếm hết nên chẳng có luật pháp gì cả, đi lại rất nguy hiểm. Bà già tôi giả làm một người đàn bà Tàu, mượn xuồng vượt qua sông Cửu Long mà tìm được tới tôi, lúc đó, chúi ở trong vườn xa ghê lắm. Rồi bà mang tôi về đó. Anh nghĩ mấy bà mẹ Việt-Nam có kinh khủng không ? Như tôi đã

nói trong hồi-ký ở cuốn «Tìm về dân tộc», trung đội "du kích" chúng tôi đốt cái chợ Tiểu Cần. Sau này khi tôi về Trà-Vinh, mấy anh Ba Tàu bị đốt mất tài sản hồi đó mới móc vớ Tây đi kiếm mấy anh đốt chợ đó. Bởi vậy tôi không ở Trà Vinh được phải lên Saigon tìm việc làm. Mấy ông cậu tôi ở Saigon mới khuyên tôi nên đi học lại. Rồi sau tôi được cái học bổng đi Bỉ, năm ấy là năm 1947. Cái học bổng này là do một ông thầy cũ của tôi ở Thiên-Hựu kiếm cho tôi nhân ông bị Pháp trục xuất vì ông đã ủng hộ Việt-Nam.

— B.K : Anh học ở bên Bỉ được mấy năm ?

— L. C. T : 6 năm

— B.K : Nghe nói hồi đó anh mê Mounier lắm ?

— L.C.T : Mê chớ, mà vì mê Mounier nên tôi bỏ dở luận án Tiến sĩ hoài. Năm đó tôi đậu xong một lượt Cử nhân Chánh trị và cử nhân Triết. Khi làm tiểu luận cử nhân Triết, tôi làm về Mounier. Làm xong, ông thầy tôi coi khoái lắm, ông ấy bảo tôi khai-triển cái tiểu-luận ấy thành luận án đi. Lúc ấy Mounier vừa mới chết và chưa có ai làm luận-án về ông cả. Tôi cũng đồng ý làm cái luận-án đó nên đã đọc lại hết các sách của Mounier, gặp vợ ông, bạn bè của ông ta, hiểu con người của ông hơn. Ông đã "ám ảnh" tôi trong 2 năm ở Pháp.

Mounier khi đậu thạc-sĩ thì được lựa chọn : hoặc nhận cái học bổng để làm luận án tiến-sĩ hoặc đi dạy triết ở một trường Trung học. Dạy học thì cũng vẫn làm luận-án được, nhưng sau khi dạy 2 năm, ông bỏ luôn chiếc ghế giáo

(2) Đất nước số 14 (10/1969) trong bài «Nói chuyện với người đã khuất».

sư và cái luận án tiến sĩ, đề nhảy ra làm báo, tranh đấu cách mạng. Mình nghĩ một thằng cha như vậy, bỏ tuốt cả đề làm cách mạng chứ chẳng thèm làm luận án, mà mình lại làm luận án về chả thì cũng kỳ quá đi, nên tôi cũng bỏ luôn. Vả chẳng lúc đó là thời kỳ hội nghị Genève 1954, nên tôi cũng chẳng còn bụng dạ nào mà ở lại làm luận án nữa, tôi về nước.

Nghĩ về Cộng sản

— B.K : Về nước anh dạy học ngay ở Saigon ?

— L.C.T : Không, tôi về nhà quê ở với mẹ tôi và dạy học tầm bậy tầm bạ chơi (dạy Pháp văn) coi thời cuộc ra sao. Tôi thấy việc làm của tôi ở trong phạm vi tư tưởng nhiều hơn là chánh trị trực tiếp, mà tư tưởng thì hồi đó thời cuộc lộn xộn quá nên cũng chưa biết nghĩ thế nào nữa. Tôi thì ước muốn hiệp định Genève được thi hành đứng đắn vì cho đó là điều kiện duy nhất để thống nhất đất nước. Tôi nghĩ nếu hồi ấy Miền Nam mình có một chính quyền ngon lành thì chẳng có lý do gì mình thua Cộng-sản trong cuộc Tổng Tuyển cử cả.

Tôi ở Vinh-Bình được 2 năm chịu hết nỗi, buồn quá sức, thấy cái không khí càng ngày càng ngột ngạt nên phải nhảy lên Saigon.

— B.K : Khi ở nước ngoài anh có lưu ý nhiều về những gì đã xảy ra ở Việt-Nam không ?

— L.C.T : Có chứ, ở nước ngoài, những anh em sinh viên phần đông ai cũng lo nghĩ về nước nhà cả. Hồi đó tôi cũng có ra một tờ báo sinh viên viết tiếng Pháp, có những bài giới thiệu về Việt-Nam, suy nghĩ về những vấn đề Việt-Nam. Lúc ấy những người Công

giáo và những người không theo Cộng sản đều có một ưu tư chánh là: một mặt ai cũng ủng hộ cuộc kháng chiến và một mặt ai cũng rõ những ngời lãnh đạo kháng chiến là Cộng sản. Bởi vậy mà biết rằng sau này sẽ «kẹt» lắm ..

— B.K : Anh có nói đến thi hành đứng đắn hiệp-định Genève nhưng sau 2 năm nếu có Tổng-Tuyển-cử, anh ăn cứ vào đâu mà cho rằng mình sẽ không thua Cộng-sản ?

— L.C.T : Thì anh cũng biết rằng đại đa số những người kháng chiến đâu có phải là Cộng sản. Nhưng các đảng phái quốc gia phần nhiều mất chánh nghĩa vì trong lúc kháng chiến họ đã đánh đi với tụi Pháp. Cả cái chế-độ Bảo - đại, hồi ấy tụi sinh viên ở Pháp chẳng có ai theo cả từ mấy thằng chó chết đóp tiền của toà đại-sứ... Nhưng mà hội nghị Genève dành cho mình cơ hội và một phần đất phần dân. Nếu một người chưa từng đánh đi với Pháp, như ông Diệm chẳng hạn, mà cải tạo được xã hội miền Nam, thì bên quốc gia lúc đó sẽ có chánh nghĩa thật và có thể dùng cái chánh nghĩa đó để tranh đấu chánh trị với bên kia. Khi đó, không có lý do gì mình thua họ hết.

Anh nhớ kháng chiến là một việc khác. Trong khi kháng chiến, khỏi cần cai trị đương nhiên có chánh nghĩa. Những thằng theo Bảo-đại cũng vẫn có mặc cảm và vẫn cảm phục kháng chiến. Bởi vậy khi kháng chiến, họ khỏi phải có trách nhiệm cai trị, cứ đánh nhau, phá đường, phá cầu... Nhưng khi yên tiếng súng, phải cai trị cái phần đất của mình thì nhiều vấn đề phức tạp phải đặt ra để nâng cao mức sống của dân, để lấy lòng dân... thì chắc gì họ đã ăn được mình.

— B.K : Ý kiến của anh đối với những người Cộng sản như thế nào ?

— L.C.T : Nhìn vào quá trình tranh đấu của họ, tôi rất phục họ. Nhưng tôi không thể chấp nhận một số phương pháp của họ. Còn các mục tiêu của họ, nếu xét về mặt lý thuyết, thì chẳng có gì đáng chống đối cả, vì thực ra đó chẳng qua cũng chỉ là các mục tiêu của cuộc Cách mạng Pháp chứ có gì đâu ; họ chỉ lồng vào đó một nội dung thiết thực và cụ thể hơn thôi. Mà các mục tiêu của cuộc Cách mạng Pháp cũng thoát thai từ các tôn giáo, các triết thuyết thời Thượng cổ.

Tóm lại đối với các mục tiêu của họ, tôi không thấy có lý do gì mà không chấp nhận được, nhưng những biện pháp họ dùng để thực hiện những mục tiêu đó thì mình không đồng ý.

Chẳng hạn về vấn đề diệt địa tôi cho rằng phải làm sao cho người chủ điền không còn cơ hội nào bóc lột được tá điền ; như thế phải tiêu diệt giai cấp chủ điền. Nghĩa là tiêu diệt cái cơ- cấu đã làm nảy sinh giai cấp chủ điền, chứ không phải tiêu diệt con người chủ điền.

Trong cái logique của thuyết mác-xít thì lý luận như vậy cũng là đúng, vì theo cái logique đó thì không ai có lỗi cả, lỗi là ở cái cơ-cấu. Trong cái cơ-cấu ấy không ai làm tốt được cả, từ thiện cách mấy cũng vẫn còn bị bóc lột. Phải tiêu diệt cơ-cấu chứ không phải tiêu diệt con người, cho nên Cộng sản họ chủ trương đấu tố là điều mình không thể chấp nhận được.

Nhưng phải công nhận là Cộng-sản họ phân tách xã hội rất đúng, ít nữa là trong các xứ chậm tiến. Và các đảng phái quốc gia nên nghiên cứu sự phân tách xã hội của họ mới có thể đặt ra những kế hoạch cải tạo xã hội hữu hiệu được.

Tác phẩm

— B.K. Bây giờ quay trở về chuyện

các tác phẩm của anh. Anh đã cho xuất bản được 4 cuốn. Riêng cuốn « Cách mạng và đạo đức » tôi được biết đó mới chỉ là phần đầu của một cuốn sách mà anh dự định cho xuất bản sau này, trong đó « Bốn truyền-thống đạo đức » là phần kế tiếp... Vậy cuốn sách anh định viết tới bao giờ thì hoàn tất.

— L.C.T : Thực ra những chương anh vừa nói là 2 chương « Đạo đức học » tôi dạy ở Văn-khoa, rồi anh Trịnh viết Đức ở nhà xuất bản Nam Sơn lấy ra in thành sách. Đây mới là cours tôi soạn ; trong khi giảng cho sinh viên tôi còn khai triển nhiều lắm, nhưng chưa có thì giờ mà viết kịp thêm các phần khai-triển này. Ý của tôi là thế này : Đối với các người trẻ tuổi, không thể bắt ép họ theo hệ-thống đạo đức nào được (Công giáo, Phật giáo gì đó...) mà cũng không thể có một tổng hợp các hệ thống đạo đức nào có thể hấp dẫn họ được. Bởi vậy vấn đề của tôi khi soạn cours hay viết sách về Đạo-đức là khơi dậy được một động lực nào đó nơi người đọc, và chính cái động lực này sẽ thúc đẩy người đọc đi tìm một hệ-thống đạo-đức nào thích hợp với mình.

Bergson nói rất đúng là có hai loại đạo đức : một thứ đạo đức đóng kín dùng áp lực xã-hội bắt người ta phải theo, và một thứ đạo đức cởi mở của cá nhân xuất chúng, các vị thánh không buộc ai theo mà hấp dẫn sự ngưỡng mộ của người ta. Như vậy là có hai thứ động lực, một thứ động lực ở trên đè xuống, một thứ động lực ở trước hút người ta theo. Tôi muốn tìm cái sức hút đó bằng cách trình bày một cách sống động một số thánh nhân. Tôi hy vọng một số sinh viên sẽ chịu sự hấp dẫn ở gương các vị thánh đó mà tự họ tìm lấy một hệ-thống đạo-đức cho mình.

Lý thuyết mà hay, người ta cũng phải nhìn cái lý thuyết đó qua một cá nhân. Như lý thuyết của Thiên-Chúa giáo thì người công giáo nhìn qua cá nhân của đức Kitô và của các vị thánh, lý thuyết Cộng sản thì người Cộng sản nhìn qua các lãnh tụ của họ... Phải cụ thể-hóa lý-thuyết trong những nhân vật mới lôi cuốn người ta được.

— B.K : Trước đây tôi thấy có lần anh đi tìm cuốn «Le saint, le génie, le héros» của Max Scheller, và anh định đưa ra mấy nhân vật lý tưởng tương ứng vậy mấy nhân vật đó là những ai ?

— L.C.T : Là Gandhi, Socrate và St. Just. Gandhi và Socrate thì không kể, nhưng St. Just tôi cũng đã có đủ tài liệu rồi, chỉ chưa có thì giờ viết ra mà thôi.

— B.K : Thánh Gandhi thì ai cũng biết, nhưng tại sao anh lại chọn lựa Socrate và St. Just. Anh có sợ Socrate xưa quá, khó hấp dẫn được thanh niên ngày nay không ?

— L.C.T : Socrate hiện đại lắm chứ. Và chẳng cái test (trắc-nghiệm) để biết một nhân vật có phổ biến hay không là nhân vật đó có hiện-đại hay không. Những nhân vật vượt khỏi mức bình thường là những người đã vượt khỏi dân tộc của họ, vượt khỏi thời đại của họ để thành phổ biến và sống mãi ở mọi thời đại. Những nhân vật mà tôi khoái đó có lên hệ đến tình trạng hiện tại của nước Việt-nam. Tôi khoái Socrate ở cái tinh thần dân tộc của ông ta, cũng như tôi khoái St. Just ở cái Cách-mạng vô tư, triệt để, lý tưởng...

Sống và Viết

— B.K : Như vậy cuốn sách mà anh

muốn viết về Đạo-đức chắc phải có cả những mẫu nhân vật mà anh vừa nêu ra đề «cụ thể-hóa lý-thuyết trong những nhân vật điển-hình». Tôi nhớ khi anh viết «ý thức tôn giáo và ý thức dân tộc» anh cũng nói đó mới là mấy nét phác họa, chứ sau này anh sẽ khai triển để viết một tập sách dày trong đó anh cũng lại nêu St. Just v.v... Vậy hẳn là sau này anh còn phải sắp xếp lại nữa chứ chắc đâu tác phẩm của anh đã nhất định có những phần nào ?

— L.C.T (cười) : Đó là khuyết điểm lớn nhất của tôi. Từ nhỏ tôi chưa bao giờ làm được một cái plan (dàn bài) nhưng anh nhớ rằng, từ nhỏ tới lớn cái gì dở, chứ luận là tôi hạng nhứt luôn luôn ; mà qua bên Tây cũng vậy à, hề luận là tôi hạng nhứt, nhưng chẳng bao giờ tôi làm được cái plan trước cả. Cứ bắt đầu viết là viết rồi lần hồi cái plan nó hiện ra. Sách cũng vậy nữa. Hễ lúc nào tôi có hứng và tôi thấy cái vấn đề gì cần thiết lúc nào đó là tôi viết, rồi lần hồi thì thành ra cuốn sách nhưng tôi không bao giờ làm được một cuốn sách vĩ đại mà có cái plan sẵn sàng cả. Anh Nguyễn văn Trung anh ấy cứ trách tôi hỏi việc đó. Với Nguyễn văn Trung thì hề anh ấy viết xong được cái plan détaillé à anh ấy ơi như bài xong vì cứ theo đó mà viết. Tác phẩm cũng vậy. Anh ấy bảo tôi ngồi mà viết một cuốn sách cho thật ngon, nhưng tôi làm không có được !

— B.K : Anh có một căn nhà đẹp dễ, yên tĩnh, rộng rãi như thế này lại có cây, có hoa, thật là lý tưởng cho việc viết lách, vậy anh làm việc giờ giấc như thế nào ? Viết ban ngày hay viết về đêm ? Có thức khuya không ? Sáng dậy sớm hay muộn ?

L.C.T : Tôi viết lúc có hứng, bất kể ngày đêm. Có đêm thích viết thì thức đến 2,3 giờ sáng. Bây giờ nhiều tuổi rồi (41 tuổi) chỉ thức khuya được đến 1 giờ đêm thôi. Sáng 6:30 dậy.

Trước đây hồi còn chưa làm phát, tôi thích thì viết. Viết cho các báo như «Sống Đạo» cả năm chẳng lấy đồng nào. Có báo trả cho một vài ngàn cũng thích vậy thôi chứ tôi không bao giờ nghĩ có thể viết lấy tiền. Có hứng mới viết được, không có hứng thì vô phương. Nay vừa «làm phát» lại thêm «kiệt mướn» nữa, phải viết đề mà sống thì lại khác. Bởi vậy tôi vẫn ngán viết cho báo hàng ngày. Rồi nhằm đến kỳ phải có bài của mình mà không có hứng viết thì chết cha, không biết làm sao !

— B.K : Anh viết có dễ dàng không ?

— L.C.T : Mỗi bài, như các bài tôi viết cho Bách-Khoa đó, tôi phải bỏ rất hàng mấy chục trang giấy. Viết một lần rồi sửa chữa chép lại cho sạch, rồi lại thêm bớt có khi chép lại nữa. Có ngày tôi chỉ viết được đúng có 1 hàng. Như vậy nên tôi viết mất nhiều công lắm.

— B.K : Có bài nào anh viết một mạch xong ngay không ?

L.C.T : Có những lúc hứng và viết tranh đấu thì chóng. Như bài «Tại sao tôi muốn hòa bình» tôi chỉ viết có một buổi tối là xong thôi.

B.K : Anh đã viết hồi-ký về một học sinh trường Tây, từ lúc mất gốc cho đến khi tìm về được con đường dân tộc. Nghe nói anh định viết hồi ký về những năm anh sống trong chế-độ Ô. Diệm. Vậy tập hồi-ký đó sẽ lấy tên là gì ?

— L.C.T : (cười) «*Những năm ảo tưởng*» đề đổi lại với «*Những ngày chưa quên*» của ông Đoàn-Thêm.

— B.K : Anh có dành cho độc giả Bách-Khoa tập hồi ký đó không ?

— L.C.T : Để ráng xem.

— B.K : Trong *Tìm về Dân tộc*, ở phần hồi ký... có mấy câu thơ của anh. vậy anh làm thơ từ bao giờ và bây giờ có thường làm thơ nữa không ?

— L.C.T : Thực ra tôi làm thơ từ hồi còn trẻ, trước khi vào Đại-học. Sau đó rồi phải học những môn khô khan như Chính trị, Triết... «nguồn thơ» tụt luôn !

B.K : Anh có thể cho độc giả Bách Khoa một bài thơ nào của anh không ?

— L.C.T : Tôi nhớ năm 66 hay 67 gì đó, với mấy thằng học trò cũ, nhân một bữa nhậu nhẹt chơi lúc đó thời cuộc bẽ bối quá — tôi có một bài thơ thời sự bát cú, như thế này :

*Ba năm Cách-mạng nê hĩ chưa cay
Đất nước vì dân đến nỗi này
Chính phủ dăm ba thằng lếu lảo
Hội đồng vài chục đứa thầy loy
‘Bin-đinh’ ngất ngưỡng đau lòng tớ
‘Sờ-nách’ nghênh ngang bần mặt thầy
(thầy đây là thầy Mỹ !)*

*Đánh đi trăm năm hoàn đánh đi
Bao giờ dẹp hết lũ me Tây ?*

— B.K : Đây là một bài thơ thời sự, còn thơ tình cảm nữa, anh phải còn nhớ một vài bài chứ...

— L.C.T : (cười trừ) Thôi, thơ tình cảm đọc mắc cỡ bỏ mẹ ; trẻ thì có, lớn hết rồi ; anh cho qua mục này đi, kéo học trò nó cười chết.

B.K : Anh bản chất thích văn chương, vậy anh có đọc các tác phẩm văn

chương Việt nam không ? Trong các tác giả Việt anh thí h nhất ai ?

— L.C.T : Tôi thích văn chương thiệt, nhưng rồi học Triết và Chính trị nên không còn thì giờ là chưa có dịp đọc những tác phẩm hiện đại của mình. Tôi chỉ có đọc các tác phẩm tiền chiến và mê thì mê nhất Tự lực-văn đoàn còn khoái thì khoái nhất Vũ-Trọng-Phụng Ngô Tất-Tố, sao kỳ vậy không biết...

Niềm tin

— B.K : Đọc Hồi-ký của anh thấy trường hợp gia-đình anh theo Ki-tô giáo cũng thực đặc biệt : thân phụ anh thì theo đạo thờ ông bà, ông ngoại anh thì theo đạo Tin-lành, anh thì lúc bước chân vào trường Taberd chưa theo đạo nào cả.

— L.C.T : Như tôi đã viết trong cuốn sách đó, ông ngoại tôi trước đây giàu có cũng chỉ thờ ông bà, nhưng đặc biệt là ngày giỗ ông tôi không làm cỗ bàn gì cả mà chỉ thắp hương tưởng-niệm thôi. Sau ông tôi quen với một ông Mục sư Tin lành rồi, qua các câu chuyện trao đổi lâu ngày với ông Mục sư, lần hồi ông tôi thuận theo đạo Tin - lành. Nhưng tới bữa, mà ngày hôm sau ông tôi chịu phép rửa tội, thì ông Mục-sư buộc ông tôi có bỏ thuốc phiện ông mới rửa tội cho. Thực ra ông tôi nhà giàu nên hút đề chơi vui và giao du với bè bạn thôi, nhưng ông tôi thấy bị ông Mục sư làm « áp lực », ông ức không thềm nhờ ông Mục sư nữa mà xuống sông tự rửa tội lấy !

Tôi có một bà dì vô Đạo Thiên Chúa vì phải « theo đạo Chồng ». Bà ngoại tôi có bệnh đau bụng, chữa mãi không khỏi sau nhờ dì tôi khẩn cho mà bà khỏi được bệnh đó. Vì vậy mà mẹ tôi cũng theo đạo Thiên Chúa.

Tôi thì trước khi bước chân vô trường Taberd tôi chưa theo đạo nào cả. Rồi khi vô Taberd thì cái tôn giáo đầu tiên mà tôi biết là Thiên Chúa giáo. Thực ra ở Taberd tôi đã như thấy được một lý tưởng nào đó. Lúc đó còn mơ hồ, nhưng rồi cái lý tưởng nó tiến theo với cuộc đời... Ở trường Nguyễn văn Khuê thì được tự do. Tự do thì ai chả thích, nhưng mình vừa thích lại vừa gớm. Thấy các anh lớn bị tìm la, hột soài thì gớm thấy mẹ đi... Vô Taberd là một thế gới khác : bị bó buộc nhiều thứ nhưng được hưởng cái không khí trong lành, thanh sạch thực hợp với tuổi tôi hồi đó. Tôi gặp đứ : Kitô hoạt đầu là chỉ trong sự thanh sạch đó thôi.

B.K : Người ta bảo anh thuộc thành phần công giáo cấp tiến ; Điều đó có đúng không ? Anh hiện có ở một nhóm chính trị hay văn hóa nào không ?

L.C.T : Đối với một số người công giáo chữ « cấp tiến » có một nghĩa xấu : đó là tôi làm loạn, trong Giáo hội thì chỉ trích các Cha, ngoài xã hội thì chỉ trích chánh quyền, đòi đảo lộn mọi trật tự v.v. Tại V.N. chữ « cấp tiến » còn có nghĩa là khuynh tả, thân Cộng, chủ bại v.v..

Theo nguyên nghĩa, « cấp tiến » chỉ là chủ trương thay đổi xã hội (Quốc gia, Giáo hội) theo một chiều hướng mà mình tin là đúng, là tốt, thế thôi. Tôi là « công giáo cấp tiến » theo nghĩa này và tôi nghĩ đó cũng là ý muốn của tất cả những người công giáo bị gọi là « cấp tiến » theo cái nghĩa xấu nói ở trên.

Có những người không bao giờ muốn thay đổi bất cứ cái gì, trong Giáo-hội cũng như trong Quốc-gia, bởi vì họ hưởng thụ rất nhiều trong cái trật tự cũ. Họ sợ thay đổi và luôn luôn lên án, chụp mũ những người muốn thay đổi.

Nhưng thời đại này là thời đại thay đổi cho nên phe bảo thủ thật sự đã hết thời. Những gì mà phe công giáo bảo thủ đã la lối, chửi bới là "rối đạo", "thiên Cộng" v.v vài năm trước đây, bây giờ họ bắt buộc phải chấp nhận. Nhưng chấp nhận mà vẫn ăm ức, hậm hực và vẫn oán mấy cái thằng lóc chóc đã đòi hỏi những điều ấy... Chẳng hạn tại VN họ chấp nhận phải làm hòa bình vì không có đường lối nào khác nhưng họ vẫn chửi bọn "ngụy hòa" mà quên rằng bây giờ họ nói y như bọn "ngụy hòa" đã nói vài năm về trước! Thật là một tâm trạng ấu trĩ và quái gở.

Những người "công giáo cấp tiến" không có một tổ chức nào hết tại V.N. Ở những nơi khác thì có.

Trong giới Công giáo, tôi không có chân trong một nhóm chánh trị hay văn hóa nào ngoài nhóm Sống Đạo.

Trong giới không Công giáo tôi có chân trong Hội Liên-trường và được "phong" làm Cố-vấn của cái Lực-lượng Quốc-gia Tiến-bộ của anh Trần ngọc Liễn. Nhưng tôi không có thì giờ và phương tiện để hoạt động chánh trị trực tiếp. Cũng như không thì giờ lắm.

Lần đầu tiên — và chắc là cuối cùng — mà tôi "làm chánh trị" trực tiếp là trong kỳ bầu cử Tổng-thống và Quốc-hội năm 1967. Tôi còn ăn năn tới bây giờ. .

Viết và Sống

B K : Cuốn sách mới nhất của anh "Tìm hiểu nước Mỹ" nghe đâu chắt vật mãi mới xuất bản được. Anh có thể cho biết anh phải bỏ hoặc phải sửa t ế nào sách mới in ra được.

L C.T : Sách đã bị cấm dưới 2 ông Tổng-Trưởng Tôn Thất Thiện và Nguyễn Ngọc An. Tôi phải bỏ 40 trang, sửa cái nhan đề (sơ khai là "Nghĩ về người Mỹ") và sửa luôn lời nói đầu để cho cuốn sách có vẻ "hiền lành sạch sẽ".

Tuy nhiên, những bài chánh văn được giữ lại y nguyên.

B K : Ngày Chủ-nhật 9/1/69, trong một cuộc hội thảo ở trường Văn-Khoa, các báo đăng là khi kể đến hoàn cảnh hiện tại của anh và câu chuyện anh được một học trò cũ tặng đường và gạo, anh đã xúc động, nghẹn ngào và ứa nước mắt. Vậy bữa đó anh xúc động như vậy thực sao?

L.C.T : Thực đấy chứ? Ai bảo không mà khóc kỳ cục như vậy được. Nhưng cái đó là bắt đầu già rồi đó anh. Tôi suy nghĩ thì thấy đó là tôi bắt đầu lẩm cẩm rồi và về nhà nghĩ mắc cỡ thấy mồ đi. Sau có một chị học trò ngao tôi "Thầy ơi, thầy khóc chi vậy. Có ai đánh thầy đâu mà thầy khóc?". Sướng không (cười).

Thực ra mình khóc vì thương cái anh học trò đem cho mình đường gạo đó và tủi cho hoàn cảnh mình. Thường thì học

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

trò của tôi lâu lâu cũng có đem cho đồ, nhưng là cho bánh, rượu hay sách chẳng hạn chứ không bao giờ đem cho mấy thức như anh học trò đó

BK : Bây giờ trở lại chuyện riêng của anh : anh được mấy cháu rồi ? có phải «phục vụ» gì vợ con không ?

— L.C.T : Tôi được 4 trai một gái và sáng chiều phải đưa đón vợ con đi làm đi học, làm tài-xế cực lắm anh ơi !

— B. : Ngược lại vợ con anh có phải «phục vụ» gì anh hàng ngày không ?

L.C.T : Tôi sống rất giản dị, gần như không có nhu cầu gì hết. Tôi chỉ khoái có hai việc : hút ống vố và uống rượu đế, thứ rượu lậu, rượu đế thứ thiệt ấy. Whisky có ai cho thì cũng uống được, nhưng không khoái bằng rượu đế. À tôi còn ăn trầu nữa. Chuyên môn ăn trầu với bà cụ tôi mà. Cái thích của tôi là nhậu xong rồi ăn một miếng trầu

và hút ống vố ! Hồi tôi đi Tây về, mấy ông tá-đền thấy tôi ăn trầu lác mắt hết ráo. Và tôi uống rượu tửu lượng khá lắm, không có thua mấy ông làng đâu .!

BK : Anh cho chúng tôi xin một tấm hình mới nhất của anh.

L.C.T : Mấy năm nay, tôi chẳng có dịp nào chụp hình cả. Thôi anh lấy tạm cái hình ở passe-port cũ này vậy.

Khi tiễn tôi ra ngoài, anh nhìn thấy chiếc xe máy Honda của tôi dựng ở sân, mắt anh sáng lên, anh nói :

«Trời, tôi vẫn ước muốn có một chiếc xe này để đi dạy học» rồi anh tiếp, mặt buồn thiu : «nhưng giờ thì quá trễ rồi, làm sao mà mua nổi nữa».

Niềm ước muốn và nỗi thất vọng của một giáo sư đại học thật đã đánh dấu được thời-đại dị-kỳ mà chúng ta đang sống.

BÁCH-KHOA

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YT DP.Đ.

nguyễn ngọc lan

đưa ông hay pháo đãi?

TRÌNH BÀY xuất bản

TÌM ĐỌC NGAY :

NGÀN SAO TẮT THƠ

Thơ BẠC-MỆNH-NHÂN

— Một thi phẩm mà tất cả những gì đã cháy lên từ cuộc sống.

— Có bán tại các nhà sách Saigon

TRĂM VIỆT TRÊN VÙNG ĐỊNH MỆNH :

Xin xem B. K. T. Đ. từ số 290-291)

Cộng-sản có mặt

(Xem tiếp B.K số 311)

Tình-trạng ngày nay

Sau thế-chiến, do những trường hợp và những động-lực khác nhau, các Đảng Cộng-sản ở khắp Đông-Nam-Á đều đã dẫn bước vào những cuộc đấu-tranh võ-trang trong phạm-vi mỗi quốc-gia. Hoạt-động của các tổ chức Cộng sản tại Lào, Miên, Phi-luật-tân, In-đô-nê-sia, Mã-lai, Miến-điện đều đã được đề cập sơ lược trong những bài nói về mỗi quốc-gia này.

Trường-hợp Cao-Miên, giai-đoạn kháng chiến chống Pháp mà Cộng-sản cũng chia sẻ được coi như đã chấm dứt ngay khi Hòa-hội Genève 1954 kết thúc. Ngày nay Cộng-sản Miên lại đang tập hợp lại để dựa vào Cộng sản Việt gây rối tại một vài vùng hẻo lánh.

Còn tại Lào, cuộc « ngoại khiên nội chiến » đang rẽ sang một khúc rẽ quan-trọng, nghĩa là đang trở thành chiến-tranh kiểu Việt-Nam thay vì nội-chiến. Những đơn vị Bắc-Việt đã lên lút kéo sang đất này, trong đó có cả các tiểu-đoàn cơ-giới, hiện đang đối chiến với những Lực-lượng đặc biệt mới của Lào do Mỹ thành-lập cùng sự yểm-trợ hỏa-lực mạnh mẽ của Không-lực Mỹ.

Chính tình-hình Việt-Lào đã đẩy

Cộng sản Thái đến những hành-động mới nhằm khai-hỏa một cuộc chiến-tranh có tầm quan-trọng hơn là những hoạt-động phá-hoại lẻ tẻ từ mấy năm nay. Mục-đích, do Trung-Cộng nhắm tới, là khởi sự mở một tuyến khác trong kế-hoạch gây rối liên-tục vùng Đông-Nam-Á.

Sang vùng Đảo Phi-luật-tân, sau thất bại về quân-sự năm 1953, quân Huk đã rút về cố thủ bảo-vệ cơ-sở nhỏ nhoi còn sót lại, nhưng hiện cũng đang cố gắng tuyên-truyền và gây ảnh-hưởng bằng những vụ khủng bố vật.

Tại In-đô-nê-sia, sau cuộc « dậy non » 1965, tổ chức Cộng sản đã vỡ lở quá nặng nề, ít ra cũng phải một thời-gian dài nữa mới lại góp mặt được trong cuộc tranh chấp địa-phương. Chính-quyền nhân dân ở In-đô-nê-sia đang có khuynh-hướng tự ràng buộc sâu vào Khối Mỹ. Đường lối sai lầm này nếu được tiếp tục duy trì trong tương-lai tất sẽ có lợi cho Cộng đảng trong sự phục hồi lực lượng.

Về hoạt-động Cộng-sản ở khu Mã-lai ngoại cuộc nổi dậy và bị giết tan trong thời-kỳ thành-lập Liên-bang Mã-lai (như đã trình-bày trong BK số 305) các phần-

từ Cộng sản khác trong khu-vực cũng có những hoạt-động đáng ghi nhận tại Tân-Gia-ba và Sarawak. Có thể nói, trong khu vực Mã-lai, nòng cốt chung của Cộng sản là Hoa-kiểu, nhưng vì phân cách địa-lý họ đã phát-triển thành ba tổ chức khác nhau (Mã-ai, Tân-gia-ba, Sarawak) tuy tất cả đều hướng về đảng Cộng sản mẹ ở Hoa-lục.

Trong nhóm Cộng sản Tân-gia-ba, một số đã sang bên bán-đảo Mã-lai và đi theo du-kích-quân rút lên Bắc Mã. số còn lại đã len lỏi vào các tổ-chức nghiệp-đoàn và chính-trị khác để hoạt-động. Thập niên 50, tổ-chức chịu ảnh-hưởng mạnh nhất của Cộng sản là Tổng-Liên-đoàn Lao-động. Ngoài thành-phần nòng cốt là người Tàu, Tổng-liên-đoàn cũng có thu hút được một số người Ấn. Các trường Trung-học Tàu cũng góp phần vào việc đào luyện cán-bộ Cộng-sản và đồng thời cũng là những nơi được dùng làm căn cứ tung ra các cuộc xuống đường chống chính-quyền.

Hồi đầu tháng 10-1956, n'ững xáo trộn do Cộng sản gây nên đã đưa đến vụ 14 người chết làm cho chính-phủ Lim Yew Hock phải giải-tán một vài tổ-chức đầu não của Tổng-liên-đoàn. Cộng sản bên xoay hướng hoạt động sang Đảng Nhân-dân Hành-động, (People's Action Party) và chẳng bao lâu cầm đầu được đảng này. Nhưng sau, giới lý tài Trung-hoa đã dùng ảnh-hưởng và tiền bạc giúp phe thân Tây-phương của Lý-quang-Diệu tạo được thế đứng trong Đảng và càng ngày phe Cực Tả của Lim Chin Siong càng bị mất ảnh-hưởng. Lý đã thắng cuộc bầu cử năm 1959 và đã tỏ ra được người Tàu tin cậy trong vai trò lãnh tụ với nhiệm vụ Trung-hoa-hóa Tân-gia-ba. Năm 1961, phe Cộng bên

tách ra thành lập Mặt-trận Xã-hội (Barisan Sosisialis) và còn hoạt động tới ngày nay.

Còn tại Sarawak, trong thế-chiến 2, nhóm Cộng sản Hoa-kiểu đã thành lập Liên-đoàn Chống Phá-xi Sarawak nhằm tuyên-truyền kháng Nhật, nhưng hoạt động yếu ớt không đáng kể và sau đó im lìm dần. Mãi tới khi Cộng đảng Trung hoa hoàn toàn chiếm được Hoa-lục, nhóm Cộng sản Sarawak như được tiêm một mũi thuốc hồi sinh, đã trở dậy hoạt-động mạnh mẽ và tới tháng 10-1951 đã thành lập nên Liên-đoàn Thanh-niên Dân chủ Trung-hoa Hải-ngoại Sarawak.

Liên-đoàn đã tạo được nhiều vụ rối loạn trong xứ làm cho chính-quyền thống trị Anh phải ban bố tình-trạng khẩn cấp vào năm 1952. Năm 1954, tổ-chức này được đổi thành Liên-đoàn Giải phóng Sarawak, và tới 1956 thì biến thành Hội Thanh niên Tiền-phong Sarawak. Tổ-chức cuối cùng này đã võ-trang hoạt-động với sự yểm-trợ của Đảng Cộng-sản In-đô-nê-sia dưới thời Sukarno. Nhưng sau cuộc chính-biến 1965 ở In-đô-nê-sia Cộng-sản Sarawak đã giảm sút hoạt-động đi nhiều, nhất là từ khi có những cuộc hành-quân chung của quân-lực In-đô-nê-sia và Mã lai-Á ở vùng biên-giới.

Trở về với du-kích-quân ở Bắc Mã hiện nay, theo sự ước-lượng của chính-phủ Liên-bang thì số người thực sự cầm súng không còn tới một ngàn. Nhưng vùng ảnh-hưởng của tổ-chức này nằm dài ở hai bên biên-giới Thái-Mã quy tụ hàng vạn người đã giúp bảo vệ an-toàn cho mật-khu trên mười năm nay qua việc tiếp-tế và hoạt-động tình-báo.

Lãnh tụ Cộng-sản Mã hiện vẫn là Chen Ping trong vai trò Tổng-bí-thư

Đảng. Trước đây, năm 1955, đề lôi kéo người Mã và Ấn, Chen Ping đã kiếm được một người Mã là Musa Ahmad và một người Ấn tên là Balan để giao chức vụ Chủ-tịch và Phó-Chủ-tịch Ban chấp-hành Trung-ương. Nhưng sau đó Balan bị bắt và bị cầm tù 7 năm. Lúc được thả ông ta đã tuyên-bố từ bỏ Cộng-sản. Còn Musa Ahmad ngày nay không biết còn sống hay đã chết, nhưng vẫn được Chen Ping đề tên trong các văn kiện của Đảng.

Những cuộc hành-quân của Liên-quân Thái-Mã ở biên-giới trong thời-kỳ gần đây đã gia-tăng mạnh nhằm tiêu diệt cơ sở này. Cộng-sản Mã đã cố né tránh đụng độ với các đơn vị hành-quân lớn để bảo toàn lực lượng, nhưng lại hay tung ra những đòn đột kích và phá hoại nhỏ nhằm gây tiếng vang.

Về các hoạt-động của Cộng-sản Miến, thời kỳ được coi là cộng-tác hoàn-toàn với phe cách-mạng dân-tộc trong Liên-minh Nhân-dân Tự-do Chống Phát-xít, vốn vẹn không được hai năm, từ tháng 8-1944 đến đầu năm 1946 Lãnh tụ Đảng Cộng-sản Miến là Thakin Soe, khi gia nhập Liên-minh, đã mưu tính sẽ nắm giữ vai trò then chốt và nhuộm đỏ dân Liên minh. Nhưng sau thấy kế-hoạch bất thành, Soe liền rút những phần tử thân tín ra khỏi Liên-minh và lập chiến-khu sửa soạn dấy loạn. Lực lượng ly khai do Soe cầm đầu được gọi là Đảng Cờ Đỏ.

Thành phần Cộng sản còn lại trong Liên minh qui tụ dưới sự lãnh đạo của Thakin Than Tun và được gọi là Đảng Cờ Trắng. Sau vụ ám sát Aung San, khi lập nội các U Nu đã không dành một ghế nào cho Đảng Cờ Trắng làm cho Than Tun bất mãn, rút toàn đảng ra khỏi Liên-minh (3-1948).

Từ 1948 đến 1952, hai Đảng Cộng sản Cờ Trắng và Cờ Đỏ, cùng với Tổ-chức Nhân-dân Tự nguyện (1) và Loạn-quân Karen đã chiếm giữ toàn vùng Trung-Miến. Nhưng sau, những cuộc hành-quân của Quân-đội Miến dưới sự chỉ-huy của Tướng Ne Win cùng với những sự chia rẽ giữa bốn nhóm loạn quân vì tranh chấp vùng ảnh hưởng đã làm cho phong-trào dấy loạn suy bại dần.

Một tổ-chức Cộng sản thứ ba do các dân-biểu tả-khuynh cầm đầu đã tiếp tục cộng tác với chính-phủ, nhưng đã rút ra khỏi Liên-minh thành lập Đảng Công-Nông Miến (nhưng vẫn thường được gọi là Đảng Xã-hội Đỏ) từ tháng 1-1951. Tới cuộc bầu cử 1956, Công-Nông Miến đã sáp nhập vào Mặt-trận Liên-hiệp Quốc-gia, và Mặt trận đã giành được 48 ghế trong số 239 ghế của Quốc-hội. Tới cuộc bầu cử 1960, Mặt trận đã bị mất nhiều phiếu trước sự ra đời của Đảng Thống-nhất Quốc-gia do U Nu thành lập và chỉ còn đoạt được 30 ghế.

Dưới chế-độ Ne Win, Mặt trận Liên-hiệp Quốc-gia đã bị phân-hóa mãnh-liệt thành ba hệ-phái: phái thân Nga, phái thân Tàu và phái độc-lập. Do đó, mặt trận này đã tự làm suy yếu trước khi bị chính-phủ Ne Win đặt ra ngoài vòng pháp luật vào năm 1964.

Các phe Cộng khởi loạn ở Miến hiện đang cố gắng vùng vẫy để mở rộng vùng kiểm soát. Trung-Cộng đã nhúng tay vào bằng cách yểm trợ quân-dụng vũ-khí và thúc đẩy tăng gia cường độ khuấy rối, đồng thời cũng vận động

(1) Gồm những phần tử quá khích trong tổ-chức võ-trang nhân-dân kháng Nhật hồi Thế-chiến 2. Nhóm này cũng đã ly-khai vì không được chia ghế trong tân chính-phủ

khai trừ các phần tử thân Nga để mở lối thống-nhất tổ-chức. Song lẽ, vì đứng hẳn sang phe Trung-Cộng, tức là chọn phía đối nghịch với quần chúng Miền, nên dù cố gắng bao nhiêu lực-lượng Cộng-sản Miền cũng không thể nào tạo nổi ảnh-hưởng như đã từng có trong thời kỳ mới thâu hồi độc-lập.

Trái với tất cả các đảng Cộng-sản khác ở Đông-Nam-Á, sau thời kỳ thử lửa đều đã bị què quặt thui chột, phong trào Cộng sản Việt-Nam vẫn tiếp tục lớn mạnh cho tới ngày nay.

Giai-đoạn « chiến - tranh nhân - dân » trong đảng-sử Cộng-sản Việt đã kéo dài một phần tư thế - kỷ. Ánh-sáng của « chiến-thắng cuối cùng » vẫn chưa hề ló rạng. Vì nước dâng thì núi cũng dâng, lực lượng không-Cộng-sản cũng lớn mạnh không kém.

Kể từ Cách-mạng tháng 8 tới nay, hoạt-động của Cộng sản Việt có thể chia ra làm bốn thời kỳ nhỏ :

Thời-kỳ củng-cố chính-quyền (1945-1946).

— Thời-kỳ Kháng-chiến chống Pháp (1946-1954),

— Thời-kỳ xã hội-hóa Miền Bắc (1953-1960),

— Thời-kỳ chiếu-cổ Miền Nam (1960-).

Những mốc thời-gian dùng để phân-định chỉ được ghi một cách rất tương-đối, vì hai thời-kỳ củng cố chính-quyền và xã-hội-hóa Miền Bắc đã trùm phủ lên hai thời-kỳ kháng chiến chuyển tiếp.

Để củng cố chính-quyền, Cộng sản Việt đã gắng tiêu-diệt các phe nhóm quốc gia đối-lập. Mặc dầu, trước mắt quần chúng, họ Hồ đã che dấu bộ mặt

thực của mình bằng cách tuyên-bố giải-tán Đảng Cộng-sản Đông-dương (11-1954). Hơn thế nữa, Cộng sản Việt lại còn tung ra cái bánh vẽ đoàn kết không-lỗi là Mặt-trận Liên-hiệp Quốc-dân Việt-Nam, tức Liên-Việt (5-1946) để thu hút những phần-tử lừng chừng không tham - gia Mặt-trận Việt-Minh. Liên-Việt nghiêm nhiên là nơi quy tụ những người chống đối Cộng-sản, bắt buộc phải tập trung vào đề hoạt động cho... Cộng-sản.

Mãi tới sau 1949, Cộng-sản Trung-hoa toàn thắng ở Hoa-Lục, Cộng sản Việt mới thực sự vững tâm đem Đảng ra hoạt-động công khai trở lại dưới một tên mới : Đảng Lao-động Việt-Nam (3-1951). Hai năm sau đó, dù vẫn còn đang kháng-chiến chống Pháp, Cộng sản Việt đã dọn đường cho một thời-kỳ mới : thời-kỳ xã-hội-hóa Miền Bắc. Hành-động đầu tiên là tung ra chiến dịch cải-tạo tư-tưỏng để chuẩn bị, và tiếp theo là công cuộc cải-cách ruộng đất đẫm máu rập khuôn theo Trung-Cộng (1953-1956). Hiệp-định Genève đã giúp Cộng sản Việt rảnh tay đẩy mạnh công cuộc « xây-dựng xã-hội chủ-nghĩa » ở Miền Bắc. Giai-cấp địa chủ và cả những phần tử bị gán cho là thuộc giai-cấp này bị đem ra làm vật hy-sinh để chế độ hoàn-thành mục-tiêu truất-bỏ tư-hữu tài sản.

Song song với công cuộc dốt giai-đoạn, vượt qua tư-bản tiến tới xã-hội sáng tạo chủ-nghĩa Mác Lê-nin vào điều-kiện Việt-Nam, Cộng-sản Việt cũng còn tự đề ra nhiệm-vụ chiến-lược được mệnh-danh là giải phóng Miền Nam bằng vũ lực từ khi thấy rõ chế-độ thân Mỹ ở Miền Nam sẽ không tự sụp đổ vì mâu-thuẫn nội-bộ như Cộng

sản mong chờ. Đó là nguyên nhân gần đưa tới chiến-tranh VN hiện nay. còn nguyên-nhân xa và là nguyên-nhân chủ-yếu, chính là sự tranh giành ảnh hưởng trên toàn vùng Đông-Nam-Á giữa hai khối Đế-quốc. Ngay từ khi chấp-nhận chia cắt VN là mặc nhiên hai bên đã hẹn nhau một dịp thử lửa ở đất này.

Xét về phương-diện nhân-lực, nếu so-sánh với toàn-thể dân-số Đông-Nam-Á, thì thành phần Cộng-sản không thấm thía vào đâu, nhưng nếu so sánh với các đoàn thể chính-trị hoặc cách-mạng có tổ-chức thì số đảng-viên Cộng-sản cũng rất đáng kể.

Cộng sản Việt hiện nay đã đạt tới con số đảng viên sắp si 700 ngàn người, riêng tại Bắc-Việt đã gồm khoảng gần 600 ngàn. Số đảng-viên trong thế-chiến 2 chưa tới một ngàn, sau cách-mạng tháng 8 đã tăng lên 5 ngàn, rồi tới 20 ngàn vào năm 1946 Cộng-sản đã thu nhận đảng-viên mạnh nhất trong thời-kỳ kháng Pháp. thời kỳ đa số nhân-dân Việt-Nam chỉ tìm thấy chính-nghĩa rõ ràng ở một phe — phe kháng-chiến. Với số đảng-viên đông đảo như vậy, cộng thêm với một chính-quyền khá vững vàng và một quân-đội đã trưởng thành và nhất là được chính-trị-hóa triệt-đề, Cộng sản Việt được coi là đảng có thực lực nhất ở Đông-Nam-Á. Về nhân số, năm 1965, Cộng sản In-đô-nê-sia đã tự khai có tới 3 triệu đảng viên, ngoài là vượt trội hơn Cộng sản Việt nhiều. Nhưng sau vụ chính biến, Cộng-sản In-đô-nê-sia đã bị đàn áp mạnh mẽ và liên-tục suốt mấy năm nay, nên không ai ước tính được thực lực ngày nay ra sao.

Về các đảng Cộng-sản còn lại ở Đông-Nam-Á, số đảng-viên được ghi nhận như sau :

Lào: Từ 1.500 đến 2.000 đảng viên trong tổ-chức chính-trị Neo Lao Hak

Xat, cộng thêm với quân-đội Pathet gồm 3.000 cán bộ và 20 000 binh sĩ.

Miên: Chỉ có trên 100 đảng-viên và độ 2.000 cảm-tình-viên khi đảng Prache-achon hoạt-động chính-trị. Hiện du-kích-quân được phỏng tính chừng 1 000 nhưng không phải tất cả đều là Cộng-sản.

Thái: Trước khi phát động những chiến dịch phá hoại như ngày nay, đảng viên Cộng-sản gốc Thái chỉ ghi nhận có từ 200 đến 300, nhưng số đảng-viên Hoa-kieu thì từ 3.000 đến 4 000 (1965). Hiện nay Cộng-sản Thái đã gia-tăng, riêng số du-kích quân đã tới hàng ngàn.

Miến: Tổng-cộng đảng-viên Cộng sản gồm chừng 5.000. Mặt-trận Liên-hiệp Quốc-gia trước khi bị đặt ra ngoài vòng pháp luật (1964) có từ 5.000 đến 10 000 đảng viên, trong đó số Cộng-sản chính-thức có chừng phân nửa. Nhưng nay con số này có thể đã suy-giảm. Đảng Cờ Trắng hiện có 1.500 du-kích-quân và 2 500 yểm-trợ-viên. Đảng Cờ Đỏ chỉ còn tồn tại có độ 100 du-kích quân và từ 400 đến 500 yểm-trợ-viên.

Mã : Ở Bắc Mã, du-kích quân, đồng thời cũng toàn là đảng-viên Cộng-sản, gồm chừng một ngàn. Trong khi tại Sarawak, đảng Cộng-sản chỉ có từ 100 đến 300 đảng-viên, nhưng số du-kích ly-khai chịu ảnh-hưởng Cộng-sản lên tới từ 1.500 đến 2 000.

Tân-gia-ba : Số đảng-viên đang hoạt-động từ 1.500 đến 2 000.

Phi : Hiện chỉ còn 500 du-kích-quân. Nhưng nhân-số Cộng-sản tập trung khá nhiều ở Manila với từ 1.500 đến 2.000 đảng viên và 12.000 đến 15.000 cảm-tình-viên.

Cuộc trắc nghiệm vĩ-đại

Với những lực-lượng còn sót lại như

vây, hầu hết các hoạt-động của các Cộng-đảng các nước, trừ Việt và Lào, đều đáng chỉ coi là những vụ gây rối. Hơn nữa chiến-tranh Việt-Nam đã làm lu mờ tất cả hoạt-động khác cũng do Cộng sản gây nên trong vùng. Thực ra đây không phải là một cuộc chiến-tranh lớn lao, nhưng tầm mức ảnh hưởng quốc-tế của nó thật là to rộng. Tất cả các phe phái quốc-tế và các quốc-gia trên thế giới đều hướng vào đó để rút lấy những bài học thực tiễn. Cho nên, gọi chiến-tranh Việt-Nam là chiến-tranh Đông-Nam-Á hay thế-chiến hạn chế cũng không phải là quá đáng.

Riêng đối với Phe Cộng-sản, trong cái việc chằm nời đề xi hơi chiến-tranh lạnh ở đất này, chưa từng bao giờ họ lại dám nghĩ đến chuyện *toàn thắng*, nghĩa là có thể nuốt trôi Miền Nam. Việc Tàu thôi thúc và giúp đỡ Bắc-Việt trong cuộc chiến chỉ là chuyện thường xuyên, Tàu phải làm với bất cứ đảng Cộng-sản nào ở Đông Nam Á (một khu vực mà Tàu tự coi là phải nắm giữ vận mệnh) để duy trì cái thế đàn anh của mình. Nga yểm trợ cho Cộng sản Việt, phần nhằm tạo điều kiện đề mặc cả với Mỹ trong các vấn đề khác, phần nằm trong kế-hoạch xía vào vùng ảnh-hưởng của Tàu để chặn bớt việc Tàu xía vào vùng ảnh-hưởng của Nga (1).

Ngay trong cuộc chiến, tính-chất mâu thuẫn giữa nội bộ Đế-quốc Cộng-sản đã bộc lộ rõ rệt nhất và Cộng sản Việt bỗng trở thành nạn nhân, một thứ nạn nhân tự nguyện !

Trong thời kỳ phát động công cuộc cải cách ruộng đất Cộng-sản Việt đã rập khuôn theo đường lối Trung-Cộng ; nhưng tới 1960 cũng chính Cộng-sản Việt đã tung ra chiến-dịch sửa sai nhằm

vớt vát lại chút ít những đồ vỡ khốc liệt do công cuộc trên gây nên. Đây cũng là dấu hiệu cho thấy Cộng sản Việt từ hăm bớt đà chạy theo Tàu. Từ 1960 đến 1962, Bắc Việt cố giữ trung-lập giữa hai đàn anh Nga-Hoa. Nhưng từ 1962 sang 1963, Bắc Việt lại nhích lại gần Trung Cộng hơn do ảnh hưởng Hội-nghị Genève về Lào (1962) và ảnh-hưởng hội nghị cấm thí-nghiệm nguyên-tử Nga Mỹ hồi tháng 7-1963. Năm 1964, xảy ra vụ Mỹ tấn công Vịnh Bắc-Việt, Cộng sản Việt thấy rõ nhược điểm của quân mình về phương diện thiếu trang bị cơ-giới hiện đại, nên đã không ngần ngại cầu viện nơi Nga. Hồi tháng 1/1965, Thủ-tướng Nga Aleksei Kosygin đã viếng Hà-nội đề nghiên-cứu tại chỗ vấn-đề yểm trợ và dĩ nhiên, cũng nghiên-cứu tại chỗ cách nắm giữ Bắc-Việt chắc hơn.

Kết-quả là tới năm 1966, Cộng sản Việt đã đặt vấn-đề xét lại hiệu-năng chiến-lược Mao Trạch-Đông trong nội bộ. Lê-Duẩn, người đã chính-trị-hóa gần hoàn toàn tổ-chức du-kích Miền Nam, đã bị Phạm-văn-Đồng và Võ-Nguyên-Giáp phê-bình kịch-liệt. Phê-bình tư-tưởng Duẩn, tức phê-bình tư-tưởng Mao. Sự kiện này đã gây bất mãn cho Cộng sản Tàu không ít.

Như vậy, trong cuộc chiến ngày nay, Đảng Lao-động Việt-Nam đã chấp nhận và áp-dụng kinh-nghiệm chiến-tranh cách-mạng Tàu từ 1951 và tới 1966 thì

(1) Trong sự quy định vùng ảnh-hưởng của hai trùm Cộng-sản, Đông-Nam-Á nằm trong vùng ảnh-hưởng của Tàu, trong khi Đông-Au nằm trong vùng ảnh-hưởng của Nga. Nhưng Tàu đã xía vào vùng Nga trước trong vụ cò-vỏ An-ba-ni và Lỗ tách ra khỏi vòng kiểm soát của Nga. Ngay gần đây, Tàu cũng lợi dụng Tiệp để tuyên truyền đả kích Nga dữ dội.

xét lại và dần dần chối bỏ. Cộng sản Việt đã tự giải-thích bằng nhậ-định « chiến tranh chống Pháp khác chiến-tranh chống Mỹ » (Nhân-dân số 14-6-1966). Nhưng khách-quan mà nói, chính Nga đã mở đường cho Cộng sản Việt bước vào chiến-tranh bán-quy ước bằng cách cung cấp ào ạt các loại chiến, cụ không thể sử dụng trong chiến-tranh du-kích được ! (1)

Ngày nay, nếu tiếp tục duy trì chiến tranh bán-quy-ước, Cộng sản Việt sẽ phải tiếp tục trông cậy hoàn toàn vào Nga. Còn nếu muốn trở về với tư-tưởng Mao, tự-túc trong du-kích chiến, Bắc-Việt sẽ bị coi như lui bước trước mắt quốc-tế, tức là bị thất bại trong tuyên-truyền. Đó là cái thế dở dang, tấn thối lưỡng nan của Cộng-sản Việt.

Còn Nga, thực sự khi nắm được Cộng-sản Việt rồi, Nga có trù liệu giúp đẩy cuộc chiến tới thắng lợi cuối cùng không ? Chắc chắn là không (2). Vì như trên đã nói, cả Tàu lẫn Nga đều không dám nghĩ đến chuyện « toàn thắng », vì đối với các đại cường, Việt-Nam chỉ là một con bài nhỏ bé trong những con bài mà họ chuyển qua, vật lại. Gây chiến chỉ để lấy cớ mà mặc cả đi tới hòa giải. Hơn nữa, Nga cũng không mấy tin tưởng ở Bắc Việt trong cái thế tranh chấp Nga Hoa. Vì vị trí đặc biệt của Bắc Việt đối với Tàu, cùng với những phần tử thân Tàu còn đầy dẫy ở cấp lãnh-đạo, Nga vẫn e ngại một vụ trở cờ chạy theo Tàu sau này, nhất là trong trường hợp Bắc-Việt không còn cần Nga trợ giúp như ngày nay nữa. Kinh-nghiệm này về Nga trong lịch sử đã được chứng tỏ trong việc Nga trì hoãn trợ giúp Cộng sản Tàu đạt được thắng lợi cuối cùng trên lục-địa hồi cuối thập-niên 1940, vì Nga

thấy rõ *thắng lợi hoàn toàn* ấy sẽ làm Mao vượt khỏi vòng kiểm soát của Mốt-cu.

Trước một tình-thế như vậy, Bắc Việt hiện vẫn chưa bỏ hẳn ý-định trở lại với Tàu, nhất là từ sau ngày Hồ-Chí-Minh chết. Nhưng dù thế nào mặc dù, ai cũng phải nhìn nhận chiến tranh Việt, Nam đã kéo dài một cách quá đáng. Theo Nga đề tiến lên quy-ước-chiến đã không xong, mà lui về với Tàu để rồi lập lại những hoạt-động quấy rối phá hoại như đã từng làm thì chỉ càng kéo dài vô ích thêm chiến tranh mà thôi. Mà chiến tranh càng kéo dài, cả hai phe đối chiến sẽ càng bất lợi. Vì trong cái đầu khỗ ê chề từ thế-hệ này qua thế hệ khác, nhân dân Việt-Nam, nhất là nhân dân Miền Nam, đã dần dần giác ngộ về thân phận mình cũng như thân phận dân tộc mình. Cho tới một lúc nào đó, như tức nước vỡ bờ, một sự tự bùng phá sẽ khởi lên, bất lợi cho Đế-quốc Mỹ đã đành mà còn bất lợi hơn nữa cho Đế-quốc Cộng sản - vì sự bùng phá ấy khởi nguồn từ một ý-thức trái hẳn với ý-thức Cộng-sản, đó là *ý thức dân tộc*.

PHẠM - VIỆT - CHÂU

Kỳ sau : **Tàu và Đông-Nam-Á**

(1) Năm 1965, Tàu cảm thấy Cộng-án Việt đang chuyển đổi đường lối chỉ đạo chiến-tranh nên đã cảnh cáo trước trong bài « Yếu tố quyết-định thắng bại trong chiến tranh là Người chứ không phải vật-dụng » trong Hồng-Kỳ số 7, ngày 14-6-1965. (Survey of China mainland magazines số 48', 26-7-1965).

(2) Hồi tháng 2-1966 Ủy-viên trung-ương Đảng-bộ Cộng-sản Nga A.N.Sholepia trong dịp viếng Hà-nội đã nhắc nhở cho Bắc-Việt biết Nga không thể theo đuổi chiến tranh Việt Nam đến cùng, vì gánh nặng (và cũng là vùng trách-nhiệm) của Nga là ở Âu-châu (Theo John R. Thomas trong Current History, 11-1968).



Nhức đầu
• Nhức
Budon
TRI:

Nhức răng, nhức môi, đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ

KN số 1211/BYT/QCĐP

NÓ. ĐẾN SÁCH, NHỚ NGAY ĐẾN
ĐỊA CHỈ ĐÁNG TIN CẬY:

TỰ' LỰC

Số 92 Đại lộ Lê-Lợi — Saigon

Đ.T. 20.267

SÁCH VỞ GIẤY BÚT, DỤNG CỤ VĂN PHÒNG VÀ HỌC SINH
SÁCH GIÁO KHOA

VIỆT, ANH, PHÁP,

Bút máy các hiệu có tiếng, sản phẩm hảo hạng, được tín nhiệm
xưa nay. Luôn luôn những sách mới xuất bản đều có bán tại.

NHÀ SÁCH TỰ-LỰC

Ngày về của An

Chị An vục đầu trong thau nước bồ kết. Máu áo chị đang mảy lông vào mặt, nhôm hắt ra một khoảng ánh sáng nhạt nhạt phía dưới chân. Hai chân chị chụm lại trong một thế ngồi một nhọc của người đàn bà cò mang. Đứa con gái lớn của chị đang ôm những cành củi vừa nhặt được ngoài vườn bước vào nhà. Con bé khoe với mẹ tôi :

— Nội thấy không hôm nay con đã có một đồng củi khô để chơi nhà chơi với nhỏ Trinh, tại con sẽ nấu một bữa giỗ to bằng bữa giỗ ông nội ấy.

Mẹ tôi đang đọc thơ Lục Vân Tiên, bà lấy kính ra khỏi mắt quay ngoắt Phụng cười :

— Có cho bà nội dự với không ?

Phụng khom lưng để nắm củi xuống đất, vuốt mái tóc cắt ngắn nheo mắt nói :

— Có chứ, nhưng mà Nội phải mua à nghe. Một chén năm đồng. Chị An giữ tóc ngoài nắng. Lưng chị gập song song với cái bưng in dài trên mặt sân gạch. Hai bàn tay xanh xao có những đường gân lông trong tóc với chiếc khăn lông nhỏ. Chị ngoắt vào gắt :

— Ngày tối cứ đi lượm củi không lo học. Con Phụng này thế nào cũng bị ăn đòn.

Mẹ tôi cười, vỗ vỗ bên cạnh chỗ nằm nói :

— Thôi con lên nằm bên cạnh Nội đọc thơ Lục Vân Tiên cho nội nghe có buồn ngủ thì ngủ. Trưa rồi. Coi chừng nó đánh đòn đấy.

Phụng thoáng ngoắt chị An rồi leo lên nằm xuống bên cạnh mẹ tôi. Phụng cầm lấy sách lật qua lật lại một lúc ẽ a đọc : Trước đèn xem chuyện Tây Minh, Gẫm cười hai chữ nhân tình éo le. Hỡi a lẳng lạng mà nghe...

Tôi buông tờ báo bước ra đứng dưới cái mái che chằm một đống thuốc. Buổi trưa trong nhà nóng âm ỉ như một lò than. Bên ngoài nắng như đập thẳng vào mặt, như cửa vào trông con mắt một phiến lá mía non không thành hình đáng một nỗi đau, nhưng thấy xót xa ra rứt. Tôi đứng thở khói, nhìn say sưa những bức tường bị nắng tấp từng khoảng lớn. Những bức tường mờ nom như thềm đã nghiêng theo một chiều ra phía con đường hư chạy ngang qua, lúc nào cũng có những chiếc xe nhà binh to tướng bóp kèn lao vùn vụt trong đám bụi bốc cao lên tới những ngọn cây lao chao giữa trời. Chị An vẫn nghiêng đầu giữ tóc nói sau một nụ cười :

— Chú có nghe thấy tiếng máy đệt chạy không ? Như thềm tiếng mưa há. Nếu trời không có nắng tôi vẫn ngỡ là đang mưa.

Tôi ném cái tàn thuốc lăn lóc trên khoảng sân bước vài bước gặt đầu :

— Cũng hay hay. Nghe nó riết tôi cũng đâm ghiền. Khi phải đi xa nếu có nhớ trước hết chắc tôi nhớ tiếng máy dệt.

Chị An đã giũ xong tóc. Chiếc khăn được quấn ngang cổ. Khi chị bước tới, gần, tôi nhìn ra những đường gân xanh nổi hẳn lên, không hiểu sao tôi lại tưởng tượng chị An như một người đàn bà trong tranh vẽ. Hình như tôi có xem ở đâu đó một bức chân dung gần giống như vậy. Chị cười :

— Thật không ? Còn cô Hoa bỏ đi đâu?

Tôi đùa:

— Hoa bỏ ? Hoa bỏ trong túi áo.

Chị An háy mặt :

— Thương em chẳng biết để đâu, để trong túi áo lâu lâu anh dòm phải không?

Tôi ngồi xuống bậc thềm. Chị An cũng ngồi xuống một chỗ có nắng dọi tới để hong tóc cho khô. Tôi nghe lẫn trong cơn gió thổi hiu hắt qua khoảng sân mùi hương tóc ướt và mùi bồ kết của chị An. Máy chày lá khô, vài mảnh giấy vụn, bị gió lùa trên mặt sân. Những chiếc lá khô gây thành tiếng động nghe dòn như miếng bánh trắng bị bẻ cong. Từ phía ngoài có tiếng xe kéo xành xạch vào ngõ hẻm rồi đỗ xích lại. Tôi nhòm người nhìn ra thấy mấy người lính đi xe gắn máy ngơ ngác tìm nhà. Chị An nói vu vơ.

— Cứ tưởng anh An về.

Tôi nói :

— Về đâu bắt tử.

Chị An quay lại, có một thứ cảm giác ngưng đọng trên mặt chị :

— Anh ấy sắp được cái phép.

— Lâu rồi nghe anh than hành quân liên miên muốn dù một hôm về thăm nhà mà không dám. Sao chị không lên thăm anh ấy ?

— Chú nghĩ coi bụng tôi như vậy đi từ đây lên Đức Hòa về chắc có nước chết. Xe đồ dẫn như mình sắn gạo, Chị ớn lắm.

Mấy người lính ngơ ngác tìm kiếm một hồi rồi trở ra. Tiếng xe cũng mất hút luôn ngoài đường. Trong những khoảng mát ngó thấy được của con hẻm tui trẻ con đang chơi thả đáo, chúng cãi vã cười đùa chửi tục nghe rõ mồn một. Thỉnh thoảng tôi thấy hai đứa cồng nhau nhảy chấp chới ra khỏi bóng mát để theo một hòn chàm ném trúng. Tự nhiên tôi đâm ra nuối tiếc cái tuổi đó, tuổi ấu thời với những cuộc chơi bất ngờ đầy lý thú. Nếu không nhớ tới, nó như bị lẫn mất từ lúc nào, nhưng chợt nhìn lại mới biết nó vẫn còn quanh đây. Tôi bỗng nhớ tới An và những kỷ niệm ấu thời. An và tôi cùng cha nhưng khác mẹ. Người vợ trước của ba tôi, mẹ An, đã chết lúc An mới có ba tuổi trong một cơn bạo bệnh. Ba tôi đi cưới mẹ tôi về để lo chăm sóc mấy vòng bông vải, mấy khung cửi, và nuôi An. Tôi được sanh ra trong những năm ba tôi theo kháng chiến chống Pháp. Tôi nhớ như in ngôi nhà ở quê nhà. Ngôi nhà ba gian có những hàng cột gỗ đen bóng loáng nằm bên những vòng bông vải trắng tinh, bên vườn mía Ngự, bên lũy tre luôn luôn có những bụi măng để tôi và An lên cắt. Ngày nhỏ An nghịch không ai bằng. Tôi nhớ một hôm ở gà mẹ tôi đang ấp được mấy ngày bị An khoét vách bóc từng hột chàm cây kim vào vỏ hút tròn xong để lại như cũ. Ở gà ấp hoài không thấy nở con, mẹ tôi mang

ra thử lúc đó mới phát giác không có một hột nào thoát khỏi cây kim thần sầu của An. Mẹ tôi buồn lắm nhưng không rầy mắng gì An cả bởi mẹ thương tôi như thương An. Và tôi, hình như tôi cũng thương An khi ngắm Suốt khoảng đời thơ ấu tôi không có với An một lỗi nhỏ nào trừ một lần tôi và An sang chơi nhà một người bà con. Anh đã vô tình chỉ cõ b. tôi trốn Tây bị tôi vẽ mách lại. Hôm đó An bị một trận đòn tơi bời. An bị đánh đến chảy máu mũi. Tôi vẫn mang từ một ngày thơ ấu đó cái ám ảnh tôi lỗi đối với An. Và tôi vẫn sợ hãi mỗi khi nghĩ tới dòng máu đỏ tươi rỉ ra từ mũi An sau trận đòn của ba tôi. Nhưng An, chắc đã quên điều đó.

Chị An ngồi trong rặng một lúc tóc chị nom đã khô. Chị đứng lên ngó thoáng ra con hẻm nơi

— Chắc mai một anh An sẽ về.

Tôi âm ừ trong miệng. Lúc này, trong nhà tiếng đọc thơ Vân Tiên của Phượng đã im bặt. Mẹ tôi chắc đã ngủ.

Chị An hỏi :

— Hôm nay chú không đi chơi đâu?

— Định đi đâu đó một chút để tránh cái nóng nhưng chưa biết đi đâu. Thành phố lắm lúc nom nhỏ hẹp như một chiếc hộp đựng đồ của trẻ con chị ạ.

— Hy vọng tối sẽ có cơn mưa.

Nghe chị An nhắc mưa tôi chợt nhớ là đã hơn một tuần nay không có cơn mưa nào trút xuống thành phố. Những ngọn cây ngồi ở đây thấy từ xa nom mốc khô vàng úa. Những con đường mấy hôm đưa Hoa đi chơi cũng mang cái vẻ nôn nóng thiếu hốt của mùa hè.

Mùa hè trên tà áo dài màu lụa vàng tươi, mùa hè trên những chiếc lá me úa héo vô tình bay ngang tầm mắt. Tôi đang ngóng một cơn mưa về cho mình. Chị An cũng đang ngóng cho lòng chị một cơn mưa. Tôi ngó chị An cười :

— Hy vọng lắm một cơn mưa về cho chị ngày mai.

Chị An cũng cười :

— Chú trên tôi đấy hả ?

Phượng từ trong đi ra đứng bên cạnh mẹ dụi mắt ngó lơ đằng ra đầu hẻm. Chị An nói :

— Sao không ngủ thức dậy làm gì ?

Phượng ngồi khoanh tay dưới thềm :

— Nóng quá. Con đọc thơ Vân Tiên cho bà Nội nghe rồi ngủ quên chớ bộ.

Tôi hỏi :

— Chuyện cái nhà chòi với đồng củi khô của cháu tới đâu rồi ?

Phượng cười :

— Đợi nhỏ Trinh thức dậy sẽ chơi nhà chòi. Chú có mua hàng của tụi cháu không ?

— Không, chú bận phải đi.

Phượng tròn mắt kêu “ ư ” một tiếng trong miệng. Tôi châm điếu thuốc đứng lên vào nhà thay đồ, định sẽ xuống quán nước quen tìm mấy người bạn. Lúc trở ra chị An nói :

— Ước gì chiều nay anh An về thì vui mấy chú nhỉ ?

Tôi mỉm cười bước qua khỏi chỗ hai mẹ con. Khoảng sân trước mặt in ngơ ngác một vài tia nắng. Tôi nghe thấy đâu đó từ bên kia bờ tường tiếng húyt sáo của một đứa trẻ con.

Chiếc xe Lam dừng ở bến. Tôi và mấy người khách cuối cùng nhảy xuống trả tiền cho người tài xế ngồi phía trước. Người đàn bà ngồi chung một băng với tôi lúc này đang cãi nhau với người tài xế. Tôi ngó phớt người đàn bà vì nghe bà quát âm giọng Bắc nọ. Người đàn bà đang gân cổ chia tám giấy năm đồng nói khoảng đường gần xí h vậy mà ông ăn đắt quá, năm đồng không chịu thì tôi thừa lĩnh. Người đàn ông nói thừa thì thừa tôi đâu có ngán, lệnh của chánh phủ cho lên hai đồng mà. Tôi mỉm cười chia tiền trả người đàn ông xong băng qua đường. Mấy chiếc xe buýt chạy rầm rì chờ hành khách trong bến. Tôi móc túi tìm bao thuốc nhưng lúc thay chiếc áo tôi đã bỏ quên ở nhà. Vậy là phải ghé hàng thuốc lá. Tôi chép miệng, bước vòng qua một vài người đứng đợi xe, nằng nặc mắt những người băng qua đường nhiều lại, tôi nghĩ chắc tôi cũng đang có một cặp mắt tức cười như vậy.

Tôi khui bao thuốc rút một điếu gắn lên môi tìm một chỗ kín gió bật diêm, điếu thuốc vừa cháy người cảnh sát cũng vừa ra hiệu cho những người đi bộ băng qua đường. Tôi đi lẫn vào đám đông. Buổi chiều thành phố thật nhộn nhịp. Đã lâu tôi không còn cái thú vui đi một mình trên những đường phố đông nghẹt người, chen lẫn giữa những đám đông, nhìn người ta trả giá hàng, ngắm người ta mua sắm. Đời sống tôi từ đó như đã tách rời, trôi mất vì những bận rộn cần thiết cho công ăn việc làm. An đi lính làm gia đình có thêm một nỗi lo âu mới ngoài cái lo âu sẵn có của đời sống hiện tại. Tôi nghiêm nhiên trở thành một người quan trọng của gia đình. Có trách nhiệm, có

những lo âu làm tôi mệt ngất lên. Mẹ tôi khó khăn vất vả lắm mới sang được một cửa hàng bán đồ trẻ con. Chị An từ lúc bụng lớn thường mẹ mỗi k ông còn rí phụ với mẹ tôi. Do đó lúc này mẹ hối tôi tính chuyện lấy vợ. Tôi chỉ cười lắc đầu. Mẹ tôi trách. Tôi nói con sẽ phải đi lính, người ta sắp gọi tôi nơi lấy vợ chỉ thêm khổ. Vả lại con cũng không biết lấy ai. Chị An nó cô Hoa đó coi. Mẹ tôi cũng bằng lòng nói ở coi. Hoa nó hiền lấy về cho nó trông nom cửa hàng với mẹ. Tôi nói tính gì cũng phải đợi con đi lính xong đã. Mẹ tôi không biết làm sao hơn, nhưng lâu lại nhắc. Trông mẹ tôi thật sự đã nôn nóng thế mà tôi lại bình thản như tờ giấy. Hình như Hoa đã được chị An cho biết điều đó nên lúc sau này nàng ngó tôi bằng chiều sâu của đôi mắt. Tôi đã gián tiếp đọc được từ nơi đó những điều nàng không nói ra. Nhưng chắc hẳn là những điều đau đớn, những cái vói tay chụp bắt muợn màng cái bóng ngũ sắc của hạnh phúc đã bay qua.

Tôi rời bỏ những đám đông bước vào quán. Buổi chiều xao xác trên lá cây. Tiếng động cơ xe cộ, tiếng cười thốt nhiên ở đâu đó đều đứng lại bên ngoài cửa kiếng. Tôi ngo mắt vòng tìm những gương mặt quen. Trong quán đầy khói thuốc. Tiếng cười nói không xoá được hết một vài khuôn mặt đậm chiều bên tách cà phê bên những chai bia.

Tôi ngồi nhấp nháp từng ngụm trà và yên lặng ngắm mọi người. Một vài người lính đẩy cửa bước vào ngơ ngác làm tôi nhớ An. Một dạo tôi và mấy người bạn lên tận chỗ An đóng tìm anh vì lâu quá không nghe tin tức gì của anh mẹ tôi và chị An nóng lòng. Con đường từ Hốc Môn lên Đức Hòa đầy

bụi đỏ và những bắt trắc. Mấy người bạn và tôi vừa đi vừa sợ. Khi tới nơi vị Thiếu Tá chỉ huy An bảo anh vừa đi. Mấy lần khác An có về chơi một vài hôm nhưng tôi và An ít nói chuyện. Thường thì cũng không có chuyện gì để nói. Và tôi chỉ biết anh trở lại đơn vị qua chị An mà thôi. Lúc s u này nghe tin Đức Hòa thường có đụng trậ lớn cả nhà đều lo cho anh. Mẹ tôi hàng đêm khi thắp đèn cúng vái đều nói có cầu nguyện cho An. Chị An và hai đứa con cũng nói không đêm nào không mơ thấy anh về. Tôi nhớ mảnh giấy anh ghi KBC của anh tôi hãy còn giữ trong túi áo, định hôm nào rảnh sẽ biên cho anh một cái thư, nhưng rồi cũng không biên được. Bây giờ, tự nhiên tôi cũng mong An được cái phép về thăm nhà. Tôi hình dung ra anh với bộ đồ trậ, chiếc nón rùng rợn vành kéo sụp xuống mí mắt.

Tiếng tăng hăng từ ngoài cửa và giọng cười bay qua khe cửa sân tới hai đứa con của anh. Tôi bỗng hiểu vì sao chiều nay chị An gọi đầu bằng bồ kết.

Khi nắng bên ngoài đã tắt hết, một phần lớn người trong quán bước ra đường. Quán bây giờ nom vắng ngắt với những dãy bàn bỏ trống. Những chiếc ghế ngồi bọc da đỏ, những cái gạt tàn thuốc bằng sứ màu nâu đều mang cái vẻ tro vợ sau bữa tiệc vui. Tôi đã uống hết tách trà, nhìn mọi người lần lượt bỏ đi, đến một lúc chỉ còn lại một mình tôi trong quán. Lúc đó tôi châm một điếu thuốc, móc túi để tiền lại trên bàn đứng lên đi ra cửa. Đèn đường đã sáng, tôi đi thẳng không nhìn lại. Thốt nhiên tôi nghe vài cơn gió lạ, mát lạnh, thổi đùa những chiếc lá khô trên mặt đường. Tôi

đoán thầm trời đang sửa soạn một cơn mưa lớn. Và quả thật cơn mưa đột ngột trút xuống khi tôi đi ngang qua rạp chiếu bóng. Tôi chạy vào đứng trên bậc thềm tránh mưa ngó ra. Mưa làm mờ bức tượng của công viên trước mặt. Những ngọn cây chìm khuất, rũ rượi, nom thật buồn thảm. Rạp chiếu bóng đang chiếu một phim ăn khách. Giờ này chưa mãn xuất nên chỉ có một vài người đứng ở đây nấp mưa. Tôi đứng nhìn lơ đãng những bức hình tài tử, những người bán vé ngồi phía trong cửa kiến. Cặp tình nhân đứng im một góc, cô gái ngó ra ngoài mưa có vẻ lo âu. Tôi nhớ loáng thoáng đến hình bóng Hoa. Và chợt bàng hoàng như gã si tình đứng nhìn người yêu đi bên cạnh người khác. Tôi quả thật chưa biết làm một người tình nhân. Chưa phải bụi mưa dính trên tóc em một lần. Điều đó tưởng chừng như chúng ta đang nhảy qua hai bờ mương của nhau. Kể đứng bên này người đứng bên kia, nhìn ra cái khoảng cách phiêu hốt đời mình. Phải không em ?

Cơn mưa kéo dài tới mãn xuất hát mới ngớt hột. Tôi lại đi lẫn vào đám đông để ra đường. Cơn mưa rửa thật sạch những hè đường, mặt nhựa trơn bóng. Tôi đi dưới hàng cây, thỉnh thoảng nghe một vài giọt nước đọng rơi xuống tóc. Gió bây giờ như có lẫn hơi nước, mát lạnh... Tôi mời thuốc liên tiếp. Những điếu thuốc được đốt thành khói cũng như ngày tháng sau này đối với tôi là một điều tội nghiệp hết sức. Có lúc, tôi như tro vợ trong căn phòng trống. Làm việc âm thầm trên đó và ngắm nhìn âm thầm xuống thành phố. Những khung cửa sổ lem ủa một thứ màu sắc của thời gian mưa bụi. Những mái nhà tro vợ từng phiến ngói nâu sẫm. Những

cái cây cao ở xa, những chiếc lá ở gần đều thu hút tôi suốt một ngày làm việc. Buổi sáng tôi thường tới sở rất sớm, khi khắp mọi ngã đường còn ngầy ngất hơi xăng của mọi loại xe cộ. Mùa hè chỉ nóng lửa ở buổi trưa. Sáng sớm thường miên mang những cơn gió lạ. Lá xe dưới hai hàng cây cao, tôi có thể nhìn và nghe sự xao động của lá, tiếng cành rung. Qua một chiếc cầu mới thiết lập rộng thênh thang tôi nhìn thoáng dòng nước đang chảy. Những người lính đứng gác hay đi đi lại lại trên chỗ dành riêng cho người đi bộ. Mùa hè đó, đóng khung từng hình ảnh thấp bé nhất. Mở rộng từng cánh cửa sơn xanh to lớn nhất. Ở đâu, tôi cũng miên man bóng dáng của em và bóng dáng của hạnh phúc còn bay nhảy như chim sẻ. Tôi thường đậu xe cách xa sở làm rồi đi bộ tới. Leo lên hai tầng thang lầu, đi suốt một hành lang hun hút có những bóng đèn vàng ửng chưa tắt. Thường tôi cố ý nhìn bóng tôi lồng qua cửa kiếng của mấy căn phòng tầng dưới. Cái bóng lướt nhẹ rồi đắm thắm mất tăm. Ở sở, tôi ít khi chào hỏi ai trừ trường hợp họ chào hỏi tôi trước. Tôi cũng ít khi bước ra khỏi phòng làm việc trừ trường hợp cần thiết phải mua bao thuốc lá. Những người khách của bạn tôi tới chơi đều than phiền không ít thì nhiều về sự lảm lì khô cứng của gương mặt tôi. Họ làm tôi buồn cười và bất chợt không tin tưởng ở gương mặt mình nữa. Mặt tôi lảm lì và khô cứng đến như vậy sao? Tôi cũng ít khi nói chuyện với người bạn. Cả hai như rúc vào chiếc ghế của mình. Người bạn thường đi bất ngờ còn tôi lúc nào cũng ngồi lại đến hết giờ mới rời khỏi căn phòng, mang theo một ít mỗi một và những điều cần

giải quyết. Có lẽ, tôi cần phải thay đổi một vài thói quen thường ngày. Có lẽ, tôi cần phải nghe lời mẹ tôi chăng?

Tôi băng qua rất nhiều những ngã tư không đề ý đến đèn hiệu. Cơn mưa lại rắc hạt trở lại. Tôi đi thật nhanh, gần như chạy để tới bến xe. Tôi phải tranh nhau với mấy người đàn bà lĩnh kính võng tưng để có một chỗ ngồi trên xe trước khi cơn mưa ập xuống. Tôi đốt thuốc giữa những tiếng động. Tiếng cãi vã hoặc phiến trách mùa hè có những cơn mưa kỳ cục. Khi xe bắt đầu chạy tôi nghĩ tới An và những ngày phép của anh. Có lẽ An đã về. Đi theo chiếc nón rùng rợn vành băng qua khoảng sân làm tôi thích thú.

Tôi bước vào nhà giữa những tiếng khóc. Mẹ tôi đang ngồi trong chiếc ghế bật dậy quệt nước mắt nói không thành lời:

— Thằng An nó chết rồi.

Tôi khựng lại, sửng sốt nhìn mẹ tôi buông người trở lại lòng ghế. Chị An và hai đứa bé ngồi bệt dưới nền gạch. Phượng ngồi bên chân mẹ. Trinh ngồi sau lưng. Mỗi lần chị An nấc lên hai đứa bé khóc òa theo. Tôi ngồi xuống chiếc ghế đối diện với mẹ tôi. An chết thật rồi sao? Căn nhà đột nhiên như một cái hầm tối tăm, những cánh cửa sổ là những con đường sâu hun hút ngợp hồn. Tôi ngó ra khoảng sân. Cơn mưa còn để lại những vũng nước đọng lênh láng chấp chóa ánh đèn từ trong hắt ra. Những cái cây rũ ngọn ướt sũng và im bóng. Chị An vừa nói vừa khóc:

— Mấy người lính bạn của anh An vừa tới đây cho hay. Họ vừa đi thì chú vừa về tới. Bây giờ làm sao đây?

Câu hỏi của chị An làm mẹ tôi và hai đứa bé khóc nức lên. Tôi như dán chặt vào ghế. An chết thật sao? Tôi ngồi ngó quanh căn nhà. Mọi thứ đồ vật từ bây giờ đều mang cái vẻ tối tăm u uất như chính cái bóng phía sau lưng chị An. Mẹ tôi khi một lúc nom bà như bị chìm trong một thứ khổ đau cùng cực. Mẹ tôi cố gắng nói:

— Đâu con chạy lên nghĩa trang Quân Đội coi. Máy người nói xác của anh mày đã đem về đó rồi.

Chị An cũng nín khóc ngó tôi:

— Chú chạ giùm lên đó coi ra sao. Tôi chưa biết phải làm gì bây giờ. Khổ quá. Tưởng anh ấy về phép không ngờ lại chết như thế này. Anh ấy đi tiếp viện chú ạ, bị bắn khi từ trên trực thăng nhảy xuống. Một viên vào trán, một viên vào ngực...

Tôi đứng lên nghe loáng thoáng lời kể lể của chị An. Trình mếu máo ôm chân mẹ. Phượng quệt nước mắt nói:

— Chú cho cháu đi với. Cháu muốn thấy mặt ba

Tôi nói:

— Chưa được. Đề chú lên xem sao đã, mai cháu hẳn đi. Tôi sang nhà người bạn hàng xóm nhờ lái xe chở tôi đi lên Nghĩa trang Quân Đội. Lúc người bạn lái xe ra đầu hẻm tôi chợt bắt gặp một người lính có vóc dáng rất giống An. Tôi suýt bất kêu lên. Người lính đã đi qua chỗ ánh sáng đèn. Tôi nhìn kỹ, anh ta không có đội chiếc nón rừng rộng vành như An. Người bạn hỏi:

— Anh An chết lúc nào?

— Không biết, tôi chỉ mới nghe nhà nói lại.

— Lúc này tôi có thấy mấy người lính vào nhà rồi trở ra.

— Bạn của anh An đó.

— Chắc đúng trận lớn lắm. Đức Hòa Đức Huệ mà.

Người bạn phóng xe thật nhanh qua những con đường. Tôi ngồi phía sau im lặng như một pho tượng. An chết thật sao? Tôi hy vọng có một sự lầm lẫn nào đó. Một cái tên An nào đó xa lạ, không có liên hệ gì đến tôi. Người bạn và tôi xuống xe, dắt họ vào cổng. Mấy người lính gác chỉ vào trong.

— Hỏi ở phòng trực.

Tôi và người bạn đi trên lối sỏi dẫn qua những ngôi mộ xi măng. Hàng cây chụp xuống những khoảng tối. Cơn mưa còn đọng lại những giọt nước mát lạnh. Ngang khoảng sân rộng ướt sũng nước mưa, bên dãy nhà trống phía tay mặt tôi thấy mấy chiếc quan tài đồ chơi kê thành một hàng. Nến thấp sáng trưng. Mấy người đàn ông, đàn bà, và trẻ con đứng ngồi ngẩn ngơ ngang trên bậc thềm. Tiếng khóc kể nghe ớn lạnh xương sống. Tôi nói người bạn chờ bên ngoài rồi đi thẳng vào phòng trực. Sau khi tôi nói rõ tên họ đơn vị của An người lính lật cho tôi xem một cuốn sổ lớn. Anh chỉ vào một trang có ghi sư đoàn 25. Tên An được đánh dấu bằng một vạch chì đỏ. Tôi gật đầu hỏi một vài chi tiết cần thiết rồi trở ra. Người bạn hỏi:

— Có tên không?

Tôi gật đầu leo lên ngồi ở phía sau nói:

— Sáng mới vào nhìn xác được.

Người bạn quay xe lại. Tôi nhìn những ngọn nến lung linh phía căn nhà để quan tài tưởng tượng sáng mai. An cũng có một chỗ nằm nơi đó.

Thấy tôi về chị An lật đật hỏi :

— Chú đã thấy mặt anh ấy chưa?

Tôi đứng ở cửa nói «chưa» rồi đi rót một ly nước. Lúc này trong nhà có thêm mấy người hàng xóm nghe tin An chết tới hỏi thăm. Họ nói chuyện thì thăm với mẹ tôi trên bộ ván. Tôi bưng ly nước lại ngồi xuống chiếc ghế uống từng ngụm. Mẹ tôi ngưng nói chuyện quay sang hỏi :

— Sao lại không thấy ?

Tôi đáp :

— Họ bảo sáng mới được vào nhìn mặt.

Chị An hỏi :

— Có đúng tên tuổi anh An không ?

Tôi đáp :

— Đúng, không lầm lẫn vào đâu được.

Chị An lại khóc :

— Vậy thì anh ấy chết thật rồi.

Tôi cố không nghe những tiếng khóc nên bưng ly nước trà ra hẻm ngồi khuất trong bóng tối. Tiếng máy dệt vẫn chạy rầm rì phía bên kia bức tường cao. Con hẻm nhỏ nhỏ những bóng người đi lại dưới ánh đèn. Con mưa ban chiều như còn thơm hơi nước trong không khí. Tôi yên lặng ngắm khu vườn nhà bên cạnh. Những bóng cây đen mướt, rũ rượi nom thật buồn rầu. Bây giờ, tất cả đều trở nên buồn rầu, đều mang cái ám ảnh tối tăm của cái chết. Tôi không ngờ An đã chết trong khi mọi người vẫn mong anh về bằng cái phép, bằng nụ cười, bằng chiếc mũ rơm rộng vành kéo sụp mí mắt khi băng ngang qua khoảng sân vào nhà. Tôi đã cố không tin điều đó.

Nhưng tên tuổi của An người ta đã vào sổ, đã đánh dấu bằng một vạch chì màu. Từ đây, trong tình thương của gia đình An còn sống. Nhưng thực tế người ta đã xóa tên anh. Đời sống từ hôm nay không còn An nữa. Tôi mang ly nước trở vào nhà. Chị An hỏi :

— Bây giờ mình làm gì đây chú ?

Tôi cố gắng lắm mới nói với chị được một câu :

— Việc gì cũng phải đợi đến sáng mai.

Chị An quay ra ôm hai đứa bé. Cả ba mẹ con cùng khóc tãt tãt. Tôi đứng tần ngần một lúc, định nói với An một câu gì đó nhưng lại thôi. Có lẽ lời nói của tôi lúc này không làm vơi khổ đau của chị, trái lại càng làm cho đau khổ ấy tăng thêm. Tôi bước ra cửa châm điếu thuốc rồi đi lầm lũi ra đầu hẻm tìm một quán cà phê khuất trong lòng đường.

Ly cà phê làm tôi nhớ tới An. Tự nhiên tôi tưởng tượng ra nhiều thứ sau cái chết của anh. Lúc anh từ trên phi cơ nhảy xuống, lúc anh bị viên đạn đầu tiên bắn trúng, lúc anh té xuống đất. Mọi thứ đều tạo cho tôi một hình ảnh về An, những hình ảnh chắc chắn sẽ không phai trong nỗi nhớ và đời sống tôi từ ngày mai, khi chiếc quan tài gỗ chôn của An được kéo xuống một lỗ huyết đào sẵn. Như vậy, dù sao An cũng có một ngày về. Như vậy, sự ngóng trông của vợ con anh từ nay sẽ chấm dứt. An đã có được một cái phép dài bằng từng ấy ngày tháng anh sống.

Tôi châm một điếu thuốc khác, ném mẩu tàn ra ngoài cửa quán. Con đường

đã vắng xe cộ. Người đi len trong những bóng cây. Cây và người như mờ khuất trong bóng đêm, đắm thắm thiết tha như nỗi rầu buồn của một dòng tin đưa tới. Theo sau đó là cái chết. An chết thật rồi sao? Tôi bàng hoàng vượt mặt nghe cơn gió kỳ lạ thổi lốc vào quán. Đột nhiên tôi thấy lạnh cóng cả tay chân, Tiếng người đàn ông say rượu bỗng vọng tới từ con hẻm sâu bên cạnh quán, giọng ông lẽ nhè lướt khướt làm người nghe tức nghẹn ở cổ. Tôi móc tiền để lại bàn rồi đi thẳng ra cửa quán. Con đường trước mặt tôi ngó thấy hun hút. Con đường đã hư hoàn toàn, không còn lấy được một khoảng bằng phẳng. Có chỗ thủng xuống thật sâu, nước mưa đọng lại như một cái hồ nhỏ. Những ngày nắng ráo bụi cát bốc lên mù mịt nơi có một chiếc xe nhà binh chạy qua. Tôi thọc hai tay vào túi quần nhìn suốt con đường. Một vài người đi xe gắn máy chạy lữ xuống vũng nước, xe và người lội um ùm. Tôi chưa muốn về nhà. Tôi còn muốn đi lang thang đâu đó để khỏi phải nghe tiếng khóc của chị An. Về nhà lúc này tôi không biết làm gì. Chắc hẳn tôi cũng không ngủ được. Tôi trở vào quán mua bao thuốc lá. Lúc trở ra tôi quyết định đi ngược con đường để tới chợ.

Tôi đi ngang qua một nghĩa địa công giáo. Bình thường ít khi tôi dòm vào. Nhưng hôm nay tôi tự nhiên muốn thấy những ngôi mộ. Tôi dừng lại ngoài cánh cổng khép hờ, ngọn đèn từ một ngôi nhà phía bên kia đường sau lưng tôi hắt sang một khoảng ánh sáng. Từ ngoài dòm vào tôi thấy những ngôi mộ xây cùng một kiểu như nhau, nằm khuất dưới cỏ xanh và những loại cây dại. Ngôi mộ nào cũng có chiếc thập tự trắng. Trong đêm tối những chiếc thập tự nom lơ

mờ, lêu nhêu như những bàn tay mọc lên từ đất. Tôi trở ra đi tiếp tục, không biết ngôi mộ của An rồi có cần xây thêm một chiếc thập tự hay không. Có lẽ, An không cần điều đó. Tự nhiên tôi nhớ An đến muốn khóc.

Đi loang quanh suốt những con đường dẫn qua ngôi chợ nhỏ, hút hết nửa bao thuốc vừa mới mua. Tôi trở về nhà khi chiếc xe bán nước trái cây lọc cọc đầy đi phía trước Chị An, mẹ tôi và mấy người hàng xóm ngồi cả trên bộ ván. Hai đứa con chị An ngồi rũ bên cạnh mẹ. Một người hàng xóm nói:

— Chú Nghiệm hình như không phải chịu tang.

Mẹ tôi đáp:

— Thôi chề đi, anh em mà. Chỉ có hai đứa nhỏ và mẹ nó ặc đồ tang thôi.

Tôi ngồi xuống một chỗ trống trên bộ ván. Mọi người vừa xé vải vừa nói chuyện về An. Mẹ tôi kể lại những cái nghịch phá của An hồi nhỏ, đến đoạn An hút trộm hột gà bằng cây kim khế mấy người hàng xóm phá lên cười. Chị An cẩn thận xé từng mảnh vải trắng, cây kim cắm vào tay áo chị có một đường chỉ thật dài. Chị đã không còn khóc được nữa. Bây giờ, trông chị thật lạnh lùng. Tôi nhìn đôi mắt chị An sưng lên, đỏ ửng dưới ánh đèn nghi bâng quơ đến đôi mắt tròn xoe bên lề của chị ngày nào theo An về ra mắt mẹ tôi. Hai đứa con của chị ngồi đó bây giờ như hai khối đau đề xuống cá đau chung của gia đình. Tôi gọi Trinh lại ôm con bé vào lòng. Phượng hỏi:

Chú có thấy mặt ba cháu chưa?

— Chưa. Đâu ai người ta cho vào giờ này.

— Ba cháu chắc nằm trong đó một mình?

Câu nói của Phượng làm mọi người

mũi lòng. Chị An mím môi rút cây kim trên tay áo may vội vàng dấu nỗi xúc động. Tôi ôm Trinh đứng lên ra thêm. Con bé im lặng nhìn ra khoảng sân, tôi nhìn vào mắt đứa cháu muốn thấy ở đó một điều gì gọi là cái đau khổ của trẻ thơ. Nhưng hình như Trinh chưa ý thức được cái chết của An. Con bé chỉ khóc theo người lớn. Có nghĩa con anh chưa biết anh chết là vĩnh viễn không về với rồ. Điều này làm con bé thêm tội nghiệp. Chúng ta đều tội nghiệp phải không An ?

Cơn mưa đột nhiên trở lại. Tôi ôm Trinh chạy vội vào nhà để tránh những giọt nước tới tấp phía sau. Chị An chạy đi đóng tất cả các cánh cửa. Một

lúc chị trở vào dắt hai đứa con đi ngủ. Chị nói với Phượng :

— Con phải đi ngủ mai mới lên ba được.

Mẹ tôi quay lại hỏi :

— Mưa nữa phải không ?

Chị An dạ một tiếng nhỏ. Tôi ngồi xuống ghế châm một điếu thuốc. Cơn mưa thật lớn, đem gió tạt vào cánh cửa gây thành tiếng động. Tôi ngồi một lúc chợt nghe tiếng xe nổ rã lớn ngoài con hẻm. Tôi bàng hoàng đứng lên với ý nghĩ từ bây giờ An sẽ không trở về căn nhà này nữa. Như tiếng xe kia chỉ đỗ lại một lần ngoài con hẻm trong cơn mưa.

TƯ KẾ TƯỜNG

REGAST.T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức Hòa-Lan

ASPRO



trị :

CÁM CÚM ĐAU NHỨC

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY



PUB. TÂN-TRÍ

KN 226.8YT

**BẠN CÓ ĐU NHỮNG SÁCH LÁ-BỒI
IN NĂM 1969 CHƯA ?**

- **CHIẾN TRANH VÀ HÒA BÌNH I, II, III, IV**
Léon Tolstoï, Nguyễn-Hiến-Lê (dịch) 3000 trang giá 1200đ.
- **ĐẤT PHÙ TANG CÁI ĐẸP VÀ TÔI**
Y. KAWABATA. Cao-Ngọc-Phương (dịch) 50 trang giá 25 đ.
- **VẤN ĐỀ NHẬN THỨC TRONG DUY-THỨC HỌC**
Nhất-Hạnh 138 trang giá 70 đ.
- **NHỮNG GIỌT NẮNG**
Võ-Hồng 150 trang giá 80 đ.
- **MẶT TRẬN MIỀN TÂY VẪN YÊN TĨNH**
E. M. Remarque Phạm-Trọng-Khôi (dịch) 276 trang giá 150 đ.
- **CUỐNG RÚN CHƯA LÌA**
Bình-Nguyên-Lộc 112 trang giá 50 đ.
- **HOÀI CỔ NHÂN**
Võ-Hồng 185 trang giá 100 đ.

IN XONG TRƯỚC TẾT :

- **ĐẠO PHẬT NGÀY NAY** (tái bản) Nhất-Hạnh
- **EM BÉ PHÙ TANG** Iseko, ICHINO HATANO, Trương-Đình-Cử (dịch)
- **NẼO VỀ CỦA Ý** (tái bản) Nhất-Hạnh
- **ÁO EM CÀI HOA TRẮNG** Võ-Hồng
- **XỨ TRẦM HƯƠNG** Quách-Tấn
- **PHƯƠNG PHÁP CHỦ ĐIỂM TẠI TRƯỜNG TIỂU-HỌC CÔNG ĐỒNG** Vương-Pền-Liêm
- **PHONG-TRÀO DUY - TAN** Nguyễn-Văn-Xuân
- **TÂM CA VÀ TÂM CA** (tái bản và 10 bản mới).

NHÀ XUẤT-BẢN LÁ-BỒI
Số 120 Nguyễn-Lâm Chợ-Lớn

BÊN TRỜI

Thơ LÊ-VĂN-TRUNG

Anh muốn về thăm phố Hội-An
Lối xưa còn nhạt nắng hoe vàng
Thuyền sông khói nhẹ, vờ con nước
Biên lạc chiều hôm mây trắng giăng

Bãi tiếp bờ xa lạnh gió đông
Thương cây khế rụng mấy mùa bông
Con chim ngày trước không về nữa
Một chút buồn t'eo mưa cuối đông

Nhớ ngọn đèn khuya đứng muộn phiêu
Em về con phố bóng nghiêng nghiêng
Nhà ai chong ánh đèn hiu hắt
Thả giọng ầu ơ buồn suốt đêm

Đã mấy mùa xa cách ngậm ngùi
Lòng như con nước lạnh lòng xuôi
Thương em, tội nghiệp bầy chim sáo
Vỗ cánh chiều sông nhạt nắng rơi

.Blao, Th. 7-69

Lúc ngồi trong vườn cây

Thơ PHẠM-CAO HOÀNG

ném lòng mình lên nắm cỏ xanh
nửa mai trời đất có thanh bình
nằm nghe gió sớm ru sương sớm
đợi gót chân hồng em rất xinh

gieo hồn trên những nhánh sầu riêng
nửa đêm ngồi đợi bóng trắng lên
trong vườn thơm phức ngàn hoa trái
em ngủ dậy một lòng thên nhiên

ngồi hát bên bờ kê đá nấu
trăm năm rồi cũng chẳng là bao
khói bay muôn sợi theo lời hát
gửi em một giọt tình ta sâu
nửa trong theo một cánh chim xa
mấy năm chim đã cánh giăng hồ
chim bay về núi hay ra biển
thì cũng mờ tăm như lòng ta
thấp cho cao những giọt nắng khô
răng lừa qua tóc em rất thơ
thương em thương nắng thương chim quá
mai chết cùng em chung năm mờ

Mùa Thu ở Huế

Thơ PHAN-PHỤNG-THẠCH

Anh trở lại con đường xưa áo lụa
Hàng cây sao vẫn đứng đợi em về
Em không về nên cây buồn lá úa
Anh cũng buồn đi giữa nắng lê-thê.

★

Từ bờ bên nì nhìn qua thành nội
Phượng đã tàn rụng xuống buổi đầu thu
Làm sao quên những ngày qua bóng tối
Lửa kinh-thành ngùn-ngụt khói âm-u.

★

Những chuyến đò ngang qua về Thừa-Phủ
Còn chở tình bên nớ tới bên tê ?
Anh mỗi bước càng thêm dài nỗi nhớ
Những chiều mưa sớm nắng đón em về.

★

Anh trở lại giữa sân trường Đống-Khánh
Lòng hoang-vu như cỏ dại quanh tường
Ơi những năm mờ hương tàn vắng lạnh
Có lời gì muốn nhắn với quê-hương ?



THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

251-233-235, Phạm Ngũ-Lão Sài-gòn :

Dây nói 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng má / cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện
số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

Thời-sự thế-giới

TU - TRI

Vào nửa ngày cuối năm 1969 tình hình thế giới trở nên hết sức trầm lặng. Không có một sự kiện nào quan trọng xảy ra để có thể khuấy động những ngày lễ cuối năm. Tuy nhiên dưới bề mặt bình thản này người ta có cảm tưởng rằng có những biến chuyển quan trọng đang diễn ra như những làn sóng ngầm. Đó là sự tiến triển của tình hình chính trị của một vài quốc gia quan trọng trên thế giới.

Trước hết tại Âu-Châu, dưới sự lãnh đạo của Đảng Xã-hội, Tây-Đức đang đi tới một chính sách thân hữu với các quốc gia cộng-sản Đông-Âu. Người ta tự hỏi chính sách Âu-châu của Thủ-tướng Willy Brandt sẽ có ảnh hưởng gì tới tương-lai của lục-địa này.

Tại Á-châu Ấn-độ vừa thoát khỏi một sự khủng-hoảng khá trầm trọng Bà Indira Gandhi, sau khi loại trừ được các đối-thủ chủ-cực của đảng Quốc-đại, đang cố gắng lãnh đạo Ấn-độ phát triển kinh-tế. Tuy nhiên người ta cũng đặt câu hỏi là trong Chính-sách tiến-bộ này bà sẽ bị lệ thuộc phe cực hữu đến độ nào.

Ông Willy Brandt trên bàn cờ Âu châu

Cách đây hai tháng, khi ông Willy Brandt, lãnh-tụ xã-hội Tây-Đức, được Quốc Hội tấn phong Thủ-tướng, ông đã loan báo chính sách thân-hữu với các quốc-gia cộng-sản Đông-Âu. Tuy nhiên chính-sách của ông chỉ được đưa ra dưới những nét chính khiến cho các đối thủ của ông thuộc đảng Dân-chủ Thiên-Chúa giáo đã mỉm cười khinh miệt cho rằng

chương-trình này quá mơ hồ.

Hai tháng sau, mọi người đều sửng sốt trước những thành quả ông đang lược được. Nga và các quốc-gia cộng-sản Đông-Âu đã thỏa thuận nối lại bang-giao với Tây-Đức. Mười năm về trước chỉ vì các quốc-gia này thừa nhận Đông-Đức, nên Tây-Đức đã quyết-định áp dụng thuyết Hallstein đoạn-giao với họ. Ngày nay, với Đảng Xã-hội ở chính-quyền, thuyết Hallstein đã bị chính thức bác bỏ. Các quốc gia Đông-Âu nhận thấy chính sách của ông Willy Brandt có lợi cho họ. Tiếp-khắc, Lỗ-ma-ni đều muốn nối lại giây liên lạc kinh-tế với Tây-Đức để bán nông phẩm Hơn nữa, thân hữu với Tây-Đức họ sẽ thoát khỏi vòng lệ thuộc của Nga-sô một phần nào.

Nga-sô vì phải đối phó với Trung-Cộng ở phía Đông nên cũng muốn dàn xếp ổn thỏa với Tây-Đức ở phía Tây để yên trí mà dồn mọi nỗ lực vào công cuộc kỹ-nghệ-hóa. Tuy nhiên Nga-sô cũng lúng túng. Từ trước tới nay Nga đã luôn luôn dùng Tây-Đức như một đe dọa để buộc các chư hầu Đông-Âu phải chịu sự thống-trị của mình. Ngày nay nếu Nga thân hữu với Tây-Đức, tức là mối đe dọa trước đây của khối Cộng-sản không còn nữa thì Nga cũng không còn lý do để bắt các quốc-gia Cộng-sản Đông-Âu phải qui phục như trước nữa.

Một nước Đông Âu lo lắng nhất trước thái độ của ông Willy Brandt là Đông Đức. Đông Đức sợ rằng các nước cộng-sản «anh em» sẽ vì Tây Đức mà

dần dần đi đến chỗ bỏ rơi Đông-Đức. Như vậy, khi các quốc gia Âu-Châu thỏa thuận để thống nhất nước Đức thì Đông Đức sẽ bị Tây Đức sáp nhập.

Các quốc-gia Tây Âu cũng nhìn ông Willy Brandt với một niềm hoài nghi vì không rõ Tây-Đức hướng về khối Cộng sản như vậy là có ẩn ý gì? Đức đã hai lần trong lịch sử liên kết với Nga để chống Tây-Âu ở Rapallo năm 1922 và ở Mạc-tư-Khoa năm 1939. Vì vậy mỗi lần nói tới Rapallo 1 khiến cho các quốc gia Tây-Âu — nhất là Anh và Pháp — đều phải lo ngại.

Kết quả là Tây-Âu cũng bắt đầu phải nhượng bộ Tây-Đức. Tại Hội-nghị thượng đỉnh La Haye của các nước hội viên Tổ chức Thị-trường chung, Tổng-thống Pháp Pompidou đã phải chiều ý Tây Đức mà bằng lòng cho Anh gia nhập Thị-trường chung.

Hơn nữa tại Hội-nghị Liên-phòng Bắc Đại-Tây-Dương, Hoa-kỳ cũng vì ông Willy Brandt mà có một thái-độ mềm dẻo trước đề-nghị thương-thuyết của Minh-ước Varsovie.

Nếu trong tương-lai Anh gia nhập Thị-trường chung, khối Tây-Âu sẽ được tăng cường. Vùng này sẽ là một lực lượng đáng kể để có ưu-thế mà thương thuyết về vấn đề an-ninh ở Âu-châu với các quốc gia thuộc Minh-ước Varsovie. Hậu quả đầu tiên của chính sách Willy Brandt là làm cho khối Tây-Âu cũng như Minh-ước Bắc Đại-Tây-Dương đoàn kết hơn trước.

Tuy nhiên một yếu-tố bất ngờ đã xảy ra làm cho Minh-ước Bắc Đại-tây-Dương trở nên suy yếu. Đó là vấn đề vi phạm nhân quyền tại Hy-lạp. Ủy-hội nhân-quyền Âu-châu đã đưa ra một bản

phúc trình dài 1200 trang về những vi phạm nhân quyền của chính phủ quân nhân Hy-lạp như những vụ tra tấn dã man phe đối lập khiến các quốc-gia hội-viên của Hội-đồng Âu-châu phải đặt vấn-đề khai-trừ Hy-lạp khỏi Hội-đồng. Hy-lạp rút lui khỏi Hội đồng và đồng thời dọa đã sẽ rút khỏi Minh-Uớc Bắc Đại-Tây-Dương. Nếu Hy-lạp rút khỏi Minh-ước Bắc Đại-tây-Dương, cả biên Địa-Trung Hải sẽ bị Nga-sô thôn tính dễ dàng khi chiến tranh bùng nổ, vì vậy mà Hoa-kỳ đang cố gắng giữ Hy-lạp ở lại.

Bà Indira Gandhi đã cứu vãn Ấn-độ khỏi trận khủng-hoảng chính trị

Tháng 7 vừa qua bà Gandhi đã mở đầu cuộc tranh đấu chống các lãnh tụ bảo thủ của đảng Quốc-đại. Nhóm này dưới danh hiệu "Nghệp đoàn" (Syndicate) luôn luôn ngăn chặn đường lối tiến bộ của bà. Tuy họ chống đối, nhưng bà vẫn quyết tâm áp dụng chính-sách của mình. Vì vậy mà bà đã quốc-hữu-hóa các ngân hàng và đưa ông. V. Giri một lãnh tụ nghiệp đoàn, ra ứng cử Tổng-thống để tranh cử với ứng cử-viên của nhóm Nghiệp-đoàn. Kết quả là Ông Giri đắc cử.

Với sự đắc cử của ông Giri, các lãnh tụ đảng Quốc-đại thuộc phái Nghiệp-đoàn như ông Desai, Kamaraj, không chịu được nổi bà Lữ Hộ bèn họp Hội đồng Trung-ương đảng biểu quyết khai trừ bà ra khỏi hàng ngũ đảng Quốc-đại vào tháng 11. Người ta e rằng với sự rạn nứt của đảng Quốc-đại, Ấn-độ sẽ bị lâm vào một tình trạng hỗn độn và phe Cộng-sản sẽ lợi dụng để cướp chính quyền. Nhưng bà Gandhi đã lật ngược thế cờ. Không những tại Quốc-hội, nhờ có sự ủng hộ của tả phái, bà

đã được đa số dân-biểu bỏ phiếu tín-nhiệm mà khi bà triệu tập Đại-hội đảng Quốc-đại bà cũng được đa số đảng viên ủng hộ. Do đó bà đi loại trừ khỏi đảng toàn thể các thành-phần thủ-cự.

Sau khi Đại-hội đảng nhóm họp, bà Gandhi còn thoát khỏi vòng lệ thuộc của phe cực-tả nữa vì ngày nay, với đa số của đảng Quốc-đại ủng hộ bà

cũng không cần tờ phiếu của cộng-sản cũng như của phe cực-hữu.

Tuy nhiên trách nhiệm nặng nề đang chờ bà Indira Gandhi. Sự phát triển của Ấn-độ bị chậm trễ trước sự thất bại của chính sách ngửa sinh-đẻ. Dân-số gia tăng mau lẹ đã tiêu thụ hết phương-tiện phát-triển. Nếu bà Gandhi không phát triển mau lẹ kinh-tế Ấn độ thì trong một tương-lai gần đây phe đối lập sẽ lại có đủ lý do để đả-kích bà.

TỪ TRÌ

THỜI SỰ KHOA HỌC

Apollo 12

Thật thoát thế mà đã trên một tháng cái ngày mà 3 anh chàng Mỹ lên quấy nhiễu chị Hằng lần thứ hai. Thời gian ấm cúng của 3 phi hành gia cũng đã chấm dứt, họ đã trở về với gia đình từ ngày 10/12. Lần này, 3 phi hành gia không đến nỗi bị cô đơn trong phòng giam mà lại được một phái đoàn 11 người vào ở chung để chuyện trò cho vui của vui nhà 11 người bị giam lỏng bất đắc dĩ đó là 11 nhà bác học không gian Mỹ, rủi ro làm tung một lỗ trên chiếc bao tay trong khi khảo sát những đất đá từ Nguyệt cầu đem về.

Quà của chị Hằng lần nào cũng chỉ có toàn đất và đá. Lần này số đất đá nặng tới 40kg 500 mà trong đó 3 phi hành gia đã khổ công lựa chọn những cục to nhất, đặc sắc nhất để mang về. Mẫu đá to nhất nặng 1kg 800, kích thước to lớn của nó làm ngạc nhiên hầu hết những nhà địa chất học trong lần khảo sát sơ khởi. Bên ngoài nó có những chỗ sáng lóng lánh như loại hỏa-nham-thạch mà Apollo 11 đã đem về lần trước.

Trong chiếc rương tặng vật thứ 2, các

nhà bác học chú ý đến một viên đá nhỏ sáng như hũy tinh, khác hẳn với những viên còn lại, và cả với những viên mang về lần trước. Nếu Apollo 11 mang về đất đá ở vùng bề Trần lặn mà 3/4 cho tới bây giờ được chính thức xác nhận là loại kết thạch thì đất đá của Apollo 12 lấy trong Biển Bão-tổ lại có rất ít thuộc loại đó. Lần này các nhà địa chất học còn được thêm một món quà quý giá nữa là những mẫu đất lấy ở dưới sâu mặt Nguyệt cầu do một máy hút chọc sâu vào lòng đất.

Hơn nữa, các máy móc để lại trên Nguyệt cầu vẫn tiếp tục truyền về trái đất những dữ kiện thu lượm được. Hai máy dùng để xác định thành phần cấu tạo của bầu khí quyển Nguyệt cầu. LID (Lunar Ionosphere Detector) và LAD (Lunar Atmosphere Detector) được điều chỉnh để lợi dụng sức nóng trong thời gian hai tuần lễ của 1 ngày nguyệt cầu để lấy lại những năng lượng đã dùng trong thời gian qua. Máy LSM (Lunar Surface Magnetometer) cho biết từ-trường trên đó mạnh hơn khá nhiều mức mà người ta dự đoán. Máy SWS

(Solar Wind Spectrometer) ít có cơ hội để làm việc vì mặt trăng đang ở trong cái đuôi từ trường của trái đất che chở nó khỏi bị những phân tử từ mặt trời bắn tới. Trong lúc đó thì máy P.S (Passive Seismometer) ghi nhận một chấn động kéo dài hơn 55 phút khi phần dưới của phi thuyền Intrepid rơi trở lại vùng biển Bắc Ấn. Nhà địa-chất vật-lý học Gary Latham của Viện đại-học Columbia cho rằng lớp đất khô cằn trong vùng này có tác dụng như một máy khuếch đại, làm cho những luồng chấn động trở nên mạnh mẽ hơn.

Người ta hy vọng là những tài liệu trên đủ cho các nhà bác học lăm tò mò tìm ra tông tích bí ẩn của chị Hằng.

Ung thư bạch huyết và cực vi trùng

Bức màn bí mật của bệnh ung thư đang được kéo lên dần dần. Ở đẳng sau, người ta càng ngày càng thấy rõ bộ mặt của thủ phạm: cực vi trùng.

Năm 1912, nhà sinh vật học Peyton Rous đã chứng minh được chính một loại cực vi trùng đã gây ra loại bướu ung thư ở gà. Bệnh ung thư cổ tử cung nơi người đàn bà cũng đã được xác định gần như chắc chắn là do 1 loại cực vi trùng gây nên và có thể truyền nhiễm từ người này sang người khác.

Người có công lớn trong việc tìm ra nguyên nhân của bệnh ung thư bạch huyết là bác sĩ William Jarrett và các cộng sự viên của ông. Cực vi trùng từ trong máu các con chuột và là máu bị bệnh đã được cô lập và quan sát dưới kính hiển vi điện tử. Tuy nhiên ở người, cuộc thí nghiệm vẫn còn thất bại. Những cố gắng sau cùng đang được xúc tiến để xác định sự có mặt của loại cực vi trùng đó nơi người bệnh.

Hiện thời, trong cách trị liệu bệnh ung thư bạch huyết, chất Amantadine, một hóa chất có đặc tính chống lại cực vi trùng đã được dùng đến

TỬ-DIỆP

TIN MỪNG

Được hăng thiếp báo tin:

Các em: HOÀNG-BÁCH-TÙNG và NGUYỄN-THỊ-THANH sẽ làm lễ thành hôn tại Vương Cung Thánh Đường ngày 23 tháng 12 năm 1969.

Xin chân thành chúc hai em trăm năm hạnh phúc.

NGHIÊM NHẬT HIỀN — NGHIÊM NGỌC HUÂN

TÊ XUYỀN dịch

XA GIAO MỚI và các nghi lễ

Nguồn gốc của xã giao và lối xử - thế ở Tây phương — Xã giao và lễ nhép — Lễ độ và xã giao — Các cuộc tiếp tân — Nghi lễ chánh thức — Nghi lễ ngoại giao.

Sách dày trên 100 trang giá \$20 đ

bày bán tại nhà sách Khai Trí

62 Lê Lợi Saigon

MỤC-LỤC THEO BỘ MÔN CUA BACH KHOA

từ số 301 đến số 312, từ tháng 7 đến tháng 12 năm 1969 (*)

Sự sắp xếp theo bộ-môn dưới đây chỉ có tính cách hướng dẫn, giúp bạn đọc dễ tra cứu, bởi vậy nếu có những sai lầm trong sự phân loại, cũng mong bạn đọc lượng thứ cho.

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số ấp chí	Trang
BIÊN KHẢO NGHỊ LUẬN				
<u>CHÍNH TRỊ</u>				
1	Bà Thủ tư ng Do-thái Golda Meir	Vũ Bảo	308	11
2	Khí thiêng khi đã về thần ?	Nguyễn Mạnh Côn	305	10
3	Trăm Việt trên vùng định mệnh: Miền Điện	Phạm Việt Châu	301	33
4	— id — : Cao Miên	id —	302	11
	id — : id —	id —	303	15
5	— id — : Mã-lai	— id —	304	43
	— id — : — id	— id —	305	11
6	— id — : In-đô-nê-sia	— id —	306	31
	— id — : — id —	— id —	307	11
7	— id — : Mỹ và Đông Nam Á	— id —	309	27
	— id — : — id —	— id —	310	11
8	— id — : Cộng sản có mặt	— id —	311	05
	— id — : — id —	id —	312	47
9	Sinh viên V.N. tại Âu-châu (Phỏng vấn Nguyễn Đức Quang)	Trần Đại	311	53
10	Một năm sóng gió của quân lực Hoa-kỳ	Vũ Đình	3 2	05

(*) B.K.T.Đ. số 301 (15-7-1969)
 B.K.T.Đ. số 302 (01-8- 969)
 B.K.T.Đ. số 303 (15-8-1969)
 B.K.T.Đ. số 304 (01-9-1969)
 B.K.T.Đ. số 305 (15-9-1969)
 B.K.T.Đ. số 306 (01-10-1969)

B.K.T.Đ. số 307 (15-10-1969)
 B.K.T.Đ. số 308 (01-11-1969)
 B.K.T.Đ. số 309 (15-11-1969)
 B.K.T.Đ. số 310 (01- 2-1969)
 B.K.T.Đ. số 311 (15-12-1969)
 B.K.T.Đ. số 312 (01-1-1970)

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tập chí	Trang
11	Nghề bán thực phẩm ật dụng cho quân đội Việt-Cộng của dân Cao Miên	Lê-Hương	310	25
12	Những trái thủy nư lôi ở đáy tách trà	Nguyễn-ngọc-Lao	309	11
13	Tổng thống Nixon và phong trào phản chiến ở Hoa kỳ	Nguyễn	308	5
14	Vụ Kouznetsov	Võ Phiến và Hoàng Nghi	305	69
15	Cảm nghĩ nhân Chủ tịch Bắc Việt từ trần	Võ-Phiến	305	5
16	Hồ chí Minh với chiến tranh và Hòa bình	Như-Phong	305	5
17	Ok.nawa đi về đầu	Việt-Phương	301	9
18	Cuộc đảo chánh ở Libye.	— id —	306	37
19	Hội nghị Hồi giáo và lò lửa chiến tranh Trung Đông.	— id —	307	5
20	Nước Đức trên con đường thống nhất	id —	309	5
21	Tiếp-khắc sau một năm bị chiếm	Trần-hế-Sự	308	39
22	Độc đạo luật về Qui chế chính đảng	Đoàn-Thêm	301	5
26	Đề kỷ niệm 100 năm sinh Gandhi : tìm hiểu đúng ý nghĩa Bất bạo động theo Gandhi :	Hoành-Sơn Hoàng-sỹ-Quý	303	5
—	— id —	— id —	304	9
25	Georges Pompidou, tân Tổng thống Pháp	Từ Trì	301	17
24	Những bất biến trong chính sách đối ngoại của Nga	— id —	302	05

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập chí	Trang
26	Thời sự thế giới	Từ-Trì	301	73
—	— id —	— id —	303	79
—	— id —	— id —	304	78
—	— id —	— id —	305	77
—	— id —	— id —	306	80
—	— id —	— id —	307	69
—	— id —	— id —	309	73
—	— id —	— id —	310	70
—	— id —	— id —	311	75
—	— id —	— id —	312	69
27	Ý thức tôn giáo và ý thức dân tộc	Lý Chánh Trung	303	25
—	— id —	— id —	304	5
27	Kỳ thị địa phương	Tạ-chí-Đại-Trường	310	5
—	— id —	— id —	311	31
29	Cộng hòa Nhân dân Ba-lan	Nguyễn-khắc Tiến-Tùng	305	23
	<u>GIAO-DỤC</u>			
1	Gia huấn ca về nền học cũ	Đoàn-nhật-Tấn	301	19
	<u>KHOA - HỌC</u>			
1	Apollo 11 : chuyến bay lịch sử	Trần-lương-Ngọc	302	79
2	Toán số với cần khôn	Cung-Giữ-Nguyên	302	29
	— id —	— id —	303	21
	— id —	— id —	304	19
	— id —	— id —	305	27
	— id —	— id —	306	23
	— id —	— id —	307	29
	— id —	— id —	308	21
	— id —	— id —	309	37
	— id —	— id —	310	41
	— id —	— id —	312	13
3	Khoa học không gian và chương trình Apollo	Bùi-bảo-Sơn	310	41

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạo chí	Trang
4	<u>Máy đánh chữ</u> xưa và nay	Chu-Minh-Thụy	312	29
5	Vũ khí hóa học, vũ khí vi trùng	Võ-Quang-Yến	304	36
	<u>NGHỆ-THUẬT</u>			
1	Vài cái hay cái dở trong nhạc Việt	Trần-văn-Khê	302	19
2	Dạ hội Ca Vũ Nhạc kịch cổ truyền Cổ đô Huế	Minh-Quân	307	73
	<u>PHONG-TỤC</u>			
1	Tín ngưỡng trong đời sống của người Việt gốc Miên : Bùa Ngải	Lê-Hương	302	37
—	— id —	— id —	303	37
	<u>SỬ ĐỊA</u>			
1	Vấn đề thời kỳ Tây-phương	Nguyễn-đức-Cung	305	33
2	Ba đợt văn minh	Kim-Định	305	17
—	— id —	— id —	306	11
3	Việt Nho	— id —	311	21
4	Con cháu vua Lý từ Việt- Nam di cư sang Đại-hàn dân-quốc.	Đỗ-bằng-Đoàn và Đỗ-trọng-Huê	301	27
5	Hai giờ với thi sĩ Quách Tấn về cụ Đào Tấn	Châu-Hải-Kỳ	307	17
	<u>TIỂU SỬ—DANH NHÂN</u>			
1	Bà Thủ tướng Do thái Golda Meir	Vũ Bảo	308	11
2	Honoré de Balzac	Nguyễn-hiến-Lê	310	31
—	— id —	— id —	311	11
—	— id —	— id —	312	19
3	Nobel văn chương 1969 : Samuel Beckett	Thế-Nhân	309	55

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tập chí	Trang
4	Tìm hiểu đúng ý nghĩa Bất bạo động theo Gandhi	Hoành Sơn Hoàng-sỹ Quý	303	05
—	— id —	— id —	304	29
5	Georges Pompidou, Tổng- thống Pháp	Từ Trại	301	17
	<u>TRIẾT</u>			
1	Một cái nhìn Đông phương về vấn đề tính dục	Hoành Sơn, Hoàng Sỹ Quý	308	27
—	— id —	— id —	309	21
—	id —	— id —	310	21
—	— id —	— id —	311	27
—	— id —	— id —	312	33
	<u>TÔN GIÁO</u>			
1	Những trái thủy lôi ở đáy tách trà	Nguyễn-ngọc-Lan	309	11
2	Ý thức tôn giáo và ý thức dân tộc :	Lý-Chánh-Trung	303	25
—	— id —	— id —	304	05
	<u>VĂN-HỌC, VĂN-HÓA</u>			
1	Tâm sự Nguyễn-mạnh-Côn	Lê-phương-Chi	309	43
2	Câu đối ai điều Mộng-Trung nữ sĩ	Vũ-hoàng-Chương	308	78
3	Nói chuyện với Võ-Phiến	Bách-Khoa	302	59
4	Vài vấn đề với Thế-Uyên	— id —	303	72
5	Đàm thoại với Lý Chánh Trung	— id —	312	37
6	Hai giờ với thi sĩ Quách Tấn về cụ Đào-Tấn	Châu-Hải-Kỳ	307	17
7	Vấn đề "kiềm duyệt"	Nguyễn-hiến-Lê	306	5
8	Honoré de Balzac	— id —	310	31
—	— id —	— id —	311	11
—	— id —	— id —	312	19

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tập chí	Trang
9	Nobel văn chương 1969 : Samuel Beckett	Thế-Nhân	309	55
10	Tưởng nhớ Nguyễn-Nho- Nhơn	Lê-đình-Phạm-Phú	301	57
11	Lừ hai chữ « chung cư » đến tinh thần học hỏi của nhà giáo	Nguyễn-văn-Quan	307	39
12	L.L.Lan (15 năm thi ca Miền Nam)	Nguyễn-đức-Sơn	307	33
13	Gia-huấn .a về nền học cũ	Đoàn-nhật-Tấn	301	19
14	Vụ Kouznetsov	Tràng-Thiên và Hoàng-Nghị	305	69
15	Hội-nghị Văn bút quốc tế ở Menton	Phạm-việt-Tuyền và Nguyễn-văn-Trung	310	49
<u>LINH TINH</u>				
1	Tarzan, người hùng 20 năm trước	Bảo-Châu	308	45
2	Đào tạo ký-giả tại các quốc gia kém mở mang	Trần-Đại	306	17
	— id —	— id —	307	23
	— id —	— id —	308	33
3	Xã-giao và nghi-lễ	Phạm trọng-Nhân	301	39
4	Apollo 11 : một bài ảnh hưởng đặc biệt	Đoàn-Thêm	302	75
VĂN - NGHỆ				
<u>DÀM THOẠI - PHỎNG VẤN</u>				
1	Sinh viên Việt-Nam tại Âu châu (phỏng vấn Nguyễn- đức-Quang)	Trần Đại	311	53
2	Nói chuyện với Võ Phiến	Bách Khoa	302	59
3	Vài vấn đề với Thế Uyên	— id —	303	72
4	Đàm thoại với Lý chánh Trung	— id —	312	37

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tập chí	Trang
5	Hội nghị Văn bút quốc-tế ở Menton	Phạm-Việt-Tuyền và Nguyễn văn Trung	310	49
6	Hai giờ với thi sĩ Quách Tấn về cụ Đào-Tấn	Châu-Hải-Kỳ	307	17
	<u>ĐOÀN VĂN</u>			
1	Cái còn lại : tiếng nói (mấy chữ cho Samuel Beckett)	Hoàng-ngọc-Biên	309	59
2	Tưởng nhớ Nguyễn-Nho- Nhơn	Lê-dình-Phạm-Phú	301	57
3	Khóc Mộng-Trung	Minh-Quân	306	63
	<u>KỊCH</u>			
1	Đi lại	Samuel Beckett (Hoàng ngọc Biên dịch)	309	59
	<u>TRUYỆN NGẮN</u>			
1	Theo bước di dân	Hồ trường-An	307	53
2	Lão già trên sông	Huỳnh-Công-Ân	301	53
3	Chị Bèo	Hoàng-ngọc-Châu	305	37
4	Cho hân thôi lưu đầy chốn đây	Nguyễn-thái-Yên-Chi	310	67
5	Tiếng gọi thầm	Doãn-Dân	308	49
6	Người nữ tu	Lan-sơn-Đài	308	63
7	Ngày khai trường	Trần Đại	309	59
8	Đốt xác	Bùi-kim-Đĩnh	311	59
9	Thả khói lên trời	Nguyễn-Cát-Đông	306	53
10	Cuộc sống người tàn bạo	Biên-Hồ	301	47
11	Bão cát	— id —	304	47
12	Gửi một cô bé mới quen	Phạm-mỹ-Khánh	301	65
13	Buổi sáng mùa đông cho những nụ hoa vàng	Thái-Lãng	307	43
14	Thư từ D.M.Z	Lê-bá-Lãng	305	46

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập chí	Trang
15	Sống trên đời	Nguyễn-tăng-Liên	311	69
16	Ngôi trường khi khép mắt	Phạm-ngọc-Lư	304	59
17	Cơn say trên đèo	Định-Nguyên	303	43
18	Băng và N	— id —	310	57
19	Tìm tài liệu	Nguyễn-Kim-Phượng	302	56
20	Lãng đãng sương mù	Phương-Hoa-Sử	303	61
21	Nửa lon gạo	Lê-Tâm	310	63
22	Thắp sáng mùa hè	Từ-Kế-Tường	302	46
23	Đám cưới trong mùa hè	— id —	306	42
24	Ngày về của An	— id —	312	55
25	Những giọt máu hồng	Hằng Vũ	305	60
<u>THƠ</u>				
1	Lòng thấy như là	Hoàng-ngọc-Châu	301	62
2	Sự thật phàng ; Di chúc nguyệt cầu ; Sao cho tròn ước	Vũ-hoàng-Chương	302	74
3	Lúc ngồi trong vườn cây	Phạm Cao Hoàng	312	66
4	Được tin Mộng-Trung từ trần ở Pháp	Nguyễn-Ngu-Í	306	68
5	Sương và ốc biển	Tường-Linh	302	73
6	Luân hồi	— id —	305	45
7	Biển gọi	— id —	307	51
8	Những khuôn mặt	— id —	311	67
9	Vì làm người lưu vong	Hoàng-Lộc	305	47
10	Cám ơn em	Trần-Dạ-Lữ	305	59
11	Khóc em	Bảo-Lương	308	77
12	Tưởng nhớ Phan-Trước- Viên	Chu-vương-Miền		
		Lan-Sơn-Đài	303	69
13	Tình hồng	Định-Nguyên	305	58
14	Những lời sương khói	Nguyễn-Nho-Nhượng	301	59
15	Về ru tình	Lê-Đình-Phạm-Phú	305	46
16	Đá buồn đỉnh núi	Phương-Hoa-Sử	301	63

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập chí	Trang
17	Một buổi chiều lang thang trong xóm vắng	Đặng-Tấn-Tới	305	58
18	Thiên cổ — dạ sầu	— id —	307	50
19	Thu-khúc	— id —	310	75
20	Khi về Quảng Trị	Phan-Phụng-Thạch	309	70
21	Mùa thu ở Huế	— id —	312	67
22	Cách ngăn	Hạ-Đình-Thao	304	51
23	Thư về Đại Lộc	— id —	311	68
24	Từ vùng lửa đạn	Thủy-Triều	304	58
25	Trong thành phố cổ tích	Đông-Trình	301	62
26	Về một ngôi trường ở Quảng- Pau	— id —	304	61
27	Trong tình đầy thanh tâm	— id —	306	60
28	Thanh bình	Lê-văn-Trung	306	61
29	Làng tôi	— id —	308	68
30	Bên trời	— id —	312	66
31	Trong mơ tôi thấy các em về	— id —	309	71
32	Lời nguyện giờ trưa	Ỡ Yên	308	67

SINH - HOẠT

1	Nỗi tru tư của người cầm cầm bút	Bùi Kim Đình	308	74
2	Truyện ngắn, tản truyện, tiểu thuyết	Minh Quân	310	82
3	Thời-sự văn nghệ (các số 301, 303, 304, 306, 307, 308, 309, 310, 311, 312)	Tràng Thiên và Thu Thủy	301 đến 312	
4	Thời sự khoa học (các số 301, 303, 304, 306, 307, 308, 310, 312)	Tử-Diệp	301 đến 312	

ĐÃ PHÁT HÀNH :

● tuyển tập văn nghệ ●

nhân chứng

THƠ VĂN ĐÔNG XUÂN 1969 – 1970

60 tác phẩm của sáu mươi tác giả hiện đại :

★ vi huyền đặc — nguyên hiến lê — vũ hoàng chương — đông hồ — đình hùng — bàng bá lân — tương phổ — mộng tuyết — hoang trúc ly — thanh tâm tuyến — nguyên đình toàn — tạ ký — tô thủy yên — nguyên thị vinh — tam ích — bùi giáng — mai thảo — phạm công thiện — doãn quốc sỹ — hoàng bảo việt — dương kiên — mai trung tĩnh — hoàng hương trang — hải khanh — cao têu — thành tôn — hoàng xuân việt — phương đài — luân hoán — nguyên thị thủy u — hà thủy — phan lạc giang đông — hồ trường an — bích hoài — thái tú hạp — ninh chữ — trịnh thị diệu tân — diễm phúc — tôn nữ hỷ khương — thu nga — mặc khái — đình thị thủy uyên — trần đồng vọng — trần lữ vũ — lãng tử — xuân sơn — phan nhự thức — phạm thành tài — viễn nhân — tùng linh — hà linh bảo — hoàng nguyên hùng — vĩnh lợi — thư khanh — dị thảo — thụ doãn — đoàn yên linh — tô nguyệt diên — từ băng — nghiêm vy — phổ đức.

★ Bìa của họa sỹ Duy Thanh, phụ bản của họa sỹ Nguyễn Trung, do nữ sỹ Hoàng Hương Trang trình bày.

★ Quý vị ở tỉnh xa muốn có sách xin gửi bưu phiếu 200 đ đề tên Lê phước Độ 581 Trương minh Giảng — Saigon.

Trong Gia - đình êm - ấm
Hay trên đường xa
khát mệt

Chỉ có



NUỐC-NGỌT "CON-COP"



Chai **HÒA TIỀN** !



M.L.C. CHOLON

HIỆU THUỐC THƠM
VIRGINIA NỔI TIẾNG
NHỜ...
ĐÀU LỘC